

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHÁU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

PHẠM NGỌC THỦY

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG KỊCH MÚA VIỆT NAM
VỀ ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG QUA HAI VỞ KỊCH MÚA
ĐẤT NƯỚC VÀ NHÂN SINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ
Chuyên ngành Nghệ thuật Sân khấu

Hà Nội - 2016

BỘ GIÁO DỤC ĐÀO TẠO BỘ VĂN HÓA THỂ THAO VÀ DU LỊCH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SÂN KHẤU - ĐIỆN ẢNH HÀ NỘI

PHẠM NGỌC THỦY

HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG KỊCH MÚA VIỆT NAM
VỀ ĐỀ TÀI CHIẾN TRANH CÁCH MẠNG QUA HAI VỞ KỊCH MÚA
ĐẤT NƯỚC VÀ NHÂN SINH

LUẬN VĂN THẠC SĨ

Nghệ thuật Sân khấu

Mã số: 60210222

Người hướng dẫn khoa học

PGS.TS. Ứng Duy Thịnh

Hà Nội - 2016

LỜI CẢM ƠN

Bằng những tình cảm chân thành nhất, cho phép tôi được bày tỏ lòng biết ơn đến Ban giám hiệu; Khoa sau đại học - Trường Đại học Sân khấu - Điện ảnh Hà Nội đã tạo điều kiện giúp đỡ tôi trong 02 năm học vừa qua. Xin được cảm ơn các GS. PGS. TS. đã tận tình giảng dạy, truyền đạt những kiến thức và kinh nghiệm quý báu trong phương pháp nghiên cứu khoa học và triển khai đề tài nghiên cứu.

Tôi xin được bày tỏ lời cảm ơn sâu sắc đến PGS, TS.NSND. Ứng Duy Thịnh người trực tiếp hướng dẫn khoa học đã chỉ bảo, hướng dẫn tôi trong suốt quá trình nghiên cứu và hoàn thành Luận văn Thạc sĩ.

Nhân đây, cho phép tôi được gửi lời cảm ơn chân thành đến Thủ trưởng Ban giám hiệu và Khoa Múa, Trường Đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội đã tạo điều kiện, quan tâm, chỉ đạo, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình tham gia học tập.

Cuối cùng tôi xin cảm ơn gia đình, bạn bè và đồng nghiệp đã động viên, giúp đỡ tôi trong suốt quá trình học tập, sưu tầm tài liệu và nghiên cứu thực hiện đề tài. Với tinh thần cầu thị, tôi rất mong nhận được sự đóng góp và giúp đỡ quý báu của Hội đồng khoa học và bạn bè đồng nghiệp

Xin chân thành cảm ơn!

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2016

Tác giả luận văn

Phạm Ngọc Thủy

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan luận văn: “Hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng qua hai vở kịch múa Đất nước và Nhân sinh” là công trình nghiên cứu của tôi dưới sự hướng dẫn của PGS.TS.NSND. Ứng Duy Thịnh.

Công trình nghiên cứu này chưa được công bố và không trùng lặp với bất kỳ công trình khoa học nào trước đây.

Những ý kiến tham khảo, trích dẫn của các tác giả đều có nguồn gốc và chú thích cụ thể, rõ ràng.

Tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm về những lời cam đoan trên.

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 2016

Tác giả luận văn

Phạm Ngọc Thủy

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	5
1. Lý do chọn đề tài	5
2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề	6
3. Mục đích nghiên cứu	7
4. Đối tượng nghiên cứu	8
5. Phạm vi nghiên cứu	8
6. Câu hỏi nghiên cứu	8
7. Nhiệm vụ nghiên cứu	9
8. Phương pháp nghiên cứu	9
9. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn	9
10. Cấu trúc luận văn	10
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG KỊCH MÚA VIỆT NAM	12
1.1. Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm kịch múa Việt Nam	12
1.1.1. Khái niệm về hình tượng nghệ thuật	12
1.1.2. Hình tượng nghệ thuật trong nghệ thuật múa	13
1.1.3. Hình tượng người lính trong đề tài chiến tranh cách mạng	15
1.2. Đề tài với tác phẩm nghệ thuật	19
1.2.1. Khái niệm đề tài	19
1.2.2. Đề tài chiến tranh cách mạng trong kịch múa Việt Nam	21
1.3. Khái lược về kịch múa	22
1.3.1. Kịch múa Ballet:	22
1.3.2. Múa hiện đại và kịch múa hiện đại:	24
1.3.3. Kịch múa Việt Nam:	26

1.4. Cấu tạo tác phẩm kịch múa.....	31
1.4.1. Kịch bản múa	31
1.4.2. Ngôn ngữ múa của thể loại kịch múa.	33
1.4.3. Tác giả, biên đạo	35
1.4.4. Vai trò của nghệ sĩ biểu diễn.....	36
1.4.5. Những thành tố khác như âm thanh, ánh sáng, công nghệ cao	38
Tiểu kết chương 1.....	38
Chương 2: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG HAI TÁC PHẨM KỊCH MÚA "ĐẤT NƯỚC" - "NHÂN SINH".....	41
2.1. Kịch múa Đất nước	41
2.1.1 Hình tượng người lính trong kịch bản văn học.....	44
2.1.2 Hình tượng người lính trong hành động nhân vật và ngôn ngữ múa.....	47
2.1.3 Hình tượng người lính trong sự biểu cảm của âm nhạc.....	51
2.1.4 Hình tượng người lính trong mối quan hệ với các thành tố nghệ thuật.....	53
2.1.5 Hình tượng người lính qua các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm	54
2.2 Kịch múa Nhân Sinh	59
2.2.1 Hình tượng người lính trong kịch bản văn học.....	62
2.2.2 Hình tượng người lính trong hành động nhân vật và ngôn ngữ múa.....	65
2.2.3 Hình tượng người lính trong sự biểu cảm của âm nhạc.....	70
2.2.4 Hình tượng người lính trong mối quan hệ với các thành tố nghệ thuật.....	72
2.2.5 Hình tượng người lính qua các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.	74
2.3. Một số vấn đề cần trao đổi qua hai vở kịch múa “Đất nước” và “Nhân sinh”	78

2.3.1. Hình tượng người lính qua tính xung đột trong hai tác phẩm.	78
2.3.2. Hình tượng người lính - sự tương đồng và khác biệt của hai vở kịch mùa.	80
2.3.3. Một số mặt hạn chế trong hai tác phẩm kịch mùa.	88
2.4. Thành tựu và những giải pháp trong việc xây dựng hình tượng người lính trong kịch mùa Việt Nam đề tài chiến tranh cách mạng.	89
Tiểu kết chương 2.....	92
KẾT LUẬN.....	95
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	98
PHỤ LỤC 1.....	100
PHỤ LỤC 2.....	102

DANH MỤC CHỮ CÁI VIẾT TẮT**CHỮ VIẾT TẮT**

PGS

TS

NSND

NSƯT

ĐH

VHNT

CĐCẢ

QĐND

XHCN

HCV

BQP

Nxb

NTC

CHỮ THƯỜNG

Phó giáo sư

Tiến sĩ

Nghệ sĩ nhân dân

Nghệ sĩ ưu tú

Đại học

Văn hóa Nghệ thuật

Cổ điển Châu Âu

Quân đội Nhân dân

Xã hội chủ nghĩa

Huy chương vàng

Bộ quốc phòng

Nhà xuất bản

Ngày truy cập

MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Chiến tranh và người lính là một đề tài rộng lớn, nó luôn mang trong mình những giá trị lịch sử cũng như thời đại không chỉ đối với đất nước Việt Nam, mà còn được sự quan tâm của các dân tộc trên thế giới. Có rất nhiều tác giả, tác phẩm ở mọi loại hình nghệ thuật đã sáng tác rất thành công về đề tài này.

Chiến tranh đã qua đi, nhưng những bài học về nhân cách, về lý tưởng, cũng như đạo đức của người lính vẫn còn giá trị mãi mãi đối với thế hệ hôm nay và mai sau. Đặc biệt đối với Việt Nam là một đất nước có lịch sử của rất nhiều cuộc chiến tranh thì đây là nguồn cảm hứng sáng tạo vô tận cho các tác giả, biên đạo và trên thực tế cũng đã có rất nhiều tác phẩm đã thành công. Nó khai thác triệt để về tình yêu đối với Tổ quốc, với quê hương, với con người. Sự hy sinh vì độc lập, vì tự do của dân tộc.

Tuy nhiên cũng không phải không có những tác giả, tác phẩm chưa hiểu hết về chiến tranh, về người lính cho nên còn yếu về mặt nội dung, ngôn ngữ múa cũng như việc xây dựng hình tượng nhân vật. Từ đó chưa phản ánh đúng về bản chất của những cuộc chiến tranh vệ quốc cũng như hình tượng của người lính cách mạng.

Bản thân tôi cũng là một người chiến sĩ - nghệ sĩ tìm hiểu, nghiên cứu về hình tượng người lính là một khát khao cháy bỏng. Trước hết nó đem lại cho tôi những bài học về nhân cách, để hiểu hơn về các thế hệ cha ông đã hy sinh tính mạng của mình để giành độc lập cho ngày hôm nay.

Thời gian gần đây cũng đã có rất nhiều bài viết hay nghiên cứu về hình tượng người lính với đề tài chiến tranh cách mạng qua các vở kịch múa. Nhưng về cơ bản, mỗi bài viết chỉ đề cập đến một vấn đề nào đó chứ chưa có

một nghiên cứu tổng thể có hệ thống. Chính vì vậy với tất cả lý do trên, tôi đã chọn đề tài: "Hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng qua hai vở kịch múa Đất nước và Nhân sinh" cho luận văn thạc sĩ của mình.

2. Lịch sử nghiên cứu vấn đề

Qua hơn nửa thế kỉ khai sinh và phát triển nền kịch múa Việt Nam, chúng ta có thể khẳng định đề tài chiến tranh cách mạng, đề tài về người lính luôn là chủ đề tư tưởng xuyên suốt cho tư duy sáng tạo của các nhà biên kịch và đạo diễn. Mở đầu chúng ta phải nói đến vở kịch múa “Ngọn lửa Nghệ Tĩnh” kịch bản và đạo diễn tập thể biên đạo múa Tổng Cục chính trị dưới sự chỉ đạo của chuyên gia Triều Tiên - Kim Tế Hoàng. Đây là vở kịch múa để lại nhiều ấn tượng sâu sắc nhất đối với không chỉ nhân dân Việt Nam, mà còn với cả bạn bè quốc tế. Ra đời trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt “Ngọn lửa Nghệ Tĩnh” đã thổi bùng lên tinh thần đoàn kết dân tộc, ý chí chiến đấu mãnh liệt của quân và dân ta “dù phải hy sinh tất cả chứ không chịu mất nước”. Sau đó tiếp tục ra đời những vở kịch múa giá trị khác như Bà mẹ miền Nam, Theo cờ giải phóng, Rừng thiêng núi nhớ, Đất nước, Nhân sinh, Núi đôi...

Ngoài những vở kịch múa nói chung, những vở kịch múa về đề tài chiến tranh cách mạng nói riêng còn có một số công trình nghiên cứu về kịch múa Việt Nam cùng với việc tiếp thu nghệ thuật múa hiện đại làm đa dạng, phong phú ngôn ngữ múa, trong quá trình sáng tác những vở kịch múa ở nhiều góc độ khác nhau tiêu biểu như:

“ Lịch sử nghệ thuật múa Việt Nam” của GS.TS.NSND. Lê Ngọc Canh, Nxb Sân khấu Hà Nội (2008).

“Sổ tay biên đạo” của NSND. Trịnh Xuân Định, Nxb Mỹ Thuật 2015.

“Tuyển tập những bài viết về nghệ thuật múa Việt Nam”. Tập 1 + 2 Hội nghệ sĩ múa Việt Nam (2012 - 2013).

“ Kế thừa và phát huy múa dân gian dân tộc trong kịch múa Việt Nam đương đại qua một số tác phẩm tiêu biểu” luận văn thạc sĩ của PGS.TS.NSND. Ứng Duy thịnh.

“Tính hiện đại trong kịch múa Việt Nam về đề tài lịch sử” luận văn thạc sĩ của Hồ Thị Thanh Tâm (2014).

Tuy nhiên để so sánh các loại hình nghệ thuật khác thì ngành múa còn rất hạn chế trong vấn đề nghiên cứu chuyên sâu những đề tài cụ thể một cách khoa học, mang tính lý luận. Về cơ bản những tài liệu đó không đi sâu phân tích đánh giá cụ thể và còn mang tính liệt kê, hệ thống lại. Hoặc chỉ phản ánh một khía cạnh đơn lẻ nào đó trong tổng thể sáng tác và phát triển của ngành múa Việt Nam. Chứ chưa có một nghiên cứu nào về hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng.

Để tạo điều kiện cho nền kịch múa Việt Nam phát triển một cách bền vững, theo kịp xu thế của thời đại thì những nghiên cứu về chuyên đề, chuyên sâu mang tính lý luận và khoa học là một yếu tố vô cùng cần thiết. Nó giúp các tác giả, đạo diễn có cách nhìn tổng quan hơn, rõ nét hơn về người lính. Để từ đó có thể xây dựng được hình tượng các nhân vật một cách hiệu quả, có giá trị nghệ thuật cao. Đặc biệt ngày càng thiếu vắng đi những tác giả đã trải qua bom đạn chiến tranh để thực sự thấu hiểu về khó khăn nguy hiểm mà người lính phải đối mặt.

3. Mục đích nghiên cứu

Chọn lọc, phân tích đánh giá hai vở kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng, từ đó tìm ra những thủ pháp nghệ thuật cũng như cách thức sử dụng ngôn ngữ múa trong việc xây dựng hình tượng người lính.

Phát hiện tính tổng hợp trong đa dạng và mới mẻ của ngôn ngữ múa, âm nhạc, đạo cụ, phục trang, trang trí trong các vở diễn kịch múa nhằm làm nổi bật hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng.

Tìm ra những kinh nghiệm nhằm tăng cường tính hiệu quả về xây dựng hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam.

4. Đối tượng nghiên cứu

Các thủ pháp nghệ thuật, cách xây dựng ngôn ngữ múa, sự kết hợp giữa các yếu tố như âm nhạc, trang phục đạo cụ, trang trí... Để xây dựng hình tượng người lính trong các vở kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng.

5. Phạm vi nghiên cứu

Để thực hiện đề tài này, học viên chọn hai vở kịch múa tiêu biểu về người lính và chiến tranh cách mạng.

- Kịch múa “Đất nước” Kịch bản và đạo diễn PGS.TS.NSND. Ưng Duy Thịnh.

- Kịch múa “Nhân sinh” kịch bản NSND. Trịnh Xuân Định – NGƯT. An Thuyên. Biên đạo sinh viên lớp biên đạo khóa 9 trường ĐH VHNT Quân đội.

Cả hai vở kịch múa trên đều có chung những đặc điểm tương đồng: Kịch bản, đạo diễn, diễn viên đến nhà hát thực hiện đều nằm trong lực lượng vũ trang. Từ tổng thể cái chung đó, nhưng trong từng vở sẽ có những thủ pháp nghệ thuật và cách xây dựng ngôn ngữ múa về hình tượng người lính một cách khác nhau. Đây cũng chính là một yếu tố hấp dẫn mà học viên chọn hai vở kịch múa trên.

6. Câu hỏi nghiên cứu

- Những đặc điểm nào làm nổi bật về hình tượng người lính trong tác phẩm kịch múa về đề tài chiến tranh cách mạng?

- Hiệu quả của việc kết hợp giữa ngôn ngữ múa với các yếu tố sân khấu như thế nào?

- Tính xung đột trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng?

7. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Thông qua hai vở kịch múa để phân tích đánh giá, làm rõ những phương pháp xây dựng hình tượng người lính qua quá trình cấu tạo ngôn ngữ múa.

- Nghiên cứu tính hiệu quả, sự cộng hưởng của ngôn ngữ múa với các yếu tố như âm nhạc, trang phục, đạo cụ, ánh sáng, trang trí trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng.

- Tìm những giá trị nghệ thuật cũng như tư tưởng của hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng.

8. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp luận: Dựa trên những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, để huy động các phương pháp cấu thành phương pháp luận thích hợp với việc triển khai đề tài này.

Các phương pháp nghiên cứu:

- Phương pháp lịch sử (lịch đại và đồng đại).

- Phương pháp so sánh đối chiếu.

- Phương pháp khảo tả.

- Phương pháp tổng hợp phân tích và phương pháp tự biện.

9. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn

Ý nghĩa khoa học

- Hệ thống một số vấn đề lý luận cơ bản của kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng.

- Lý luận về tính đa dạng trong giới hạn lịch sử của ngôn ngữ kịch múa về đề tài chiến tranh cách mạng.

Về thực tiễn.

- Những kinh nghiệm xây dựng hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam đề tài chiến tranh cách mạng.

- Kinh nghiệm viết kịch bản cho kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng.

- Kinh nghiệm thiết kế sân khấu, trang phục đạo cụ.

- Tìm ra giá trị những bài học cao cả về đạo đức, về nhân cách, về lý tưởng... của người lính trong chiến đấu.

10. Cấu trúc của luận văn**MỞ ĐẦU****Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG KỊCH MÚA VIỆT NAM**

1.1. Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm kịch múa Việt Nam

1.2. Đề tài với tác phẩm nghệ thuật

1.3. Khái lược về kịch múa

1.4. Cấu tạo tác phẩm kịch múa

Tiểu kết chương 1**Chương 2: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG HAI TÁC PHẨM KỊCH MÚA "ĐẤT NƯỚC" - "NHÂN SINH".**

2.1. Kịch múa Đất nước

2.2. Kịch múa Nhân Sinh

2.3. Một số vấn đề cần trao đổi qua hai vở kịch múa “Đất nước” và “Nhân sinh”

2.4. Thành tựu và những giải pháp trong việc xây dựng hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam đề tài chiến tranh cách mạng.

Tiểu kết chương 2**KẾT LUẬN**

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

PHỤ LỤC 1

PHỤ LỤC 2

Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN CỦA HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG KỊCH MÚA VIỆT NAM

1.1. Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm kịch múa Việt Nam.

1.1.1. Khái niệm về hình tượng nghệ thuật.

* Hình tượng nghệ thuật bắt đầu từ tư duy nghệ thuật, là phương tiện đặc thù của nghệ thuật nhằm phản ánh cuộc sống một cách sáng tạo, bằng những hình thức sinh động, cảm tính cụ thể như bản thân đời sống, thông qua đó nhằm lý giải, khái quát về đời sống với một ý nghĩa tư tưởng, cảm xúc nhất định xuất phát từ lý tưởng thẩm mỹ của người nghệ sĩ.

Nếu như khoa học sử dụng những khái niệm, định nghĩa riêng để thể hiện mình thì nghệ thuật lấy hình tượng để diễn tả, tái hiện đối tượng, nội dung mà nó đề cập. Khái niệm hình tượng nghệ thuật từ lâu đã không còn xa lạ với những ai đã từng tiếp xúc với bất cứ loại hình nghệ thuật nào như: Văn học, hội hoạ, điêu khắc, ca kịch... Người nghệ sĩ dùng hình tượng nghệ thuật để nhận thức và cắt nghĩa đời sống, thể hiện tư tưởng và tình cảm của mình, nhờ những hình tượng đó mà những sự vật hiện tượng được tái hiện một cách sinh động, nhưng cũng nhờ nó mà cái tâm, cái tài của người nghệ sĩ được thể hiện một cách tràn đầy và vẹn nguyên nhất.

Trong mỹ học, hình tượng nghệ thuật được hiểu theo hai nghĩa: Nghĩa rộng, nghĩa hẹp.

Nghĩa rộng chỉ đặc điểm chung về phương thức phản ánh đời sống của tất cả các loại hình nghệ thuật, để nhận biết nghệ thuật với khoa học và các loại hình thức, ý thức xã hội khác.

Nghĩa hẹp: Khái niệm hình tượng được dùng trong phạm vi tác phẩm, chủ yếu là hình tượng cụ thể về một con người, một tập thể người, một con vật, đồ vật hay một cảnh sắc thiên nhiên, một cảnh sinh hoạt lao động thường

ngày... Tất cả mọi thứ từ tầm thường nhất khi đi vào nghệ thuật đều có thể trở thành hình tượng một khi nó mang trong mình những quan niệm sống, những trải nghiệm cuộc đời, những triết lý nhân sinh sâu sắc.

Để mỗi hình tượng được tái hiện và tồn tại, người nghệ sĩ phải sử dụng những phương tiện vật chất cụ thể như: ngôn từ, âm thanh, màu sắc, đường nét... Đằng sau lớp vỏ vật chất ấy là một thế giới đời sống muôn hình muôn vẻ gắn liền với vô vàn cung bậc cảm xúc tình cảm nghệ thuật mà tác giả muốn gửi gắm. Mỗi tác phẩm nghệ thuật không chỉ đơn thuần mô phỏng thế giới khách quan qua con mắt tinh tế, nhạy cảm của người nghệ sĩ mà còn mang trong mình những thông điệp đẹp đẽ về tư tưởng, triết lý sống, những bài học hay, những kinh nghiệm quý giá do chính tác giả trải qua và chiêm nghiệm rút ra từ cuộc đời mình. Bởi vậy mà khi nhìn vào một tác phẩm nghệ thuật, người ta có thể đánh giá được cái tài, cái tâm của người nghệ sĩ sáng tác ra nó. Nhờ đó, khi khám phá nghệ thuật người ta không những được cảm thụ, thưởng thức cái đẹp, được tiếp cận nguồn tri thức vô hạn của nhân loại mà đồng thời qua đó người ta còn được tiếp nhận những chân lý về đời sống. Đây chính là biểu hiện đỉnh cao của hình tượng là cái đích mà bất cứ người nghệ sĩ nào trong suốt cuộc đời theo đuổi sự nghiệp nghệ thuật, theo đuổi cái đẹp, cái hoàn mỹ của mình cũng muốn đạt được.

1.1.2. Hình tượng nghệ thuật trong nghệ thuật múa

Hình tượng nghệ thuật trong nghệ thuật múa là thế giới quan, nhân sinh quan của tác giả biên đạo trước hiện thực đời sống, qua tư duy hình tượng múa, là sự biểu hiện toàn vẹn tư tưởng, tình cảm được thể hiện một cách sinh động trong cấu trúc tác phẩm và thông qua ngôn ngữ đặc trưng của nghệ thuật múa. Trong nghệ thuật múa khái niệm “hình tượng” được hiểu với hai ý nghĩa đó là:

+ Chỉ nhân vật trong một tác phẩm nào đó

+ Đặc điểm chung của phương tiện phản ánh hiện thực khách quan của tác giả.

Hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm kịch múa được người viết đề cập phân tích một cách toàn diện cả về nội dung tư tưởng và thủ pháp nghệ thuật. Nhằm đánh giá một cách khách quan năng lực sáng tạo của các tác giả biên đạo múa.

Ngoài những đặc điểm chung của hình tượng văn học nghệ thuật thì hình tượng nghệ thuật múa có những biểu hiện đặc trưng riêng đó là các tạo hình trong dạng tĩnh, được kết cấu từ các tư thế tạo hình múa mà trong đó chứa đựng những biểu cảm mạnh mẽ, ấn tượng có thể phản ánh được tư tưởng của tác phẩm múa.

Trong cuộc sống hàng ngày của mỗi con người, các hoạt động hình thể không phải lúc nào cũng thực hiện liên tục. Nhiều lúc con người vẫn hoạt động mà hình thể tưởng như ngừng nghỉ. Các tạo hình bị chi phối với những hoàn cảnh khách quan như nóng, lạnh, nắng, gió, dưới biển, trên rừng... và quan trọng hơn là tâm hồn, tính cách, cảm xúc của nhân vật trong thời khắc ấy. Quan sát kỹ cuộc sống muôn mặt biên đạo có thể và cần phải tìm ra những chi tiết biểu hiện đẹp nhất, chuẩn xác nhất để sử dụng trong quá trình sáng tạo hình tượng nhân vật của mình. Khi sáng tạo hình tượng, biên đạo cần chú ý cả tới những đặc điểm của nhân vật được hình thành bởi dân tộc, thời đại và thành phần xã hội. Góc độ quan sát của khán giả, vị trí trên sân khấu cũng ảnh hưởng tới sức biểu hiện của các tạo hình. Tùy tính cách nhân vật, quan hệ của chúng với môi trường xung quanh trong tính kịch mà tìm cho nhân vật một vị trí thoả đáng nhất: Ở giữa sân khấu? Bên phải phía dưới? Phía trên? hoặc bên trái ?...

Như vậy là phần hình thức thể hiện tính cách nhân vật, biên đạo phải chú ý tới sự hài hòa của các bộ phận cơ thể, tiếp tới là phương hướng và vị trí của chúng so với chỗ ngồi cố định của khán giả.

Ở những tạo hình đông người, mỗi nhân vật phải có đầy đủ ba yếu tố này đồng thời họ lại làm chung trong một hoàn cảnh kịch tính nào đấy. Do vậy tạo hình đông người vừa có sự đa dạng của nhiều tính cách vừa có sự thống nhất trong sự kiện của nội dung tác phẩm. Trong cách sắp đặt, các tạo hình đông người bao giờ cũng có một nhân vật, hay một nhóm nhân vật là trung tâm. Đây là người mà qua họ ta muốn thể hiện nội dung chính của sự kiện. Những nhân vật khác phụ hoạ làm nổi bật hơn hành động của nhân vật trung tâm.

Trên sân khấu kịch múa dừng lại không phải là nghỉ ngơi, mà là tiếp tục nói một cách khác. Ở những khoảng lặng này là lúc mà hành động nhân vật được phát triển ở một cấp độ cao hơn. Có trường hợp dừng lại, hình tượng lại nói mạnh mẽ hùng hồn hơn là hành động. Vì vậy, nhiều lúc ta thấy biên đạo sử dụng tạo hình làm mở đầu, kết thúc, thậm chí cao trào của tác phẩm. Có biên đạo dùng tạo hình như bộ khung bao quanh tác phẩm. Người khác khi tình cảm hoặc kịch tính phát triển lên cao nhất không sử dụng tiết tấu, hòa thanh âm nhạc dồn dập, mạnh mẽ mà đột ngột dừng lại ở những tạo hình biểu cảm nhất. Trong đời gặp đau khổ quá có người vật vã, kêu thét. Cũng có người “chết lặng” không một tiếng động. Tùy hoàn cảnh, tùy tâm lý nhân vật biên đạo có thể xử lý cao trào theo nhiều cách. Thậm chí khi âm nhạc dừng lại, biên đạo biết xử lý khéo léo, tạo hình đặt đúng chỗ có khi còn mạnh mẽ, biểu cảm hơn là dùng những tổ hợp luật động liên tục.

1.1.3. Hình tượng người lính trong đề tài chiến tranh cách mạng.

Lịch sử Việt nam là lịch sử gắn liền với các cuộc chiến tranh bảo vệ tổ quốc. Trong không gian đặc biệt ấy, hình tượng người lính được các tác giả biên đạo mô tả với nhiều góc độ khác nhau. Nhưng hết thảy đều nhằm khẳng định những giá trị chân chính trong phẩm giá con người, khẳng định những giá trị của cả một thế hệ trẻ trong chiến tranh. Những giá trị đó được nảy sinh,

được rèn luyện trong sự khốc liệt. Mặc dù chiến tranh đã qua đi, nhưng những giá trị đó tồn tại mãi mãi và cần thiết, nhất định phải đi vào cuộc sống như những chuẩn mực tư tưởng, đạo đức và thẩm mỹ cho con người hôm nay. Việc phát hiện những giá trị đó được xác định trong thể loại kịch múa về mảng đề tài này chính là sự gặp gỡ những cảm xúc của quá khứ và hiện tại. Hình tượng người lính được nhìn nhận với các mối quan hệ đối với Tổ quốc, quê hương, gia đình, tình đồng đội, tình yêu trong chiến tranh và hơn hết thấy đó là sự hy sinh thân mình cho độc lập tự do của Tổ quốc.

Trong kháng chiến chống Pháp vẻ đẹp người lính thường gắn bó với vẻ đẹp bình dị. Họ nhanh chóng trở thành linh hồn của cuộc kháng chiến, trở thành niềm tin yêu và hy vọng của cả một dân tộc. Anh bộ đội Cụ Hồ vẫn là những nông dân mặc áo lính mang trong mình lý tưởng cao đẹp, vì sự sống còn của Tổ quốc họ tạm biệt bến nước, sân đình, bãi mía, nương dâu để ra đi chiến đấu.

Họ ra đi, để lại nơi quê nhà người mẹ già, người vợ trẻ một nắng hai sương cày sâu quốc bẫm. Cái chất nông dân thuần phác mới đáng quý làm sao, và chính nó sẽ làm nên sức mạnh để các anh vượt qua mọi gian khổ chiến thắng kẻ thù. Các anh sẵn sàng ra đi với một quyết tâm lớn lao, sẵn sàng hy sinh riêng mình vì lý tưởng cao đẹp, đó là lý tưởng giải phóng đất nước, giải phóng quê hương, giải phóng chính cuộc đời mình khỏi lầm than nô lệ. Các anh là những người có ý chí nghị lực phi thường, vượt lên trên mọi gian khổ khó khăn trong cuộc chiến đấu. Hình tượng anh vệ quốc quân đi vào thơ ca, nghệ thuật cũng từ những ngày tháng gian nan ấy. Hầu hết các tác giả, biên đạo không thi vị hóa người chiến sĩ, không khoác cho các anh lớp vỏ chiến binh dày dặn phong trần, mà họ nhìn người lính với cái nhìn đồng chí, đồng đội. Họ rất hiểu các anh và tìm thấy ở các anh vẻ đẹp kỳ lạ trong những năm tháng chiến đấu, đó là tinh thần vượt khó, chịu đựng gian lao. Để rồi trong các

tác phẩm hình tượng người lính hiện lên thật chân thực và cảm động. Trong cuộc chiến đấu một mất một còn với kẻ thù, các anh là những người trực tiếp chịu biết bao hy sinh gian khổ. Những năm tháng gian lao của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người lính được cùng nhau chia ngọt sẻ bùi, vào sinh ra tử có nhau. Tình đồng chí đồng đội ngày thêm keo sơn gắn bó. Bên nhau, các anh cùng nhau chia sẻ, mọi tâm tư nỗi buồn. Anh hiểu tôi, cũng như tôi hiểu anh, tất cả cùng chung nỗi nhớ gia đình, nhớ quê hương. Lúc thiếu thốn, khi ốm đau, tình đồng chí đã giúp họ thêm sức mạnh “thương nhau tay nắm lấy bàn tay”. Cái nắm tay không lời mà như biết nói bao lời. Cái nắm tay như truyền cho nhau sức mạnh, ý chí và niềm tin, chuyển cho nhau hơi ấm tình người, sưởi ấm lòng nhau, sưởi ấm cả đôi bàn chân không giày trong buốt giá. Cảm động biết bao nhiêu mối quan hệ tốt đẹp của những người cùng chiến đấu vì một lý tưởng cao đẹp.

Các anh là những người có tâm hồn lãng mạn, lạc quan yêu đời. Đời lính đâu phải chỉ có khói bom và thuốc súng. Với tâm hồn rộng mở, trong sáng, người lính cũng có những phút giây, những kỷ niệm thật êm đẹp, thơ mộng. Giữa cảnh núi rừng mênh mông yên tĩnh, trong màn sương muối lạnh lẽo phủ dày, trong tư thế sẵn sàng bước vào cuộc chiến đấu, người lính vẫn thả hồn mình tìm đến vẻ đẹp của vàng trắng, vẫn cảm nhận được vẻ đẹp của vàng trắng, thấy vàng trắng như treo nơi đầu súng.

“Đêm nay rừng hoang sương muối
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới
Đầu súng trăng treo”

[Đồng chí - Chính Hữu, 21]

Nhìn chung các tác phẩm nghệ thuật thơ ca đã xây dựng rất thành công hình tượng về người lính trong cuộc kháng chiến chống Pháp. Năm tháng chiến tranh đã qua đi nhưng những tác phẩm viết về người lính trong giai

đoạn lịch sử oanh liệt ấy vẫn còn mãi trong lòng khán giả, mãi mãi là niềm tự hào của mỗi người dân Việt Nam.

Chín năm kháng chiến đã thành công, miền bắc được hoàn toàn giải phóng và đi lên xây dựng XHCN. Nhưng cả dân tộc ta vẫn phải tiếp tục cuộc chiến đấu mới, cuộc chiến đấu giải phóng miền nam thống nhất đất nước.

Hình tượng người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước hiện lên với những phẩm chất cao đẹp. Các anh vẫn mang trong mình những phẩm chất truyền thống của anh bộ đội Cụ Hồ trong kháng chiến chống thực dân Pháp. Đó là lòng yêu nước thiết tha cháy bỏng, là ý chí nghị lực phi thường vượt qua mọi gian khổ hy sinh, là tình đồng chí đồng đội gắn bó keo sơn, là tâm hồn lạc quan yêu đời. Nhưng các anh cũng mang trong mình vẻ đẹp của thời đại mới - thời đại Hồ Chí Minh. Vẻ đẹp nổi bật của hình tượng người lính trong kháng chiến chống Mỹ chính là sự trẻ trung, ngang tàng, nghịch ngợm và hóm hỉnh. Vẻ đẹp của họ không chỉ tượng trưng cho vẻ đẹp của dân tộc mà được nâng lên tầm khái quát cao hơn, tầm nhân loại.

Trước hết, các anh luôn mang trong mình những vẻ đẹp truyền thống của anh bộ đội Cụ Hồ trong kháng chiến chống Pháp. Các anh, những người lính đi ra từ miền Bắc XHCN. Không phải từ những thân phận nô lệ, cũng không chỉ là những người nông dân nơi “nước mặn, đồng chua” hay vùng quê “đất cày lên sỏi đá” với khát vọng giải phóng quê hương, giải phóng cuộc đời mình thoát khỏi nô lệ lầm than mà các anh đã là những công nhân, nông dân, trí thức, trong đó phần lớn đều vừa rời ghế nhà trường để bước vào cuộc chiến đấu với khát vọng giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Vẫn là lý tưởng độc lập tự do nhưng với thời đại các anh, lý tưởng cao đẹp đó đã phát triển trở thành chủ nghĩa yêu nước XHCN. Lý tưởng cách mạng gắn với nhận thức về sứ mệnh trọng đại của dân tộc, của nhân loại. Bởi vậy, các anh ra trận với tâm hồn phơi phới tuổi xuân. Với lý tưởng “cuộc đời đẹp nhất là trên trận

tuyên đánh quân thù” các anh lấy sự hy sinh cho dân tộc là hạnh phúc thiêng liêng cao cả của cuộc đời mình. Bởi thế ta thấy các anh bước vào cuộc chiến đấu bằng tất cả sự chủ động, tự tin, vững vàng nhất. Gian khổ khó khăn nhất đối với người lính trong cuộc kháng chiến chống Mỹ là sự khốc liệt của cuộc chiến tranh. Người lính hành quân vào Nam đánh giặc dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù. Nhưng với sự hy sinh lớn lao và lòng quyết tâm như sắt đá, những người lính của chúng ta luôn hướng về phía trước, hướng về miền Nam thân yêu. Họ đã hoàn thành sứ mệnh của dân tộc thống nhất nước nhà, mặc dù cái giá đó đã phải trả bằng hàng vạn, hàng vạn lứa tuổi hai mươi.

1.2. Đề tài với tác phẩm nghệ thuật

1.2.1. Khái niệm đề tài

Đề tài là phạm vi hiện thực mà tác giả chọn lựa và miêu tả, thể hiện tạo thành chất liệu của thế giới hình tượng trong tác phẩm đồng thời là cơ sở để từ đó tác giả đặt ra những vấn đề mà mình quan tâm. Có thể nói, đề tài là khái niệm trung gian giữa thế giới hiện thực được thẩm mỹ hóa trong tác phẩm và bản thân đời sống. Người ta có thể xác định đề tài trên 2 phương diện: bên ngoài và bên trong.

Nói đến phương diện bên ngoài là nói đến sự liên hệ thuần túy đến phạm vi hiện thực mà tác phẩm phản ánh. Ở đây, sự xác định đề tài thường dựa trên cơ sở các phạm trù lịch sử - xã hội. Có thể nói đến đề tài chống Pháp, chống Mỹ, đề tài xây dựng chủ nghĩa xã hội, đề tài công nhân, nông dân, bộ đội...

Tuy nhiên, để tránh sự đồng nhất đề tài và đối tượng phản ánh và thấy được tính chất của phạm vi được phản ánh, cần phải đi vào phương diện bên trong của đề tài. Đó là cuộc sống nào, con người nào được thể hiện trong tác phẩm. Nói cách khác, đó chính là tính chất của đề tài bên ngoài. Trong trường hợp này, đề tài chính là vấn đề được thể hiện trong tác phẩm và trong nhiều

trường hợp nó trùng khớp với chủ đề. Chẳng hạn, “Sống mòn” của Nam Cao viết về người trí thức tiểu tư sản nhưng đó là người trí thức tiểu tư sản quanh, bết tắc, mòn mỏi. Tiếng hát sông Hương của Tố Hữu viết về người con gái giang hồ với cuộc sống đau đớn, tủ nhục và ước mơ tốt đẹp của họ trong cuộc sống cũ...

Đề tài gắn bó chặt chẽ với đối tượng nhưng không thể đồng nhất hai khái niệm này. Đối tượng là một phần của khách thể mà con người có thể chiếm lĩnh, phù hợp với một nhu cầu, một năng lực nhất định nhưng là cái nằm bên ngoài tác phẩm, chưa được chủ thể nhận thức. Còn đề tài là đối tượng đã thông qua sự lựa chọn và miêu tả, thể hiện trong tác phẩm của nhà văn. Nói cách khác, đối tượng là cơ sở của đề tài, là sự khái quát những phạm vi xã hội, lịch sử trong tác phẩm. Với những tác phẩm nghệ thuật, thường không phải chỉ có một đề tài mà có rất nhiều đề tài liên quan nhau, bổ sung cho nhau để tạo thành một hệ thống đề tài.

Đề tài của tác phẩm thường gắn chặt với hiện thực cuộc sống của thời đại mà tác giả đang sống, vì vậy nó mang tính lịch sử xã hội sâu sắc. Tìm hiểu quá trình phát triển của lịch sử văn học, có thể nhận thấy trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, thường nổi lên những loại đề tài trung tâm khác nhau. Trong giai đoạn nửa cuối thế kỷ 18 nửa đầu thế kỷ 19, đề tài về số phận của người phụ nữ chiếm một vị trí đáng kể trong trào lưu văn học nhân đạo chủ nghĩa Việt Nam. Trong giai đoạn từ 1945-1975, đề tài về người chiến sĩ cách mạng, về những người công nhân tiên tiến lại nổi lên hàng đầu.

Có những đề tài dường như được lặp đi lặp lại trong văn học nghệ thuật ở mọi nơi và mọi thời đại. Chẳng hạn đề tài về tình yêu và hạnh phúc, chiến tranh và hòa bình, sự sống và cái chết... Có người cho rằng đây là những đề tài vĩnh cửu của văn học. Thật ra, đó chỉ là một cách nói. Bởi vì, ngay chính

một tác giả khi sáng tác một phạm vi cuộc sống thì đề tài của tác phẩm cũng đã là một cái gì mới mẻ, không lặp lại.

Đề tài có tính khách quan vì bản thân nó chưa thể hiện tính tư tưởng. Những tác giả có lập trường tư tưởng khác nhau, thậm chí đối nghịch nhau vẫn có thể cùng sáng tác về một đề tài.

Tính khách quan của đề tài cũng chỉ mang tính tương đối vì xét đến cùng, đề tài ít nhiều cũng gắn bó với thế giới tinh thần của tác giả. Sự quan tâm và hứng thú của tác giả đối với một loại đề tài nhất định nào đó nhiều khi cũng xuất phát từ chỗ đứng, quan điểm tư tưởng, thậm chí từ khuynh hướng chính trị của tác giả đó.

1.2.2. Đề tài chiến tranh cách mạng trong kịch múa Việt Nam

Khi nói đến đề tài là nói đến một phạm vi rộng lớn mà tác giả sẽ hướng tới để phản ánh trong tác phẩm của mình. Đề tài trong một chừng mực nhất định có thể được hiểu là năng lực cảm nhận của nghệ sĩ trước hiện thực đời sống. Những vấn đề mà xã hội đang quan tâm. Ví dụ như đề tài nóng bỏng mang tính thời sự hiện nay như “đề tài biển đảo”, “đề tài môi trường”.

Chiến tranh có thể hiểu đó là một hiện tượng xã hội đặc biệt, không bình thường trong tiến trình cuộc sống. Vì thế hiện thực chiến tranh không giống với hiện thực của đời sống sau chiến tranh. Những vấn đề đặt ra đối với các tác phẩm nghệ thuật cũng cần được xác định một cách rõ ràng hơn. Đó là tư tưởng, tình cảm, quan điểm của tác giả trước đề tài này. Chiến tranh bao giờ cũng gắn liền với sự tàn phá chết chóc, với những tổn thất không chỉ của một số người mà là cả một thế hệ, nhiều thế hệ. Đề tài chiến tranh cách mạng mà chúng tôi muốn phân tích ở đây đó là cuộc chiến tranh chính nghĩa do cả dân tộc Việt Nam thực hiện, thế hệ tuổi trẻ chiến tranh đã lên đường đối mặt với bao thử thách cam go ác liệt với mục đích vô cùng nhân đạo và cách mạng. Nghe theo lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chủ tịch kính yêu

- lời kêu gọi của non sông Đất nước. Người chiến sĩ mang dáng dấp của chàng Kinh Kha năm xưa khi bước chân vào mặt trận. Đó là những hình ảnh người lính Tây Tiến trong cuộc hành quân đầy gian khổ: Ăn đói, mặc rét, sốt rét đến xanh da trụi tóc. Người chiến sĩ vẫn tiếp bước lên đường với lòng yêu nước khôn nguôi, cho dù phải nằm lại nơi chiến trường. Kể sao cho hết nỗi đau của người chiến sĩ khi hay tin những người thân yêu của mình mất dưới bom đạn kẻ thù. Tuy có bi thảm, đau thương, nhưng chính điều đó lại càng tố cáo mạnh mẽ hơn tội ác của những kẻ xâm lược, càng nung nấu mãnh liệt hơn ý chí “căm thù giặc” nơi người vệ quốc quân. Những đau thương mất mát đó như tiếp thêm sức mạnh cho họ nơi chiến tuyến để tìm câu trả lời cho những đau thương của cả dân tộc. Sự chiến đấu anh dũng đã bộc lộ một cách rực rỡ hình ảnh cao đẹp của người chiến sĩ cách mạng: Kiên trì vượt qua mọi nguy hiểm, anh dũng quên mình vì nhiệm vụ. Càng gian khổ, đau thương càng thấp sáng trong họ ngọn lửa nhiệt tình cách mạng, họ vẫn tiếp tục chiến đấu với tâm thế lạc quan, tin tưởng vào thắng lợi của dân tộc.

1.3. Khái lược về kịch múa

1.3.1. Kịch múa Ballet

Múa Ba lê là một loại vũ kịch có nguồn gốc xuất xứ từ triều đình Ý và được phát triển tại Pháp, Nga, Mỹ và Anh thành dạng múa phối hợp. Đây là một dạng múa kỹ thuật hình thể với ngôn ngữ riêng của mình. Loại hình nghệ thuật này có tầm ảnh hưởng toàn cầu và được giảng dạy tại các trường múa trên khắp thế giới. Múa Ba lê được dàn dựng bao gồm nhạc (được dàn nhạc biểu diễn nhưng đôi khi được ca sĩ hát), lời ca, và diễn xuất của dàn múa. Loại hình biểu diễn múa Ba lê cổ điển nổi tiếng nhất là ballet cổ điển với động tác uyển chuyển và chính xác. Sau này biến thể của ballet cổ điển có múa Ba lê tân cổ điển và múa Ba lê đương đại.

Về mặt từ nguyên, Ba lê trong tiếng Việt lấy từ tiếng Pháp “ballet” nhưng từ tiếng Pháp này lại có nguồn gốc tiếng Ý balletto, một dạng diminutive của ballo (múa). Ballet lại có từ nguyên sâu xa hơn từ tiếng Latin ballere, có nghĩa là múa.

Italia là quê hương của opera, Ballet Italia thời Phục hưng ra đời nhằm phục vụ cho các lễ cưới hoàng gia và của tầng lớp quý tộc. Trong giai đoạn này, người châu Âu đặc biệt quan tâm đến học vấn và các loại hình nghệ thuật. Cùng lúc đó, thương mại và buôn bán cũng rất phát triển, các thành phố của Italia trở thành những trung tâm nghệ thuật cũng như thương mại của châu Âu. Catherine de Médices, người Florence, kết hôn với Vua Henri II, trở thành hoàng hậu của nước Pháp vào năm 1547. Bà đã giới thiệu tới triều đình Pháp loại hình giải trí được biết đến tại Italia. Năm 1661, Louis XIV (Vua Mặt trời) thành lập Học viện Múa Hoàng gia (Academin Royale de Danse) nhằm đào tạo các vũ công chuyên nghiệp để biểu diễn cho ông và triều đình. Thời kỳ này chỉ có nam vũ công. Để thể hiện vai nữ, các diễn viên nam sẽ mặc trang phục nữ, đeo mặt nạ và đội tóc giả. Chỉ đến vở ba lê *Le Triomphe de L'Amour* (The Triumph of Love) năm 1681 nữ vũ công mới bắt đầu tham gia vào ba lê. Từ mô hình của Pháp, Trường Ballet Hoàng gia Nga (Russian Imperial Ballet - hiện nay là Kirov Ballet) được thành lập năm 1738 tại St. Petersburg, sau này trở thành một trong số học viên ballet vĩ đại nhất thế giới, và đoàn Ba lê hoàng gia Đan Mạch năm 1748. Ballet thời kỳ lãng mạn coi phụ nữ là thực thể lý tưởng và lần đầu tiên trong lịch sử ba lê, họ được trao cho một vị trí quan trọng hơn hẳn so với nam giới. Nam diễn viên chỉ có vai trò phụ trên sân khấu nhằm nâng đỡ cho các ballerina và cho khán giả thấy họ không trọng lượng ra sao. Sau năm 1850, ba lê tại Pháp rơi vào thời kỳ thoái trào, trong khi lại thăng hoa tại Nga, nhờ vào sự đóng góp của những bậc thầy ba lê như August Bournonville, Jules Perrot, Arthur Saint - Léon, Enrico

Cecchetti và Marius Petipa. Nửa sau thế kỷ 19, trung tâm thế giới ballet chuyển từ Pháp sang Nga. Một trong những người tạo ra kỷ nguyên vào trường Ba lê Hoàng gia Nga và đóng vai trò lớn trong việc biến St. Petersburg trở thành kinh đô của ballet thế giới là Marius Petipa. Đoàn Ballet của St. Petersburg là nơi đào tạo ra những diễn viên ballet vĩ đại nhất của mọi thời, trong đó nổi bật lên là cái tên Anna Pavlova. Pavlova nổi tiếng thế giới nhờ phong cách diễn vô cùng thanh thoát, uyển chuyển. Quê hương ballet là Italia, phát triển và định hình ở Pháp, thăng hoa ở Nga.

1.3.2. Múa hiện đại và kịch múa hiện đại

Múa hiện đại được ra đời vào khoảng cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX. Những năm 1920, 1930, múa hiện đại bắt đầu phát triển tại Hoa Kỳ và Đức. Những vũ công Mỹ như Martha Graham và Deris Hunprey, và vũ công Đức Mary Wigman và những người khác đã thoát khỏi những quy tắc trong vở Ba lê truyền thống để tạo nên những bước chuyển cơ thể riêng gần gũi hơn với những động tác của con người. Các vở Ba lê cũng dần theo chủ nghĩa hiện thực. Năm 1932 nhà biên đạo múa người Đức Kert Jooss đã sáng tác vở The Gran Table với thông điệp phản đối chiến tranh. Antony Tudor đã phát triển những vở Ba lê khai thác về mặt tâm lý, những tính cách ẩn chứa bên trong mỗi con người. Cuối cùng thì múa hiện đại cũng nói rộng, các động tác và di chuyển của cơ thể đặc biệt là việc sử dụng cơ thể đứng lên, ngồi xuống trên sàn.

Nghệ thuật múa hiện đại được triển khai như là một phản ứng đối chọi với kỹ thuật của điệu múa Ballet. Những người tiên phong như Isadora Duncan và Martha Graham đã tìm ra sự thoải mái của động tác dùng đường nét tự nhiên và sức mạnh thân hình để tạo hàng loạt chuyển động tiếp nối tuyệt hơn là những kỹ thuật múa đã được công nhận trước đó.

Nghệ thuật múa hiện đại được phân theo tính đa dạng của nó: Hình thức múa mới có thể múa với hầu hết bất cứ loại âm nhạc nào, hoặc kết hợp

với các hình thức khác để sáng tạo chuyển động mới của động tác. Nghệ thuật múa hiện đại nhằm vào đường nét tự nhiên của cơ thể vì thế mà an toàn và dễ thực hiện đối với người mới bắt đầu. Cùng một lúc, động tác thoải mái của kỹ thuật múa hiện đại cho phép những nghệ sĩ có kinh nghiệm đặt ra những giới hạn của sự di chuyển. Múa hiện đại không lệ thuộc vào cốt chuyện, không dùng nhân vật để diễn kể câu chuyện, thậm chí một vở kịch múa không nhất thiết phải có cốt chuyện, chỉ cốt khắc hoạ những hoàn cảnh, những tình huống hợp lý, để các nhân vật quan hệ tương thích với nhau trong hoàn cảnh lịch sử cụ thể của chúng.

Có bốn kỹ thuật chính được sử dụng trong hình thức múa hiện đại:

+ Cunningham: Tên đặt theo giáo sư và nhà nghệ thuật múa Merce Cunningham, chú trọng về nghệ thuật tạo hình trong không gian, nhịp điệu và sự ăn khớp. Cunningham dùng quan điểm “đường nét năng động” riêng của thân hình để tăng thêm động tác tự nhiên, thoải mái. Richard Altan đã sử dụng kỹ thuật Cunningham trong nghệ thuật múa của ông ta.

+ Graham: Tên đặt theo Martha Graham, chú trọng đến cách sử dụng quy ước, sự thả lỏng, ngã và phục hồi; kỹ thuật của Graham chú trọng về mặt sàn và cách sử dụng quy ước về bụng và hông (xương chậu). Kiểu múa thật sát đất và kỹ thuật rõ ràng trái ngược với quan điểm yếu điệu, “nhẹ như gió” của điệu múa Ballet.

+ Limon: Tên đặt theo Jose Limon, khám phá cách dùng sức mạnh, liên quan đến trọng lực và làm việc với sức nặng trong lúc ngã, bật dây, phục hồi và treo lủng.

+ Rebase (thả lỏng): Đặt trọng tâm về giảm thiểu căng thẳng để tìm sự nhẹ nhàng, trôi chảy và cách sử dụng hiệu quả của sức mạnh và hơi thở. Như nghĩa của nó, trong kỹ thuật thả lỏng vũ công buông lỏng các khớp và bấp thịch để tạo động tác thoải mái, thả hơi thở ra để giúp cho sự thư giãn cơ thể. Một kỹ thuật thư giãn tốt cũng như là một cách múa.

Múa ngẫu hứng: Là một loại tự diễn không chuẩn bị trước. Múa ngẫu hứng chú trọng vào sự tìm tòi động tác và sự liên quan của nó đến nội dung biểu diễn. Tìm tòi, sáng tạo và phát triển những chuyển động của cơ thể sao cho tự nhiên, thoải mái theo sự khác nhau của cơ thể mỗi người. Tiếp cận tự diễn, mô tả một hình thức múa từ hai người trở lên, chú trọng bởi sự chuyển đổi trọng lượng, sự thả lỏng của cơ thể khi tiếp xúc và cảm nhận về cơ thể giữa những người đồng diễn. Kết hợp trong múa ngẫu hứng sử dụng động tác tự nhiên của cơ thể.

Ở Việt Nam hiện nay hai cụm từ múa hiện đại và múa đương đại vẫn còn rất nhiều ý kiến tranh luận qua lại trên các diễn đàn, hội nghị, hội thảo, trên các phương tiện thông tin báo chí mà chưa có sự thống nhất, hay đưa ra một khái niệm rõ ràng mang tính khoa học. Tuy nhiên các tác phẩm về múa hiện đại vẫn không ngừng phát triển như một dòng chảy xã hội, một tất yếu của nghệ thuật. Những điều này được chứng minh qua các cuộc hội diễn, hội thi, liên hoan trên toàn quốc mà các tác phẩm múa hiện đại đã đạt được những giải thưởng rất cao cả về số lượng cũng như chất lượng. Cụ thể gần đây nhất là cuộc liên hoan Ca, Múa, Nhạc chuyên nghiệp toàn quốc 2012 đã đạt huy chương vàng như: “Vệt sáng”, “Bóng hình tạc tựa núi sông”, “Từ nơi gió ngàn”, “Những con người huyền thoại”, “Chiến công từ lòng đất”, “Hoài hương”... Ngoài những tác phẩm múa hiện đại ra thì nhiều tác giả có tên tuổi cũng được công chúng ghi nhận và đánh giá cao như: NSND Kiều Lê, NSND. Hữu Từ, NSUT. Hồng Phong, NSND. Quỳnh Như, NSND. Minh Thông, NSND. Hà Thế Dũng, NSND. Thu Hà...

1.3.3. Kịch múa Việt Nam

Nghệ thuật múa xuất hiện ở Việt Nam đã có lịch sử mấy nghìn năm, nhưng thể loại kịch múa từ Châu Âu được du nhập vào nước ta mới khoảng hơn sáu mươi năm (khoảng đầu những năm năm mươi của thế kỷ XX). Thời kỳ này, miền Bắc đã được các nước xã hội chủ nghĩa như Liên Xô, Trung

Quốc, Triều Tiên giúp đỡ đào tạo nhiều thể hệ nghệ sĩ chuyên nghiệp, trong đó có đội ngũ diễn viên và biên đạo múa. Sau này một số trong số họ đã trở thành những nghệ sĩ trong “làng múa” chuyên nghiệp nước nhà, cũng chính một số người trong số họ đã là tác giả của những điệu múa, những tiểu phẩm múa và những vở kịch múa xuất sắc bổ sung vào kho tàng nghệ thuật múa Việt Nam.

Giai đoạn năm 1945 - 1954, các tác giả và tác phẩm thời kỳ này lấy đối tượng phản ánh chủ yếu là hình tượng anh bộ đội Cụ Hồ và những đoàn dân công hoả tuyến. Những tác phẩm múa giai đoạn này toát lên tinh thần đoàn kết quân dân như cá với nước, tình cảm khăng khít giữa hậu phương và tiền tuyến, với niềm tin son sắt vào cuộc kháng chiến trường kỳ nhất định thắng lợi. Chính hiện thực mới ấy là nguồn tri thức và cảm hứng thăng hoa đã làm nên nội dung phong phú, đa dạng và tính hấp dẫn của những tác phẩm múa có giá trị ở nhiều thể loại khác nhau.

Ngoài mảng đề tài, múa dân gian dân tộc cũng được quan tâm thoả đáng. Nhiều tác giả đã tự đi sưu tầm, nghiên cứu múa dân gian, dân tộc, múa trong sân khấu chèo, tuồng để xây dựng nên những tác phẩm múa có tính thời đại.

Nhiều tác phẩm múa dân gian, dân tộc được cải biến, nâng cao hoặc chỉnh lý thành những tác phẩm múa dân gian “định hình” có giá trị bảo tồn và phát huy vốn cổ. Một biến đổi quan trọng là chiến thắng biên giới Cao - Bắc - Lạng đã giải phóng một vùng biên giới rộng lớn, tạo điều kiện giao lưu, tiếp xúc với các nước xã hội chủ nghĩa. Trong quá trình giao lưu đó, các tác giả múa Việt Nam có điều kiện tiếp xúc, học hỏi trực tiếp những cấu trúc, tác phẩm múa của Trung Quốc và Liên Xô (cũ). Thời kỳ này, Trường sĩ quan Lục quân từ Trung Quốc đã đem về nước một số vở múa như: *Múa tam Ché*, *Nông tác vũ*, *Bát ly khai Đảng Cộng sản*, *Kết đoàn*, *Bà Chu cho trứng*, *Mã đạo vũ*,

Hồng quân vũ... đã trở thành những “gợi ý” cho những người làm múa chuyên nghiệp trong nước tham khảo để sáng tác mới về hiện thực trong nước.

Nhìn chung, đề tài chiến tranh cách mạng thời kỳ này còn tương đối khiêm tốn, chủ yếu là những vở kịch múa được dàn dựng từ một số tác phẩm của Trung Quốc, Liên Xô. Thế hệ nghệ sĩ múa đầu tiên được cử sang Trung Quốc đào tạo thời kỳ này là: Thái Ly, Trọng Lanh, Đoàn Long, Bùi Đức Trục, Bích Nghĩa, Hoàng Điệp, Sa Kim Hóa, Đinh Thị Yên, Phan Thành, Hồng Lĩnh...

Được trưởng thành từ cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp, đội ngũ tác giả, biên kịch múa đã góp phần biểu diễn, sáng tác, sưu tầm nhiều tác phẩm múa, trong đó có sáng tác được một số tác phẩm kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng có giá trị phục vụ, cổ vũ, động viên bộ đội, dân công và nhân dân đánh giặc giải phóng đất nước. Mặc dầu không được đào tạo cơ bản về nghệ thuật múa và kịch múa, song các nghệ sĩ múa Việt Nam thời bấy giờ đã tự học, tự đào tạo và mạnh dạn tìm tòi, sáng tạo những tác phẩm múa để phục vụ cho cuộc kháng chiến của nhân dân, trong đó có một số vở kịch múa ngắn, tuy còn sơ sài, thậm chí “nghệ dư”, song đã để lại ấn tượng tốt đẹp trong dòng văn hóa nghệ thuật kháng chiến.

Giai đoạn năm 1954 - 1964, thể loại kịch múa Việt Nam mới dần hình thành thành đội ngũ thực sự với lớp Biên đạo múa đầu tiên của Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Việt Nam tổ chức, trực tiếp giảng dạy là chuyên gia Triều Tiên Kim Tế Hoàng. Cũng vào năm 1959, trường Múa Việt Nam được thành lập, giảng viên là các chuyên gia múa Việt Nam được đào tạo ở nước ngoài về và chuyên gia múa Liên Xô trực tiếp sang giảng dạy. Những năm đầu của thập kỷ sáu mươi, một số biên đạo vừa là tác giả, vừa là diễn viên. Những tác giả có tên tuổi thời kỳ này là: Hoàng Châu, Thái Ly, Minh Hiến, Minh Tiến, Trần Minh, Trọng Lanh, Bùi Chí Thanh, Lâm Tô Lộc, Lê Ngọc Canh, Đinh

Ngọc Minh, Danh Thân, Lê Cung, Lê Khinh, Vương Thảo, Lường Tiên, Thanh Hùng... Những tác phẩm của họ đã thể hiện rõ tính chuyên nghiệp và có giá trị để đời. Điều dễ nhận thấy diện mạo tác phẩm múa thời kỳ này rất đa dạng về hình thức, phong phú về nội dung, tính cách và thể loại. Các tác phẩm múa đương đại, được phát triển trên cơ sở cội nguồn dân tộc và hiện thực đương thời. Những tác phẩm kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng được tiếp thu có chọn lọc những kỹ thuật tiên tiến, khoa học, những tinh hoa nghệ thuật múa của thế giới để làm phong phú, sinh động cho nghệ thuật múa đương đại Việt Nam. Tác phẩm kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng có dấu ấn rõ nét của thời kỳ này là tác phẩm “Ngọn lửa Nghệ Tĩnh”. Có thể nói, vở diễn “Ngọn lửa Nghệ Tĩnh” là bước đột phá trong trong sự nghiệp sáng tạo nghệ thuật múa nói chung, thể loại kịch múa nói riêng, đồng thời có ý nghĩa định hướng về lý luận và kinh nghiệm thực tiễn sáng tác kịch múa Việt Nam về nhiều phương diện.

Giai đoạn năm 1964 - 1975, đội ngũ tác giả đã phát triển ngày một vững mạnh về chất lượng. Đội ngũ ấy được hợp thành bởi mấy thế hệ như: Thái Ly, Hoàng Châu, Minh Tiên, Hoàng Hà, Trần Minh, Lê Cung, Lê Ngọc Canh, Trọng Lanh, Đoàn Long, Bùi Chí Thanh, Đinh Ngọc Minh, Danh Thân, Chu Thuý Quỳnh, Phùng Thị Nhạn... Tác phẩm kịch múa thời kỳ này đều bám sát chủ đề, tư tưởng, nội dung là tinh thần chống Mỹ cứu nước, ca ngợi chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Tất cả chiến đấu, hy sinh vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, xây dựng độc lập, tự do, ấm no, hạnh phúc cho nhân dân. Thực tiễn cuộc sống chiến đấu của dân tộc Việt Nam là nguồn cảm hứng vô tận cho các nhà biên đạo múa, sáng tác ra hàng loạt tác phẩm kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng. Trong đó nhiều tác phẩm đã là nhân chứng lịch sử, phản ánh lịch sử và được đem đi biểu diễn, giới thiệu với bạn bè trên thế giới, làm rõ về cuộc chiến tranh chính nghĩa của nhân dân ta

và lên án chiến tranh xâm lược bạo tàn của đế quốc Mỹ, tiêu biểu là một số tác phẩm kịch múa: *Bà Má Miền Nam* (NSND. Thái Ly), *Chị Sứ* (NSND. Xuân Định), *Người mẹ thành đồng* (Lê Kim Tiến), *Bão lửa Thăng Long*, *Tình đoàn kết chiến đấu ba nước anh em*, *Mùa xuân bão táp* - (tác giả Đỗ Minh Tiến)...

Các tác phẩm kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng ở thời kỳ này có kết cấu và thủ pháp mang tính nghệ thuật chuyên nghiệp cao, nhiều tác phẩm mang đậm dấu ấn lịch sử, là hiện thân tiếng nói của thời đại, tiếng lòng của nhân dân, lương tri của nhân loại và chủ nghĩa anh hùng cách mạng của dân tộc Việt Nam. Tác giả của những vở kịch múa ấy phần lớn là các nghệ sĩ được đào tạo chính quy ở nước ngoài về, nhận thức kỹ lưỡng thực tiễn đất nước, hiểu biết sâu sắc tâm hồn và cách nghĩ dân tộc. Đây cũng là giai đoạn mà kịch múa Việt Nam phát triển theo hướng hiện đại hóa, tiếp thu được những tinh hoa của thế giới, làm phong phú, sinh động cho nghệ thuật kịch múa Việt Nam.

Giai đoạn từ 1976 - 2008 được coi là thời kỳ tụ hội đầy đủ 4 thế hệ biên đạo múa: Thế hệ thời kỳ chống Pháp (1946 - 1954); thế hệ thời kỳ hoà bình xây dựng đất nước (1954 - 1964); thế hệ thời kỳ chống Mỹ cứu nước (1964 - 1975); thế hệ thời kỳ xây dựng Nhà nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (1976 - 2008). Về cơ bản giai đoạn này thế hệ nghệ sĩ múa trẻ đã đủ mạnh để thay thế các thế hệ trước, và thực tế họ đã thực sự là lực lượng chủ lực để phát triển nghệ thuật múa Việt Nam trong thời đại mới. Trong đó nổi lên một số tác giả - biên đạo múa là: NSND. Lê Ngọc Cường, NSND. Hoàng Phi Long, NSND. Nguyễn Công Nhạc, NSND. Ứng Duy Thịnh, NSND. Phạm Anh Phương, NSND. Ngô Đăng Cường, NSND. Trần Kim Quy, NSƯT. Xuân Hanh, NSND. Nguyễn Thị Hiền, NSND. Việt Cường...

Những tác phẩm kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng giai đoạn này có nhiều cách sáng tạo khác nhau trong kết cấu tác phẩm và kết cấu ngôn ngữ múa. Đặc biệt là xu hướng kết cấu ngôn ngữ múa dân tộc và hiện đại khá đa dạng. Trong đó phải kể đến một số tác phẩm kịch múa như: *Một thời nhớ mãi*, *Chuyện tình non sông*, tác phẩm chào mừng 990 năm Thăng Long - Hà Nội - tác giả NSND. Lê Huân, NSND. Vũ Hoài, NSND. Việt Cường, NSND. Chu Thúy Quỳnh; *Kỷ niệm Trường Sơn*, *Dòng sông lửa*, *Nhớ về Đồng Lộc*, *Tiếng trống Bắc Sơn*, *Con đường tới chiến dịch* - tác giả NSUT. Trần Đình Quý, NSND. Nguyễn Thị Hiền, NSND. Ứng Duy Thịnh; Tác phẩm *Sát Thát*, *Lục Văn Tiên* – tác giả Kiều Nguyệt Nga, *Trần Quốc Toản ra quân* - tác giả NSND. Ứng Duy Thịnh, NSND. Việt Cường...

Giai đoạn từ năm 1976 -2008 là thời kỳ nghệ thuật múa nói chung, kịch múa nói riêng, có nhiều biến đổi mạnh mẽ và toàn diện trên mọi lĩnh vực sáng tác, biểu diễn, nghiên cứu, đào tạo.

Giai đoạn này nền kinh tế Việt Nam phát triển rất mạnh mẽ về mọi mặt, đất nước được mở cửa giao thương với nhiều quốc gia trên thế giới. Chính vì vậy, mà nghệ thuật múa của Việt Nam cũng có nhiều cơ hội được giao lưu phát triển một cách toàn diện.

1.4. Cấu tạo tác phẩm kịch múa

1.4.1. Kịch bản múa

So với các hình thức thể loại khác trong nghệ thuật múa thì kịch bản kịch múa có dung lượng lớn nhất. Nó ôm chứa toàn bộ nội dung, tư tưởng, những yếu tố nghệ thuật được trình bày trong kịch bản kịch múa. Có thể hiểu một cách ngắn gọn đó là kịch bản kịch múa là một vở kịch múa được diễn tả bằng văn bản. Trong kịch bản múa đã chỉ ra mối quan hệ chặt chẽ giữa các thành tố nghệ thuật và công việc, nhiệm vụ của mỗi thành tố. Là cơ sở, là đường dây xuyên suốt cho các sáng tạo nghệ thuật trong đó vai trò của ngôn

ngữ múa và âm nhạc rất quan trọng. Kịch bản kịch múa là ý tưởng, chủ đề, nội dung, bố cục tác phẩm từ đầu đến cuối.

Ở múa, viết kịch bản văn học chỉ là một khâu trong quá trình sáng tác. Kịch bản văn học múa viết xong chưa thể xem tác phẩm đó là hoàn thành dù kịch bản này do một nhà văn hay do biên đạo viết. Kịch bản văn học mới chỉ là bộ khung của tác phẩm múa tương lai. Dựa vào đấy các tác giả mới đắp da thịt, tạo trái tim, thổi tâm hồn vào bằng các phương tiện giai điệu, hòa thanh, tiết tấu âm nhạc hoà hợp cùng động tác, hình tượng, bố cục sân khấu và tuyến hành động múa, trang phục đạo cụ cho vở diễn và tạo nên khoảng thời gian ước lệ... Lúc này tác phẩm múa mới được hoàn thiện. Rõ ràng múa là một loại hình nghệ thuật tổng hợp mang trong mình ngoài nghệ thuật hình thể còn có âm nhạc, hội hoạ, nghệ thuật biểu diễn, kỹ thuật sân khấu... Tất nhiên, múa là nghệ thuật trung tâm có những đặc trưng mà các nghệ thuật đồng hành cùng biến đổi cho phù hợp.

Trong kịch nói (hoặc, Chèo cũng vậy) có thể dùng lời nói hay ca khúc kể chuyện dĩ vãng hoặc dự đoán tương lai. Ở nghệ thuật múa hiện đại, dĩ vãng, tương lai đều được diễn tả ở trạng thái hiện tại. Chính vì thế nên ta thấy trên sân khấu múa thường gặp cảnh “hồi tưởng” hay “ước mơ”. Nhìn qua, tưởng đấy là một nhược điểm nhưng thực ra lại là lợi điểm của múa, những sự kiện đã hoặc sẽ xảy ra khán giả của múa đều được tiếp nhận trực tiếp. Do đó ấn tượng sẽ mạnh mẽ hơn tiếp nhận gián tiếp thông qua ngôn ngữ và giai điệu. Chỉ có điều biên đạo không được lạm dụng lợi thế này, tránh tình trạng dùng bừa bãi, thiếu cân nhắc, “Hồi tưởng” và “ước mơ” trong tình huống không cần thiết làm tác phẩm rườm rà, nặng nề kém hiệu quả. Tác giả kịch bản khi dự định biểu hiện quá khứ, hoặc tương lai gắn với hành động vở, cố hình dung tổng quát phương pháp sân khấu mà biên đạo sẽ xử lý, tránh sự chuyển đổi lan man, đột ngột của thời gian sự kiện.

Nhân vật của múa không nói bằng ngôn ngữ thông thường mà là bằng những hành động của cơ thể. Qua hành động người xem hiểu được tâm tư, tình cảm của nhân vật. Tác giả kịch bản không chỉ dừng lại ở những suy nghĩ, cảm xúc của nhân vật mà phải viết tiếp hành động, việc làm cụ thể của họ.

Như đã bàn ở phần đề tài múa, người viết kịch bản phải nắm chắc những đặc trưng của múa: Tính ước lệ, tính khái quát và tính hành động... Không vậy sẽ dễ xảy ra tình trạng hoặc diễn tả những sự việc vụn vặt đời thường kiểu truyền thần hoặc suy tưởng cảm xúc mà không biết nhân vật hành động ra sao.

1.4.2. Ngôn ngữ múa của thể loại kịch múa

Ngôn ngữ nghệ thuật múa là phương tiện giao tiếp giữa nghệ sĩ (biên đạo, diễn viên) với công chúng. Là hệ thống những tín hiệu - ký hiệu và những quy tắc kết hợp chúng lại thành công cụ - phương tiện để biểu đạt đời sống nội tâm, ngoại hình, hoàn cảnh sống... Đời người - nhân vật hiện thân là những hình tượng nghệ thuật múa, nhằm bộc lộ những ý nghĩa nội dung tư tưởng và thẩm mỹ nghệ thuật múa. Ngôn ngữ nghệ thuật múa là một thứ ngôn ngữ đa nghĩa và có sức biểu cảm sâu sắc, chúng có đủ khả năng để phản ánh những ý nghĩa, những tâm trạng hữu thức, vô thức và những nét tính cách đa dạng, phong phú, phức tạp trong những hoàn cảnh đầy kịch tính ở cấp độ xung đột của đời sống con người. Vì thế, nghiên cứu ngôn ngữ trong các tác phẩm của một tác giả, cũng là nghiên cứu, tìm tòi, phát hiện phong cách của chính tác giả ấy.

Ngược lại từ thời tiền sử, người ta cho rằng “ngôn ngữ vô thanh của cơ thể con người vừa là phương thức giao tiếp con người sử dụng đầu tiên, vừa là một loại nghệ thuật không có chữ viết mà con người thông qua các động tác hình thể của bản thân để biểu đạt tư tưởng, tình cảm của mình” [1, tr.42].

“Vũ đạo không giống các nghệ thuật khác, nó lấy động tác, tư thế, dáng vẻ và cơ thể con người làm phương tiện biểu hiện, ba nhân tố: Không gian, thời gian và lực độ của động tác hợp lại, hình thành đặc trưng về hình thức của ngôn ngữ nghệ thuật này.” [1,tr.42]

Múa nói chung, kịch múa nói riêng không phải là trực tiếp phục chế đời sống theo kiểu chụp ảnh, mà có muốn chụp ảnh thì thực tế lịch sử là “hiện thực triu tượng” chẳng thể chụp ảnh. Vì thế, không thể chỉ dùng những động tác ở cơ thể con người để mô phỏng một loạt động thái của cuộc sống. Thực tế cho thấy, trong quá trình sáng tạo tác phẩm múa nói chung, kịch múa nói riêng, các nhà biên đạo không chỉ vận dụng một cách sáng tạo những vốn liếng ngôn ngữ múa hiện đại mà thường chủ động, phát huy suy tưởng nghệ thuật múa của mình, dựa trên tín hiệu đa dạng của những sự vật hữu thể và vô thể trong hiện thực khách quan, để thiên biến vạn hóa thành những dáng vẻ, tư thế, động tác đa dạng, nhằm biểu hiện tình cảm, tính cách của các nhân vật trong vở kịch múa thông qua chủ quan của mình. Bởi vậy, lấy mây tả trăng, lấy nước tả trời, lấy vạn vật để tả người là những phương thức thông dụng để chế tạo, chiết xuất, thiết kế và cấu trúc nên ngôn ngữ của nghệ thuật kịch múa. Chưa kể, một mặt kịch múa còn kết hợp với âm nhạc và những yếu tố kỹ thuật tham gia xây dựng vở diễn như: ánh sáng, âm thanh, đạo cụ phục trang, hoá trang, thiết kế mỹ thuật để đa dạng hoá ngôn ngữ kịch múa, mặt khác còn khai thác những thành quả thích hợp của khoa học, kỹ thuật hiện đại và vay mượn một cách tương thích ngôn ngữ - hành động không lời từ các loại hình nghệ thuật khác như: sân khấu, điện ảnh, múa rối, xiếc, kịch câm... Để làm phong phú cho ngôn ngữ nghệ thuật kịch múa.

Kịch múa với nội dung lớn thời lượng tác phẩm có thể kéo dài từ 1 giờ đến 2 giờ đặc biệt có nhiều nhân vật được biểu thị ở những tính cách, số phận khác nhau nên ngôn ngữ trong kịch múa là ngôn ngữ hình ảnh và mang tính

hành động cao. Ngôn ngữ múa trong thể loại kịch múa với đặc điểm phải thể hiện một vở diễn có chiều dài và rộng của không gian, thời gian. Với nhiều nhân vật khác nhau, tính cách đa dạng, phong phú, cần có một sức biểu cảm mạnh mẽ, nên yêu cầu kỹ thuật, kỹ xảo trong quá trình xây dựng tác phẩm người biên đạo cần đặc biệt chú ý. Đây là vấn đề sẽ góp phần quan trọng trong việc tăng tính nghệ thuật của tác phẩm kịch múa.

1.4.3. Tác giả, biên đạo

Là người giữ một trọng trách lớn đối với sự thành công của tác phẩm. Người sáng tác ngôn ngữ hình thể của tác phẩm cũng đồng thời là người dàn dựng, đạo diễn, tổ chức đưa lên sân khấu. Ví dụ trước khi NSND. Trần Minh dạy từng động tác, hình tượng cho diễn viên, không ai biết hình thù tác phẩm “Rừng thương Núi nhớ” ra sao, cũng như diễn viên chưa biết mình sẽ “khua tay, múa chân” thế nào, bởi ngôn ngữ hình thể vẫn còn nằm trong bộ nhớ của tác giả. Tuy tác phẩm múa cũng có kịch bản văn học và kịch bản chi tiết nhưng chất lượng của kịch bản chưa thể đảm bảo chất lượng vở diễn mà chỉ như những gợi ý cơ bản để tác phẩm hình thành. Gặp người sáng tác múa không tốt, vở diễn sẽ kém chất lượng dù kịch bản văn học rất hay. Lịch sử múa thế giới cũng đã ghi nhận những trường hợp như vậy. Năm 1877 ông Rây dinghe người Áo sáng tác và dàn dựng vở múa “Hồ Thiên Nga” theo kịch bản và âm nhạc Tchaicôpxky nhưng đã thất bại hoàn toàn. Mãi đến năm 1894 Ivanốp sáng tác và dàn dựng vẫn trên kịch bản và âm nhạc cũ, vở diễn lại thành công vang dội và tồn tại cho đến ngày nay. Thuật ngữ múa gọi người sáng tác ngôn ngữ hình thể, dàn dựng, đạo diễn tác phẩm múa là biên đạo (hiểu một cách trực tiếp). Biên đạo còn là những nghệ sĩ chịu trách nhiệm sáng tác và dàn dựng, đạo diễn phần múa trong các vở diễn kịch nói, kịch hát dân tộc, Ôpera và các loại hình nghệ thuật biểu diễn khác theo yêu cầu của tổng đạo diễn công trình. Biên đạo sẽ căn cứ vào đặc trưng loại hình nghệ thuật mà mình cộng tác và phong cách vở diễn mà tìm ngôn ngữ, bố cục đoạn

múa cho phù hợp. Ở Việt Nam (và chắc cũng không chỉ ở Việt Nam) biên đạo còn phải căn cứ số lượng và chất lượng những diễn viên tham gia múa để tìm động tác cho phù hợp.

Có những biên đạo chuyên dựng lại tác phẩm đã hình thành biểu diễn của biên đạo khác, vì hoàn cảnh nào đấy mà tác giả của chúng không tham gia dàn dựng lại được. Tất nhiên những biên đạo này phải nắm rất chuẩn xác nguyên bản của tác giả. Phần đóng góp của họ nằm trong việc dàn dựng và đạo diễn lại ở đơn vị mới. Ta gọi họ là: Biên đạo dàn dựng. Lại có biên đạo chỉ chuyên rèn luyện, uốn nắn, đạo diễn để diễn viên thành thạo, điều luyện tác phẩm mà đạo diễn khác đã dàn dựng. Tác phẩm có thể đã hình thành, sử dụng từ trước, nay rèn luyện lại để phục vụ một đợt diễn nào đấy. Cũng có thể tác giả chỉ có thời gian dàn dựng, phần rèn luyện chi tiết phải nhờ người khác. Đó là những biên đạo dàn tập.

Ta đã biết, trong sự hình thành một tác phẩm múa, ngoài biên đạo còn có nhạc sĩ, hoạ sĩ, diễn viên. Biên đạo là người có trách nhiệm tổng hợp, khơi gợi, khai thác lao động sáng tạo nghệ thuật của tập thể nghệ sĩ hướng tới hiệu quả nghệ thuật cao nhất là đa dạng về phương thức nhưng thống nhất về nội dung tư tưởng cũng như phong cách nghệ thuật.

1.4.4. Vai trò của nghệ sĩ biểu diễn

Khi nói đến nghệ sĩ biểu diễn là nói đến người thể hiện toàn bộ nội dung, ý đồ nghệ thuật của tác phẩm. Đó là diễn viên, người sáng tạo thứ hai của tác giả hay còn có một cách gọi đó là đồng sáng tạo. Việc chọn lựa thể nào để phù hợp với các nhân vật đã được xác định từ khâu kịch bản kịch múa. Người diễn viên phải có kỹ thuật, kỹ xảo tốt, khuôn mặt biểu hiện sinh động phù hợp với tính cách của từng vai diễn. Phải biết ứng tác, ứng diễn và nghệ thuật ngẫu hứng trong diễn xuất kịch múa là điều vô cùng quan trọng.

Như bất cứ loại hình nghệ thuật biểu diễn nào, diễn viên là trung tâm của sân khấu múa. Chỉ có thông qua nghệ thuật biểu diễn của diễn viên biên

đạo mới truyền đạt cho khán giả nội dung và tư tưởng của tác phẩm, mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ tác động vào hiện thực xã hội của mình. Có thể nói, người nghệ sĩ biểu diễn đóng vai trò quan trọng trong thành công của tác phẩm.

Biên đạo múa vừa sáng tác vừa đạo diễn, công việc nặng nề khó khăn hơn nhưng cũng tạo nên thuận lợi. Công việc tìm hiểu tác giả và tác phẩm như đạo diễn các loại hình nghệ thuật khác không còn đặt ra nữa.

Tuy ý đồ về nội dung và hình thức thể hiện đã được chuẩn bị sẵn nhưng khi hướng dẫn lại cho diễn viên nếu biên đạo có biểu hiện lúng túng, chệch choạc sẽ rất dễ bị diễn viên kéo đi ra ngoài những điều mình dự định. Biên đạo phải nắm rất chắc ý đồ trong từng câu, từng đoạn cũng như toàn bộ tác phẩm. Khi trình bày phải biến xúc cảm của mình thành xúc cảm của diễn viên. Theo dõi, uốn nắn, sửa chữa phần thể hiện của diễn viên. Kịp thời phát hiện những ngẫu hứng vô tình lạc lõng với nội dung nghệ thuật tác phẩm. Đồng thời cũng sẵn sàng chấp nhận những sáng tạo tốt, cá biệt.

Công việc chọn diễn viên, phân công vai nhân vật cần được tiến hành cẩn trọng. Trong những điều kiện cụ thể, có thể và cần phải phối hợp, tìm hiểu tình hình qua các tổ chức chính quyền và đoàn thể tại chỗ. Khi nắm chắc được khả năng, sở trường sở đoản của diễn viên, việc phân vai sẽ đỡ trực trặc hơn. Không nên luôn “mê tín” một, hai diễn viên “thống soái” mà cần phải chú ý tới lớp trẻ một cách đúng mức. Bởi nếu vai diễn vượt sức diễn viên quá nhiều sẽ “yêu nhau như thế bằng mười phụ nhau”.

Sau khi đã phân vai, biên đạo tiến hành việc trình bày nội dung tác phẩm và ý đồ nghệ thuật của mình. Hãy nhắc tới, nhấn mạnh những chi tiết, sự kiện chính yếu của nội dung và những rung cảm của mình. Từ đó nảy sinh các cảnh hư cấu, sáng tạo để tiến tới cái đích của nghệ thuật. Cuối cùng biên đạo còn đưa diễn viên tới những nhận thức, vấn đề xã hội mà tác giả định truyền đạt tới người xem. Dù nhiệm vụ khác nhau nhưng biên đạo và diễn

viên là những cộng tác viên gắn bó khăng khít với nhau trong sáng tạo. Hãy cố hết sức để diễn viên cùng cảm nhận và suy ngẫm với mình những vấn đề nội dung và mỗi hình tượng nghệ thuật.

1.4.5. Những thành tố khác như âm thanh, ánh sáng, công nghệ cao

Do tính đặc thù của nghệ thuật biểu diễn, mỗi tác phẩm múa được tạo nên là sự tổng hợp của các bộ môn nghệ thuật khác như âm nhạc, mỹ thuật (bài trí, phục trang) hỗ trợ đắc lực cho múa. Người ta nói âm nhạc là linh hồn của múa, vì thế khi nhạc sĩ sáng tác nhạc cho kịch múa mang đề tài chiến tranh cách mạng cũng phải cùng biên đạo khám khắc được cái hồn của giai đoạn lịch sử ấy. Công tác thiết kế mỹ thuật cho vở múa đối với người nghệ sĩ thiết kế bài trí, phục trang cũng đồng cảm, đồng điệu với biên đạo. Còn nghệ sĩ biểu diễn thể hiện ngôn ngữ tác phẩm, tình cảm phong cách kiến thức lịch sử vào sự thành công của vở diễn. Một yếu tố rất quan trọng đối với kịch múa hiện nay là kỹ thuật hiện đại về âm thanh, ánh sáng và hình ảnh thực đã hỗ trợ nhiều cho tác phẩm.

Khác với văn thơ, khi sáng tác về đề tài chiến tranh cách mạng nhà văn, nhà thơ chỉ một mình tư duy, thâm nhập, khám phá để sáng tạo. Múa cũng như các bộ môn nghệ thuật biểu diễn phải là sự cộng hưởng tập thể, rung động sâu sắc về lịch sử. Tất nhiên tổng đạo diễn đóng vai trò quyết định sự thành công của tác phẩm múa.

Đây là những điều kiện cần thiết và quan trọng trong việc thể hiện nội dung tác phẩm và chất lượng nghệ thuật tác phẩm. Thực tế cho thấy sức sáng tạo của các yếu tố này góp phần cực kỳ quan trọng trong việc thể hiện tốt các hình tượng nghệ thuật.

Tiểu kết chương 1

Trong quá trình đổi mới, cùng với sự phát triển về mọi mặt của xã hội, nghệ thuật múa cũng có nhiều biến đổi đáng kể.

Sân khấu múa đã xuất hiện nhiều tác phẩm phong phú hơn về nội dung và đề tài, đa dạng hơn về hình thức, sinh động hơn về tiết tấu nhịp điệu. Ngôn ngữ sáng tạo hình tượng, động tác có những chuyển biến mang tính hiện đại, tiếp cận cái mới nhiều hơn, phản ánh tinh thần trong nhịp sống công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Trong xu thế hội nhập và giao lưu văn hóa, thì vấn đề giữa bảo tồn và phát triển đã trở thành một thách thức cho các nhà chuyên môn. Cùng với quá trình tiếp thu biến đổi nó làm nảy sinh sự xáo trộn, huỷ hoại một số giá trị văn hóa truyền thống, làm mất đi tính đa dạng, phong phú của bản sắc văn hóa nghệ thuật dân tộc. Do đó, vấn đề cải biên nghệ thuật múa sân khấu truyền thống vừa có thể thu hút mọi đối tượng khán giả, vừa góp phần bảo tồn những giá trị nghệ thuật truyền thống đang là vấn đề cần được quan tâm.

Để tác phẩm nghệ thuật được khán giả đón nhận, trước hết đòi hỏi các tác giả biên đạo phải biết vận dụng, cải biên loại hình nghệ thuật múa truyền thống qua việc sử dụng kết hợp chất liệu ngôn ngữ một cách hợp lý. Đồng thời không ngừng đổi mới, nâng cao chất lượng sáng tạo nghệ thuật múa phù hợp với thị hiếu thẩm mỹ của công chúng. Từ những phân tích trên cho thấy, quá trình hội nhập và phát triển của đất nước đòi hỏi người biên đạo cần nhận thức sâu sắc về thị hiếu, nhu cầu hưởng thụ văn hóa nghệ thuật của khán giả để xây dựng, sáng tác những tác phẩm kịch múa một cách thông minh khéo léo không làm ảnh hưởng đến bản sắc dân tộc.

Hiện nay trên thế giới đang xảy ra rất nhiều những vấn đề về an ninh, về xung đột sắc tộc, xung đột giữa các quốc gia làm ảnh hưởng đến hoà bình thế giới. Đối với Việt Nam cũng không nằm ngoài vòng xoáy đó, các vấn đề về chủ quyền vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp. Ví dụ như vấn đề về chủ quyền biển đảo, về biên giới, về chiến tranh diễn biến hoà bình. Vì vậy đây là những đề tài nóng bỏng mà các nghệ sĩ, các tác giả cần tiếp tục khai thác. Hơn

nữa xây dựng hình tượng người lính là xây dựng những bài học về tư tưởng đạo lý, về nhân cách, lòng dũng cảm, sự hy sinh cho tổ quốc cho đồng bào đối với thế hệ trẻ ngày hôm nay. Do đó trong nội dung chương một của đề tài tôi muốn làm rõ hơn về phương pháp luận thế nào là hình tượng nghệ thuật, hình tượng nghệ thuật trong múa, hình tượng người lính trong chiến tranh cách mạng và những quan niệm định nghĩa về đề tài. Để từ đó góp phần xây dựng tác phẩm kịch múa đáp ứng được những tiêu chí thưởng thức nghệ thuật của công chúng.

Chương 2: HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG HAI TÁC PHẨM KỊCH MÚA "ĐẤT NƯỚC" - "NHÂN SINH".

Dân tộc Việt Nam là dân tộc có truyền thống lịch sử dựng nước và giữ nước hàng ngàn năm. Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh chống quân xâm lược, dân tộc ta đã sinh ra những người con đất Việt giàu lòng yêu quê hương, đất nước căm thù quân xâm lược, có khí phách quật cường, có lòng dũng cảm, không chỉ biết đấu tranh bất khuất trước mọi kẻ thù, con người Việt Nam còn có truyền thống trọng nhân nghĩa có nếp sống giản dị, chân thành, nhân ái, chịu thương, chịu khó, cần cù sáng tạo, càng khó khăn, càng hoạn nạn lại càng yêu thương đùm bọc lẫn nhau.

Một đặc điểm quan trọng của các cuộc chiến tranh Việt Nam khác với các cuộc chiến tranh của các nước trên thế giới là chiến tranh nhân dân, đó là truyền thống, đồng thời là quy luật giành thắng lợi trong chiến đấu của dân tộc ta chống những kẻ thù xâm lược lớn mạnh hơn ta nhiều lần. Tổ tiên ta đã tiến hành chiến tranh nhân dân để đánh thắng các triều đại phong kiến phương Bắc xâm lược, cũng như dưới sự lãnh đạo của Đảng dân tộc ta đã đánh thắng giặc Pháp giặc Mỹ xâm lược. Ngày nay, chúng ta phải kế thừa và phát huy truyền thống ấy lên một trình độ mới phù hợp với điều kiện thời đại, thực hiện chiến tranh toàn dân đánh thắng cuộc tiến công xâm lược của mọi kẻ thù.

2.1. Kịch múa Đất nước

Trong khoảng thời gian từ năm 2000 - 2010 đã ghi dấu thời kỳ phát triển rực rỡ văn hóa nghệ thuật nói chung và nghệ thuật múa Việt Nam nói riêng với rất nhiều tác phẩm múa đa dạng và thể loại phong phú. Đặc biệt trong giai đoạn này đã có nhiều vở kịch múa ra đời với những sự biến đổi mạnh mẽ về cả chất và lượng, để lại nhiều dấu ấn tốt đẹp trong lòng khán giả và công chúng. Kịch múa “Đất nước” của NSND Ứng Duy Thịnh được sáng

tác vào năm 2008 góp phần vào sự phát triển của thể loại kịch múa và đã nhận được các giải thưởng cao: (Giải A hội nghệ sĩ múa VN, HCV hội diễn nghệ thuật ca múa nhạc chuyên nghiệp toàn quốc 2009, giải xuất sắc của BQP về đề tài lực lượng vũ trang và chiến tranh cách mạng) đã khẳng định rõ hơn về con đường phát triển của nghệ thuật múa Việt Nam và là một trong những bông hoa tươi thắm chào mừng thành công đại hội đảng lần thứ X.

- Kịch bản và đạo diễn: PGS. TS. NSND. Ứng Duy Thịnh
- Âm nhạc: NSND. Đặng Hùng
- Thiết kế mỹ thuật: Văn Hải
- Đơn vị biểu diễn: Nhà hát Ca Múa Nhạc Quân Đội
- Thời lượng vở diễn: 90 phút

**Bố cục tác phẩm*: Gồm 6 cảnh

Cảnh 1: Miền quê thương nhớ.

Cảnh 2: Tiên tuyến và hậu phương.

Cảnh 3: Ngày trở về.

Cảnh 4: Gia đình.

Cảnh 5: Quê hương trong trái tim người lính.

Cảnh 6: Ngày chiến thắng.

* *Chủ đề tư tưởng tác phẩm*.

Tác giả kịch múa đã dựa trên tinh thần bài thơ “Đất nước” của nhà thơ Nguyễn Khoa Điềm để xác định chủ đề tư tưởng trong vở kịch múa Đất nước.

Khi ta lớn lên đất nước đã có rồi

Đất nước có trong cái ngày xưa ngày xưa mẹ thường hay kể

Đất nước bắt đầu từ miếng trầu bà ăn

Đất nước lớn lên khi dân mình biết trồng tre mà đánh giặc

Nhưng em có biết không

Có biết bao người con gái con trai

Trong bốn nghìn năm lớp người giống ta lứa tuổi
 Họ đã sống và chết
 Giản dị và bình tâm
 Không ai nhớ mặt đặt tên
 Nhưng họ đã làm ra đất nước.

[Đất nước - Nguyễn Khoa Điềm, 22]

Đây chính là nền tảng cho nội dung tư tưởng của tác phẩm và là cơ sở để xây dựng tác phẩm, đặc biệt trong nghệ thuật xây dựng hình tượng người lính trong chiến tranh.

** Tóm tắt nội dung*

Câu chuyện vào những năm 40 của thế kỷ trước, một làng quê nghèo nhưng thanh bình, một bức tranh đồng quê mộc mạc giản dị và một tình yêu trong sáng của lứa đôi.

Nhà nàng ở cạnh cạnh nhà tôi
 Cách nhau cái giậu mùng toi xanh rờn...
 Nếu không có giậu mùng toi
 Thế nào tôi cũng sang chơi thăm nàng...

[Cô hàng xóm - Nguyễn Bính. 23]

Tình yêu đôi lứa thật đẹp, thơ mộng, họ có quyền được sống hạnh phúc trọn vẹn bên nhau. Nhưng không! Chiến tranh đến và chia cắt họ. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của đất nước, chàng trai đã lên đường đánh giặc cứu nước để lại những giọt nước mắt chia ly của người con gái nơi quê nhà.

Một cuộc chiến tranh ác liệt với kẻ thù lớn, sự dũng cảm kiên cường của những chiến sĩ Điện Biên và chúng ta có quyền tự hào về lịch sử vẻ vang của dân tộc. Những chiến thắng đó là công lao của không chỉ những người ra trận mà còn là sự hy sinh, đóng góp to lớn, vững vàng của hậu phương cho tiền tuyến. Trong niềm vui hân hoan hạnh phúc đến với mọi nhà, người mất,

người còn, anh thương binh được trở về cuộc sống bên cạnh người vợ thân yêu. Họ lại quấn quít chung sức với nhau bên khung cửa nhỏ. Hạnh phúc chưa được bao lâu cuộc chiến tranh xâm lược mới lại bắt đầu, người con trai của chiến sĩ Điện Biên lại xung phong lên đường đánh giặc, chống Mỹ cứu nước. Tiễn biệt, hội ngộ, rồi lại chia ly trong nước mắt.

Thế hệ này nối tiếp thế hệ kia, lớp cha trước lớp con sau, dường như đã là niềm tự hào, tự tôn dân tộc, họ đã ra đi với bầu nhiệt huyết của tuổi trẻ, niềm tin và tình yêu. Trong cuộc chiến tranh đầy cam go ác liệt, trong khói bom lửa đạn của kẻ thù, cuộc sống vẫn sinh sôi nảy nở, chàng trai thay cha nối tiếp truyền thống đấu tranh anh dũng đã gặp cô thanh niên xung phong ngày đêm chiến đấu ngoan cường với kẻ địch, đảm bảo cho giao thông liên tục tiếp sức cho tiền tuyến.

Miền Nam được giải phóng, đất nước hoàn toàn độc lập. Làng quê đón mừng chiến thắng, những người lính ra đi trong chiến tranh đã lần lượt trở về làng quê bé nhỏ của mình, nhưng người con trai năm xưa đã mãi mãi đi xa...

2.1.1. Hình tượng người lính trong kịch bản văn học

Tác phẩm kịch múa “Đất nước” là tác phẩm thuộc đề tài chiến tranh cách mạng. Nhân vật trung tâm là người lính và các thế hệ người lính. Tác giả đã đi theo chiều dài của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ. Các thế hệ cha con đều lên đường ra mặt trận. Họ là những người lính kiên cường anh dũng trong cuộc chiến đấu bảo vệ độc lập tự do cho Tổ quốc.

Cảnh 1, hình ảnh người lính được khởi đầu bằng sự chia tay với người yêu để đi theo tiếng gọi của Tổ quốc. Đó là tiếng gọi của “Đất nước”. Hình ảnh cuộc chia ly của đôi trai gái mà kịch bản văn học đã đặt ra là yếu tố tạo nên hình tượng người lính. Một hành động, một cuộc chia ly trong chiến tranh. Trong tình huống này, hình ảnh đất nước là tiếng gọi thiêng liêng của bao triệu trái tim con người. Đất nước đi vào cuộc đời chúng ta qua những lời

ru ngọt ngào êm dịu, qua những làn điệu dân ca mượt mà và những vần thơ sâu lắng thiết tha, rất đỗi tự hào của bao lớp thi nhân. Một đất nước trải qua bao đau thương nhưng vẫn ngời lên ý chí đấu tranh, tinh thần dân tộc hào hùng, oanh liệt. Một đất nước mà lịch sử dân tộc gắn liền với lịch sử các cuộc chiến tranh, đất nước của thế hệ Việt Nam trong những năm kháng chiến chống Pháp rồi chống Mỹ.

Hình tượng người lính được tô đậm thêm ở cuối cảnh một đó là hình ảnh lớp người trẻ tuổi lên đường ra mặt trận. Kịch bản đưa ra một không gian trước sân đình trong ngày các chàng trai quê lên đường ra trận. Họ chính là những người lính Điện Biên trong cảnh “kéo pháo”, là cảnh tiếp theo trong chương 2.

Trong nội dung, tác giả kịch bản có viết: “Chàng trai nhà bên đã trở thành chiến sĩ Điện Biên... Hình ảnh các chiến sĩ kéo pháo, bom nổ xung quanh, cuộc chiến ác liệt... vẫn giữ vững sợi dây kéo pháo...” (gợi tả cảnh chiến đấu mang tính đặc trưng của Điện Biên trong cuộc kháng chiến chống Pháp để phân biệt cuộc chiến đấu sau này thời chống Mỹ). Như vậy kịch bản đã chỉ ra hướng xây dựng nhân vật và nhóm nhân vật của vở diễn. Nội dung đoạn này tạo cảm xúc, quy định tình huống cho biên đạo trong xây dựng ngôn ngữ và các tuyến múa. Đặc biệt từ kịch bản, hình tượng người lính được tập trung, đề cao. Tạo cảm xúc cho tác giả biên đạo sáng tác ngôn ngữ múa.

Tác giả kịch bản rất có lý khi sử dụng đoạn thơ của Chính Hữu để làm rõ hơn hình tượng người lính trong đoạn múa tập thể các chiến sĩ vượt Trường Sơn ra tuyền tuyền, cảnh bom đạn xung quanh làm xé nát đội hình. Tình đồng đội trong chiến đấu được đề cao. Đoạn thơ như một gợi ý trực tiếp cho biên đạo múa thực hiện vai trò của mình. Tinh thần đồng đội trong chiến đấu giữa mất, còn, sống chết là một phẩm chất cơ bản góp phần quan trọng trong việc xây dựng hình tượng người lính.

Đồng đội ta là hợp nước uống chung
 Là nắm cơm bẻ nửa
 Là chia nhau một trưa nắng một chiều mưa
 Chia nhau một mẫu tin nhà
 Chia nhau đứng trong chiến hào chật hẹp
 Chia nhau cuộc đời, chia nhau cái chết.

[Giá từng thước đất - Chính Hữu. 24]

Hình tượng người lính còn được tô đậm trong một hoàn cảnh mới. Hình ảnh người chiến sĩ trở về sau cuộc chiến khi không còn bom đạn, chết chóc. Trong trường hợp này, hình tượng người lính cũng mang tới cho khán giả một cảm xúc mạnh mẽ. Họ càng thông cảm và yêu thương người lính hơn, những người đã ra đi chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước, bảo vệ cái làng quê bé nhỏ của mình. Trong cảnh 3 kịch bản viết: “Rồi cuộc chiến tranh cũng kết thúc. Những chàng trai ra đi năm xưa, nay cũng lần lượt trở về làng quê của mình”.

Và lần đó, những người phụ nữ như thường lệ vẫn đưa con trai ra đây chờ chồng. Họ chờ mãi, chờ mãi... ngày gần hết, nắng đã tắt, đã có một số người trong số họ đã quay bước trở về làng. Bỗng nhiên từ cuối bờ đê, bóng một người lính trong chiếc áo bạc màu xuất hiện. Anh nặng nhọc với chiếc nạng gỗ từng bước từng bước tiến về phía đầu làng, bỗng một người con gái chạy vụt đến đứng sững trước mặt người con trai. Giây phút bàng hoàng của cả hai người. Chiếc nạng gỗ rơi xuống đất vang lên một tiếng khô khốc. Người con trai khó khăn loạng choạng bước tới những người đàn bà chạy đến và anh đã ngã vào vòng tay của mọi người. Đây là tình huống khá ấn tượng và góp phần không nhỏ trong việc khắc họa hình tượng người lính trong tác phẩm kịch múa “Đất nước”. Điều đó cho thấy từ kịch bản đã trở thành ngôn

ngữ của múa qua một cảnh diễn có hiệu quả cao. Hình tượng người lính được biểu hiện một cách sinh động trong tác phẩm.

Trong nội dung kịch bản còn khá nhiều đoạn miêu tả người lính trong các hoàn cảnh cụ thể như: Hai lần trai tráng trong làng lên đường ra trận; Cảnh hai không gian tiền tuyến và hậu phương cùng diễn ra một lúc trên sân khấu, trong đó hình tượng người lính được biểu hiện khá rõ nét, gây ấn tượng mạnh, qua đoạn chiến đấu, đoạn những chiến sĩ lái xe vượt qua bom đạn...

Tóm lại ngay từ trong nội dung kịch bản đã đặt ra nhiều nhân vật, hoàn cảnh tình huống về hình ảnh và hành động của người lính. Đó là các mối quan hệ của họ với quê hương, đất nước, với tình yêu đôi lứa, rồi cả cuộc chiến tranh, giữa sự sống và cái chết... Tất cả những yếu tố đó đã giúp cho ngôn ngữ múa phát triển, giúp cho tác giả biên đạo mở rộng cảm xúc của mình trong tư duy hình tượng nghệ thuật.

2.1.2. Hình tượng người lính trong hành động nhân vật và ngôn ngữ múa.

Tác phẩm kịch múa “Đất nước” đã sử dụng ngôn ngữ múa một cách phong phú, đa dạng để phản ánh tâm tư tình cảm của người lính, phản ánh chân thực và sinh động cuộc chiến tranh vệ quốc của dân tộc. Kết hợp với thủ pháp nghệ thuật sân khấu ẩn dụ gần xa, tính ước lệ không gian thời gian, tác giả biên đạo đã linh hoạt và khéo léo liên kết các bối cảnh khác nhau tạo thành những đoạn múa, cảnh múa với một kết cấu chặt chẽ, liền mạch, với một tư duy gợi mở cho người xem. Sự liên kết đó đã hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng và hình thành ngôn ngữ múa trong tác phẩm kịch múa “Đất nước”.

Trong tác phẩm tác giả đã sử dụng một cách đa dạng ngôn ngữ múa: Múa dân gian dân tộc với những đường nét mềm mại của ngón tay, cánh tay dân tộc Việt, ngôn ngữ múa ballet điêu luyện với sức căng của thân trên, sự chắc chắn của releve, tạo hình của những tư thế lớn alabet, artitup, kỹ thuật quay nhảy, kết hợp với sự phóng khoáng bay bổng, rộng mở, linh hoạt của

múa hiện đại đã làm cho người xem thực sự cảm nhận được một tác phẩm múa có chiều sâu, cảm xúc đa dạng và tính hình tượng nghệ thuật cao.

Mở màn tác phẩm là tạo hình đứng trên núi cao của một tập nữ. Tác giả biên đạo đã khai thác thành công hình ảnh những hòn vọng phu của thế kỷ 19, với sự chờ đợi ngóng trông. Mặc dù không trong hình ảnh trang phục của người lính nhưng hình tượng các cô gái có mối quan hệ chặt chẽ với các nhân vật người lính trong tác phẩm. Những hình ảnh này càng làm tôn vinh hình tượng người lính trong tác phẩm kịch múa “Đất nước”.

Cảnh 1 “Miền quê thương nhớ” biên đạo đã sử dụng hình thức múa Duo để thể hiện tình yêu đôi lứa của người lính trước giờ lên đường ra mặt trận. Ngôn ngữ múa chủ yếu được sử dụng ở đây đó là sử dụng chất liệu các động tác của múa cổ điển châu Âu hòa trộn với mô típ múa dân gian. Động tác được sử dụng nhiều nhất đó là động tác Arabets. Đặc điểm của động tác này là sự bay bổng, vươn cao, tạo nên tính chất trữ tình cho nhân vật. Đồng thời sử dụng nhiều kỹ thuật bê đỡ và tạo hình đẹp mắt. Hiệu quả nghệ thuật của đoạn này rất tốt. Hình tượng của người lính không chỉ thể hiện trong cuộc chiến đấu ác liệt trước quân thù, mà còn thể hiện sinh động trong tình yêu lứa đôi. Ngôn ngữ và hành động của hai nhân vật, tình yêu của họ càng tôn vinh vẻ đẹp hình tượng người lính trong tác phẩm.

Cảnh 2: “Tiền tuyến hậu phương” với những tổ hợp động tác mạnh mẽ khỏe khoắn của chiến sĩ Điện Biên nơi tiền tuyến được sử dụng đối lập với những tổ hợp động tác của các cô gái hậu phương đắm thắm trữ tình lôi cuốn người xem. Đặc biệt xét về nghệ thuật cấu tạo ngôn ngữ múa, đoạn này kịch bản đã chỉ ra đó là hành động “kéo pháo” của bộ đội. Để tạo nên đặc điểm nhân vật và nhóm nhân vật, biên đạo múa đã đưa vào những động tác gần với đời thường như: kéo pháo trong các trạng thái, tình huống khác nhau. Tuy nhiên thành công của đoạn này không dừng lại ở sự mô phỏng, bắt chước hiện

thực. Tác giả đã cách điệu nghệ thuật ngôn ngữ với một số động tác múa CDCÁ và múa hiện đại để tạo nên cảm xúc mới mẻ hơn đối với người xem.

Đặc biệt trong cảnh 4, một đoạn múa Trio được tác giả xây dựng nhằm kết nối các nhân vật: bố, mẹ, con trong một gia đình sau cuộc chiến tranh. Đây là một đoạn múa có thời lượng 05 phút. Dù thời lượng một tác phẩm múa tồn tại độc lập. Thực tế Nhà hát Quân đội đã từng trích đoạn để đưa vào chương trình biểu diễn. Ba nhân vật: Người cha (chiến sĩ Điện Biên năm xưa); người con (bộ đội thời chống Mỹ) và Người mẹ. Ba nhân vật này đã hòa quyện trong ngôn ngữ múa cùng những tạo hình gắn kết được chuyển động liên tục tạo nên một cảm xúc ngập tràn yêu thương. Chúng tôi nghĩ rằng tình yêu thương trong đoạn múa Trio này càng khẳng định được tình yêu người lính qua các thế hệ. Đặc biệt là điểm nhấn của tác phẩm khi xây dựng hình tượng người lính.

Cảnh 5: “Quê hương trong trái tim người lính” – Sân khấu hùng hực với không khí và tinh thần quả cảm của những chiến sĩ Trường Sơn, những nam thanh nữ tú của chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử. Đoạn này tác giả biên đạo đã dựng những đoạn múa tập thể. Ngôn ngữ động tác múa mang tính chất đồng điệu. Chất liệu để cấu tạo nên ngôn ngữ múa được mô phỏng lại các động tác trong hiện thực chiến tranh như: Động tác của người chiến sĩ lái xe, động tác làm đường, đào đất đá... được “nhào trộn” với một số luật động của ngôn ngữ múa đương đại. Sự hòa trộn đó trên một nền âm nhạc dồn dập, thôi thúc, kịch tính. Tất cả các yếu tố của nghệ thuật xây dựng ngôn ngữ đã thể hiện được tinh thần vượt qua thử thách đầy cam go trong hoàn cảnh chiến đấu cụ thể tại Trường Sơn. Hiệu quả tổng hợp đã càng tôn vinh hình tượng người lính. Tôn vinh vẻ đẹp của hành động và vẻ đẹp trong tinh thần, ý chí của người lính. Đây là một trường đoạn kịch tính, đồng thời cũng tạo nên điểm nhấn của tác phẩm. Đương nhiên hình ảnh người lính không những được khắc

họa rõ nét mà còn tác động mạnh đến khán giả trước vẻ đẹp hình tượng của mình.

Cũng trong cảnh này, một lần nữa phân đoạn múa Duo tình yêu lại được tái hiện. Nhưng được thể hiện bằng hai nhân vật khác, trong một hoàn cảnh khác đó là trong cuộc ném bom oanh tạc của B52. Từ dưới tầng sâu của đất, đá vùi lấp sau trận bom, người ta thấy nhân vật chiến sĩ lái xe và cô gái thanh niên xung phong xuất hiện dần qua từng lớp đất đá. Rõ ràng tình huống giữa sống và chết họ đã đến với nhau và tình yêu trong khoảnh khắc đó đã tạo nên ấn tượng mạnh mẽ. Hình ảnh người lính càng được nhấn mạnh và tôn vinh. Một đoạn múa Duo như một vĩ thanh hoàn chỉnh cho cảnh múa, đã tạo nên nhiều cảm xúc với những khát khao được sống, được yêu mãnh liệt. Xét về ngôn ngữ mang dung lượng và tính chất của múa đương đại. Động tác phóng túng, tự do trong các chiều cạnh. Đội hình, tuyến múa cũng gọi cho hai diễn viên tiếp tục mở rộng sức sáng tạo trong biểu hiện.

Trong cảnh “Ngày chiến thắng” là một bức tranh lớn, hoành tráng. Ngày chiến thắng với những tổ hợp múa linh hoạt khi phức điệu, khi đồng điệu đã làm nên một sân khấu hoan ca của niềm vui ngày thống nhất. Cảnh múa đang diễn ra thì bất ngờ thay đổi hoạt cảnh, trong đó hình ảnh cô thanh niên xung phong trở về với không gian tối tĩnh lặng rồi trào dâng của nỗi đau thương xen lẫn tự hào trong cảnh trao lại kỷ vật của người lính Trường Sơn đã hy sinh.

Kết thúc tác phẩm tác giả đã hình tượng hóa sự trường tồn của một thế hệ nối tiếp. Hình ảnh chiếc nôi (mầm non tương lai của đất nước) từ từ bay lên. Trên đó được phủ một tấm áo quân phục của người lính. Chiếc nôi chuyển động trong không gian trước niềm hân hoan của mọi người và hứa hẹn một tương lai tươi sáng. Tác phẩm kịch múa “Đất nước” tuy khai thác về đề tài chiến tranh nhưng không căng cứng, các đoạn các cảnh nối tiếp nhau

như những đóa hoa đa màu sắc. Tác giả đã sử dụng sáng tạo và linh hoạt các ngôn ngữ múa phù hợp cho từng nhân vật cụ thể và tập thể quần chúng. Những phân đoạn cảnh múa được xâu chuỗi một cách khéo léo và tài tình, thông qua ngôn ngữ múa lúc nhanh lúc chậm mang nhiều kịch tính cao đã tạo nên sự đồng nhất, sống động của ngôn ngữ, đồng thời cũng tràn đầy tính biểu hiện của những xúc cảm.

Tác giả biên đạo đã sử dụng những yếu tố kỹ thuật kỹ xảo của nền tảng ballet một cách hợp lý, logic, với những quy luật khoa học của chuyển động cơ thể, gắn với sử dụng ngôn ngữ múa đơn giản bình dị của dân gian, dân tộc để đặc tả về yếu tố sinh hoạt đời thường. Cùng với việc khai thác không gian đa chiều của ngôn ngữ múa hiện đại. Tất cả những điều đó đã tạo nên một tác phẩm kịch múa Đất nước công phu, khoa học, có một cách biểu cảm mới bằng ngôn ngữ múa cùng những hành động hợp lý, bám sát nội dung kịch bản, nhân vật người lính cũng như các nhóm nhân vật.

Trong tác phẩm, nhân vật người lính theo chiều dài của hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ đã được tác giả biên đạo mô tả bằng ngôn ngữ múa và các mối quan hệ mang tính nhân văn sâu sắc. Hình tượng người lính trong tác phẩm kịch múa “Đất nước” với ý nghĩa giáo dục sâu sắc không chỉ đối với thế hệ trẻ ngày nay mà còn là bài học dài lâu.

2.1.3. Hình tượng người lính trong sự biểu cảm của âm nhạc

Có thể nói âm nhạc trong kịch múa “Đất nước” được đánh giá là một tác phẩm âm nhạc thành công. Để có một tác phẩm múa giàu cảm xúc, đầy tính nghệ thuật thì âm nhạc đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc định hình tính cách, bố cục, hình tượng và ngôn ngữ của múa. Như chúng ta đã biết chỉ cần một nét nhạc dân gian hò khoan vang lên là người ta liên tưởng đến không gian lao động của một làng chài ven biển. Chỉ cần hồi trống chầu và tiếng kèn sona của tuồng là người xem nghĩ ngay đến những chiếc mặt nạ,

những chòm râu, những điệu bộ của hát tuồng. Hay một khúc nhạc hành khúc hùng dũng vang lên sẽ gợi hình tượng những người lính, và còn rất nhiều ngôn ngữ âm nhạc khác. Người nhạc sĩ hay biên đạo có nắm bắt được ngôn ngữ âm nhạc của từng vùng miền hay của các cộng đồng dân tộc Việt Nam thì sẽ thổi vào hồn tác phẩm của mình những giá trị nghệ thuật cao, để đi vào lòng người và giàu cảm xúc.

Âm nhạc sử dụng trong kịch múa “Đất nước” có sự kết hợp đa dạng của nhiều loại hình âm nhạc dân gian được viết trên nền nhạc giao hưởng hiện đại, âm nhạc của các loại nhạc cụ: Tiếng trống, tiếng vĩ cầm, tiếng đàn bầu... Những âm thanh của tự nhiên: Tiếng suối chảy, tiếng chim hót. Tất cả những âm thanh đó đã tạo nên một bức tranh về đất nước Việt Nam trong khoảng thời gian 40 năm về trước. Sự kết hợp âm nhạc dân gian dân tộc với âm hưởng âm nhạc cổ điển tạo nên một làng quê Việt Nam thanh bình yên ả, bất chợt tiếng nhạc trầm, đẽm những tiếng trống thanh vang lên thể hiện những diễn biến trong xã hội, sau đó là tiếng vĩ cầm sôi động trên nền nhạc giao hưởng báo hiệu cách mạng tháng tám thành công, hay ở cảnh 3 âm nhạc đang cất lên với giai điệu du dương bỗng chốc vang lên mạnh mẽ từng nhịp liên hồi để thể hiện tình cảnh đất nước sắp lâm nguy. Trong cảnh múa những đoàn quân ra trận, hình ảnh những cô gái thanh niên xung phong trong một phút yên ả nơi rừng sâu với những âm thanh róc rách của suối chảy, tiếng chim hót... Ngôn ngữ múa kết hợp với những tiết tấu, giai điệu lúc nhanh lúc chậm. Đặc biệt với thủ pháp nghệ thuật sử dụng những ca khúc trữ tình, những ca khúc cách mạng đi cùng năm tháng, những đoạn thơ, những đoạn độc thoại của người mẹ gửi con trai ngoài mặt trận càng tạo nên những ấn tượng sâu sắc trong lòng khán giả. Ca khúc “Cô hàng xóm” lời thơ Nguyễn Bính, “Hò kéo pháo” – nhạc sĩ Hoàng Vân hay “Như có Bác Hồ trong ngày vui đại thắng” - Phạm Tuyên là sự kết hợp thật hiệu quả sinh động gắn liền

với từng mốc son lịch sử, những tác phẩm của một thời mà trong đó chứa đựng khí phách của những đoàn quân ra trận, tinh thần yêu nước tự lập tự cường, những trang sử hào hùng của dân tộc. Những ca khúc và những giai điệu thiêng liêng chứa đựng những giá trị lịch sử, trí tuệ và tài năng sáng tạo của bao thế hệ. Sử dụng ca khúc cách mạng, trữ tình cách tân trên nền nhạc giao hưởng, sự kết hợp âm nhạc dân gian, dân tộc và xử lý âm thanh hiện đại trong tác phẩm kịch múa “Đất nước” tạo cho chúng ta một không gian âm nhạc và văn hóa của nghệ thuật đỉnh cao.

2.1.4. Hình tượng người lính trong mối quan hệ với các thành tố nghệ thuật.

Hình tượng người lính trong tác phẩm kịch múa “Đất nước” được đề cao và nổi bật không thể không nói đến sự đóng góp hiệu quả của các thành tố nghệ thuật khác đó chính là sự phối hợp hữu cơ giữa các thành tố như: Âm thanh, ánh sáng, trang phục và đạo cụ... là những yếu tố quan trọng góp phần tôn vinh hình tượng nghệ thuật trong tác phẩm kịch múa. Để lột tả cảm xúc vai diễn, tâm lý nhân vật cũng như biên cố lịch sử thì hiệu quả của âm thanh, ánh sáng đi cùng với nhau, hỗ trợ cho nhau là rất cần thiết, và có thể nói rằng kỹ thuật ánh sáng trong tác phẩm kịch múa “Đất nước” đã phát huy được tính chủ đạo trong việc nâng cao hiệu ứng nghệ thuật cho cảnh múa. Hệ thống ánh sáng đèn điện tử đa sắc cùng máy tạo khói để tạo nên hình ảnh không gian bốn chiều hoành tráng. Những mảng màu ánh sáng hiệu quả được tác giả khai thác khéo léo: Ánh sáng hồng tím trong múa Duo tình yêu, ánh sáng trắng đặc tả sự cô đơn của người vợ, ánh sáng tối đỏ khắc họa cảnh chiến trường khốc liệt, màu xám với những hình ảnh đồi núi, những thân cây trụi lá vì chất độc dioxin.

Ngoài việc sử dụng ánh sáng để thay đổi không gian, tác giả biên đạo đã có nhiều sáng tạo trong thủ pháp xử lý sân khấu. Các hoạt cảnh được thiết kế công phu, hiện đại có quy mô cho từng phân cảnh, sử dụng phong màn với

hệ thống máy chiếu đa năng để đặc tả chân thực, mới mẻ và sinh động những hình ảnh: Cánh đồng lúa bát ngát, lũy tre làng, đất trồng đồi trọc vì đạn bom. Những mô hình như đồi núi, nhà cửa, giàn cúc tần...

Trong kịch múa “Đất nước” trang phục và đạo cụ được thiết kế đẹp mắt, có những trang phục và đạo cụ được cách tân để phù hợp với kỹ thuật múa nhưng vẫn giữ được nét truyền thống dân tộc và phù hợp với nội dung cảnh múa. Đạo cụ đơn thuần là những chiếc khung cử để dệt vải và dệt cả những nhớ thương và chờ mong khắc khoải của những người vợ hậu phương, một chiếc khăn hồng cho niềm tin và sự hứa hẹn ngày trở về... Trang phục nữ với áo dài tứ thân may xẻ tà 2 bên hông, 2 ống tay áo để phù hợp với những động tác múa, trang phục nam là quần gụ áo nâu, được cách điệu khoét cổ tròn rộng, cộc tay. Đối với vai người lính Điện Biên, người lính Trường Sơn, thanh niên xung phong... thiết kế trang phục giữ nguyên theo lối truyền thống nhằm phản ánh đúng bản chất hình tượng người lính bộ đội cụ Hồ. Khi xem tác phẩm khán giả dễ nhận biết được từng sự kiện lịch sử thông qua trang phục của diễn viên. Nhìn chung thiết kế phục trang diễn viên vẫn giữ được nét cơ bản truyền thống dân tộc, phản ánh chân thực đời sống chiến đấu hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ.

2.1.5. Hình tượng người lính qua các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm

**Giá trị nội dung tư tưởng*

Tác phẩm kịch múa đã phản ánh được truyền thống hào hùng chống giặc ngoại xâm, vì độc lập tự do cho Tổ quốc. Tác phẩm đã làm nổi bật lên những giá trị nhân văn sâu sắc, đó là sự mất mát của những người cha, người mẹ, những thế hệ nam nữ thanh niên Việt Nam - những người con ưu tú của đất nước cầm súng lên đường đánh giặc. Tác phẩm còn có ý nghĩa giáo dục sâu sắc truyền thống yêu nước của thế hệ trẻ trong mọi thời đại. Tinh thần yêu

nước được bắt nguồn từ những tình cảm bình dị, đơn sơ của mỗi người dân. Tình cảm đó mới đầu chỉ là sự quan tâm đến những người thân yêu ruột thịt, rồi đến xóm làng, sau đó phát triển cao thành tình yêu Tổ quốc. Tình yêu đất nước không phải là tình cảm bẩm sinh, mà là sản phẩm của sự phát triển lịch sử gắn liền với một đất nước. Một dân tộc đã dành hơn nửa thời gian cho các cuộc kháng chiến giữ nước và đấu tranh chống ngoại xâm, các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh giải phóng dân tộc. Không có một dân tộc nào trên thế giới lại phải chịu nhiều cuộc chiến tranh như vậy và với những kẻ thù mạnh hơn rất nhiều. Chính tinh thần yêu nước nồng nàn đã giúp dân tộc ta vượt qua mọi khó khăn, chiến thắng mọi thế lực xâm lược. Qua những cuộc chiến đấu trường kỳ đầy gian khổ đó, chủ nghĩa yêu nước đã trở thành dòng chủ lưu của đời sống Việt Nam, trở thành một triết lý xã hội và nhân sinh trong tâm hồn Việt Nam. Tình yêu đất nước không chỉ gắn liền với quá trình xây dựng đất nước, nó còn được thể hiện rõ hơn trong quá trình bảo vệ đất nước. Tác phẩm kịch múa “Đất nước” không chỉ là một tác phẩm mang giá trị nghệ thuật cao mà trong đó còn chứa đựng những giá trị nội dung tư tưởng sâu sắc.

** Giá trị nghệ thuật của tác phẩm*

Lịch sử chiến tranh Việt Nam là một mảng đề tài phong phú để khai thác các loại hình nghệ thuật. Tuy nhiên khi chuyển thể sang kịch bản nghệ thuật cần phải đáp ứng những tiêu chí cơ bản - đó là sao cho vẫn phản ánh một cách chân thực, cụ thể, rõ nét về các hình tượng nhân vật và các sự kiện lịch sử dân tộc mà vẫn mang đậm giá trị nghệ thuật. Trong tác phẩm kịch múa “Đất nước” tác giả biên đạo đã khéo léo tiếp cận chủ đề với 2 cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ để xây dựng kịch bản và tuyển nhân vật với những yếu tố hành động, tâm lý, tính cách trên cơ sở đặc trưng của thể loại kịch múa.

Hình tượng chàng trai (người cha - chiến sĩ Điện Biên) tuổi mười tám đôi mươi với tình yêu trong sáng thơ mộng đầy mãnh liệt, rồi cũng sục sôi thiết tha lên đường đánh giặc với tình yêu dành cho làng xóm quê hương. Khi trở về dù không còn lành lặn, với những dấu vết của tội ác chiến tranh, nhưng những vết thương đó có đáng gì khi niềm vui đoàn tụ chưa được bao lâu lại một lần nữa trong cảnh chia tay tiễn biệt. Nặng lòng trao cho con đi vật để rồi mong ngóng ngày trở về trong nước mắt tang thương, con trai của bố đã không còn trở về, nỗi đau đó không gì có thể xoa dịu... Tác giả đã xây dựng nên hình tượng một người chồng, người cha, người chiến sĩ Việt Nam luôn chịu đựng, kiên cường, bất khuất trong mọi hoàn cảnh.

Hình tượng cô gái (người mẹ, người vợ chiến sĩ Điện Biên) là đại diện cho cả một thế hệ phụ nữ Việt Nam, một nắng hai sương, đảm đang trong sản xuất, nuôi dạy con ngoan, thủy chung son sắt, là chỗ dựa vững chắc cho tiền tuyến. Và hơn ai hết các chị các mẹ là những người phụ nữ mạnh mẽ, kiên cường nhất và có những hy sinh lớn lao nhất. Tiễn chồng rồi lại tiễn con, nỗi đau lại chồng chất nỗi đau, những hy sinh thầm lặng đó luôn là niềm tin của ngày thắng trận .

Hình tượng người thanh niên (người con của chiến sĩ Điện Biên) theo tiếng gọi của non sông, nối tiếp truyền thống gia đình người lính Trường Sơn lao vào cuộc chiến đấu khốc liệt của dân tộc. Vẫn là sự quả cảm đó, vẫn là tình yêu lớn đó với làng xóm, quê hương. Tình yêu đó được đánh đổi bằng mạng sống, sự hy sinh cao cả của chính mình.

Hình tượng cô gái (thanh niên xung phong) chiến trường khốc liệt với biết bao mưa bom bão đạn nhưng họ đâu có nao núng khiếp sợ. Họ vẫn luôn lạc quan, yêu đời, ở nơi đó tình yêu vẫn nảy nở, đơm hoa, kết trái.

Thông qua tác phẩm kịch múa “Đất nước” tác giả biên đạo đã khắc họa thành công hình tượng 4 nhân vật chính trong suốt chiều dài tác phẩm. Tuy

nhắc đến những nhân vật cụ thể nhưng câu chuyện của gia đình nhỏ ấy luôn gắn bó mật thiết với số phận của cả dân tộc.

Các nhân vật quần chúng đóng một vai trò không thể thiếu trong các tác phẩm nghệ thuật nói chung và kịch múa nói riêng. Nhân vật quần chúng có chức năng hỗ trợ cho nhân vật chính làm rõ hơn chủ đề tư tưởng của vở diễn theo ý đồ của tác giả biên đạo. Vở kịch múa “Đất nước” với một bối cảnh lớn, không gian rộng mở và sự mô tả thời gian suốt 2 cuộc kháng chiến thì vai trò của các nhân vật quần chúng không chỉ điểm sáng cho hình tượng các nhân vật chính mà còn làm cho chúng ta thấy được tinh thần đoàn kết, sức mạnh chiến đấu của quân và dân Việt Nam. Quân với dân như cá với nước, đoàn kết một lòng, dân là hậu phương vững chắc cung cấp sức người, sức của, che chở cho bộ đội trong những giây phút một mất một còn, giữa cái sống và cái chết trong vòng vây kẻ thù. Còn bộ đội ta là của dân, chiến đấu vì nhân dân, và luôn sẵn sàng hy sinh để bảo vệ nhân dân. Hiếm có quân đội nào lại có mối gắn bó mật thiết với dân như vậy. Quân và dân đã cùng nhau chung sức chung lòng chiến đấu vì độc lập tự do cho Tổ quốc.

Các nhân vật quần chúng trong tác phẩm kịch múa “Đất nước” đã giúp tái hiện lại được hình ảnh những người phụ nữ Việt Nam một thời chống Pháp, chống Mỹ, hình ảnh những người chiến sĩ Việt Nam kiên cường bất khuất, luôn sẵn sàng quên mình vì nước, vì dân. Bên cạnh đó, bằng việc sử dụng khéo léo các nhân vật quần chúng, tác giả còn khắc họa một cách đậm nét những con người trong cả một thế hệ, những người đàn ông, đàn bà, những người cha người mẹ và số phận những thanh niên nam nữ trong suốt thời kỳ kháng chiến gian khổ.

Nghệ thuật diễn xuất của từng nhân vật là một trong những yếu tố đem đến thành công cho tác phẩm kịch múa. Diễn xuất trong nghệ thuật múa mang tính đặc trưng đó là ngoài sự biểu hiện trên khuôn mặt người diễn viên còn

phải thực hiện tốt các kỹ thuật, kỹ xảo của động tác múa. Trong kịch múa “Đất nước” với những nhân vật chính điển hình: Người vợ đại diện cho hình tượng người phụ nữ Việt Nam, người chồng – chiến sĩ chống Pháp, người con - chiến sĩ chống Mỹ, cô gái - nữ thanh niên xung phong. Họ đã thể hiện thành công xuất sắc vai diễn của mình thông qua ngôn ngữ múa đa dạng và phong phú nhưng cũng đầy kịch tính của từng nhân vật. Đó là các phân cảnh múa được thể hiện bằng nỗi nhớ xa chồng, nỗi đau xé lòng của người mẹ khi biết tin đứa con duy nhất của mình đã hy sinh dũng cảm ngoài mặt trận, đó là diễn xuất của nhân vật người bố cho ta thấy ý chí kiên cường, bất khuất của người chiến sĩ đứng trước hiểm nguy không hề nao núng. Ở phân cảnh “Ngày trở về” tác giả đã miêu tả sự khắc khoải mong ngóng tin chồng trên bờ đê quen thuộc của người vợ hiền và đứa con thơ, xa xa hình tượng người chiến sĩ Điện Biên với chiếc nạng gỗ đang khập khiễng lê từng bước... Ở phân cảnh này diễn xuất của nam nhân vật người lính Điện Biên đã thể hiện được những cảm xúc mạnh mẽ khi trở về mái nhà thân thương, họ nhận ra nhau ghen ngào trong tình yêu thương của làng xóm. Ở các cảnh 1 và 4 chúng ta có thể bắt gặp yếu tố kịch tính của tác phẩm khi chứng kiến gia đình của người chiến sĩ Điện Biên trong sum vầy hạnh phúc rồi lại phải chia ly, sau khi đoàn tụ gia đình lại một lần nữa bị chia cắt. Diễn xuất chân thực của nhân vật trong các cảnh múa đã tạo ra cho người xem một luồng cảm xúc mạnh mẽ. Mỗi một nhân vật có một cách thức diễn xuất mang đậm màu sắc dấu ấn riêng của từng cá nhân, nhưng cũng rất hài hòa trong sự phối hợp tổng thể của tác phẩm.

Các nhân vật phụ có chức năng hỗ trợ cho nhân vật chính làm rõ chủ đề tư tưởng của vở kịch múa, với trình độ diễn xuất chuyên nghiệp, họ đã nâng nghệ thuật múa lên một tầm cao mới góp phần không nhỏ vào thành công của tác phẩm. Các nhân vật đã thể hiện được nội tâm, có sức truyền cảm và thực sự lôi cuốn người xem.

Tác phẩm kịch múa “Đất nước” đã cho chúng ta một cái nhìn toàn vẹn về hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của dân tộc ta. Tác phẩm xoay quanh hình ảnh người lính - là hai thế hệ trong một gia đình. Bằng các thủ pháp sân khấu sáng tạo, tác giả biên đạo đã tái hiện lại được hình ảnh người lính hết sức bình dị mà rất đỗi kiên cường. Họ những người lính nông dân xuất thân từ nơi nước mặn đồng chua, nơi những miền quê nghèo đất cày lên sỏi đá. Với họ, cái chết có nghĩa lý gì khi họ đã xác định được: Chiến trường đi chẳng tiếc đời xanh, họ nhận thức được một cách sâu sắc về lẽ tử sinh. Nhưng là những người lính, họ hiểu rằng chiến thắng nào mà chẳng có hy sinh. Âm hưởng lạc quan, vì thế vẫn là âm hưởng chủ đạo trong tác phẩm. Kết thúc với một hình ảnh đầy ý nghĩa và sâu lắng, kịch múa “Đất nước” đã cho chúng ta thấy được sự trường tồn của dân tộc, tre già măng mọc, lớp lớp các thế hệ của đất nước sẽ luôn sẵn sàng chiến đấu, xây dựng và bảo vệ tổ quốc, bảo vệ những thành quả mà bao thế hệ cha ông đã để lại.

2.2. Kịch múa Nhân Sinh

Đề chào mừng kỷ niệm 60 năm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam 22/12/1944 – 22/12/2004.

Được sự chỉ đạo của Tổng cục Chính trị, Trường đại học Văn hóa Nghệ thuật Quân đội đã dàn dựng vở kịch múa “Nhân sinh” và công chiếu tại nhà hát lớn Hà Nội vào tháng 12/2004. Đây là một vinh dự lớn lao cũng như trách nhiệm cao cả với một ngày hội lớn của dân tộc. Bằng tất cả trách nhiệm, sự cố gắng không mệt mỏi của thầy và trò nhà trường đã dàn dựng thành công vở kịch múa với chất lượng nghệ thuật cao, phản ánh đúng hiện thực lịch sử của những giai đoạn chiến tranh gian khổ. Đây cũng là lời tri ân với các thế hệ chiến sĩ đã hy sinh thân mình để bảo vệ chủ quyền đất nước, và cũng là những bài học về truyền thống cho các thế hệ tương lai tiếp tục xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

- Kịch bản: NSND. Xuân Định - NGƯT. An Thuyên.

- Cố vấn nghệ thuật: NSND. Công Nhạc, NSND Xuân Định, TS. NSND. Anh Phương

- Biên đạo: Sinh viên lớp biên đạo khóa 9 Trường ĐH VHNT Quân đội

- Âm nhạc: NSƯT. Đức Trịnh, Xuân Phương, Mai Kiên, Trọng Tuấn, An Hiếu, Đức Tân

- Thiết kế sân khấu: NSƯT. Trần Mậu - Hoạ sĩ Tất Ngọc

- Thiết kế trang phục: Xuân Trường - Như Anh

- Ánh sáng: Ngô Thanh Sơn - Văn Xây

- Cùng toàn thể học sinh, sinh viên khoa Múa Trường ĐH VHNT Quân đội biểu diễn.

- Thời lượng vở diễn là 75 phút

**Bố cục tác phẩm*

Phần I: Ngày sinh

Mở đầu: Bác Hồ ánh sáng niềm tin

Cảnh 1: Tụ hội

Cảnh 2: Lời thề (22/12/1944)

Phần II: Những trận đánh đầu tiên

Cảnh 3: Trận Phay Khắt (25/12/1944)

Cảnh 4: Trận Nà Ngần (26/12/1944)

Cảnh 5: Trận Đồng Mu (4/2/1945)

Phần III: Vinh quang chiến sĩ Việt Nam

**Chủ đề tư tưởng tác phẩm*

Tác phẩm kịch múa “Nhân sinh” được tác giả chọn lựa là đề tài chiến tranh cách mạng, lấy hình tượng anh bộ đội cụ Hồ làm nhân vật trung tâm để thể hiện toàn bộ nội dung, ý tưởng, tình cảm của tác phẩm. Từ một đất nước nghèo nàn lạc hậu, đang chịu cảnh nô lệ lầm than, những người dân lương

thiện bị bóc lột về thể xác đầy đọa về tinh thần mà bản thân họ không thể tự mình thoát ra được cuộc sống tăm tối. Nhưng cũng chính trong thời khắc đó dân tộc Việt Nam đã xuất hiện một vị anh hùng, mà vị anh hùng ấy đã làm thay đổi vận mệnh đất nước, vận mệnh của hàng triệu người dân đang quần quai, đau đớn trong sự dày xéo của bọn thực dân Pháp.

Đó chính là Hồ Chí Minh, đây cũng chính là người chiến sĩ cách mạng đầu tiên, người đã hy sinh tất cả cho lý tưởng giải phóng dân tộc. Với tình yêu quê hương đất nước nồng nàn, với sự đồng cảm và thương xót hàng triệu người dân vô tội, với tài năng và tuổi trẻ người đã lên đường ra đi tìm lại những chân lý, những con đường để giải phóng cho dân tộc Việt Nam.

Rồi ngày trở về ánh sáng niềm tin cách mạng đã soi sáng một vùng trời, soi sáng những ánh mắt, sự mong chờ của đồng bào nhân dân. Hình ảnh mở đầu của kịch múa với tựa đề “Bác Hồ sáng mãi niềm tin”, đây như là một diễm báo, một sự khẳng định cho chân lý “con người có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Để rồi đến ngày 22/12/1944 đội tuyên truyền giải phóng quân ra đời, đây là tiền thân của quân đội nhân dân Việt Nam mà sau này đã làm nên lịch sử lẫy lừng năm châu và giải phóng hoàn toàn dân tộc Việt Nam, bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ trước các cường quốc trên thế giới.

**Tóm tắt nội dung*

Ngày sinh nở mỗi người mỗi cảnh. Vâng tất cả khác nhau chỉ có một điều chung nhất là ai ai cũng cất tiếng khóc chào đời. Tạo hóa cho ta bắt đầu là thế, để rồi từ lúc sinh ra đến khi xa khuất, con người đi qua trong hạnh phúc khổ đau.

Xa rồi, mà như mới hôm qua cách đây tròn 60 năm, ngày 22/12/1944 mẹ Tổ quốc Việt Nam đã có một cuộc sinh nở lạ thường. Những người con sinh ra từ chiều hôm đó tại một khu rừng

thăm thăm Cao Bằng. Đầu đội trời, chân đạp đất. Họ không khóc chào đời mà chào đời bằng những lời thề, những tiếng hô vang động dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh:

- Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam.

- Chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để giải phóng cho toàn dân.

Ồ mới sinh ra trên đời mà đã biết ăn cháo nhạt cùng đồng bào. Mới sinh ra trên đời mà đã biết cầm vũ khí đánh thắng kẻ thù. Những Phay Khắt, Nà Ngần, Đồng Mu còn mãi vì bao nhiêu con người đang sống lầm than. Cuộc sinh nở lạ thường là thế. Những con người, 34 chiến sĩ quân đội nhân dân đầu tiên còn hiển hiện mãi trong truyền thuyết xa xăm.

Tổ quốc thiêng liêng sinh ra họ. Nhân dân yêu thương sinh ra họ. Đảng, Bác Hồ sinh ra họ.

34 con người dù nay người còn người mất. Từ họ, lớp lớp cháu con bộ đội cụ Hồ sinh ra lại trùng trùng đội trời, đạp đất xông lên làm nên Tổ quốc độc lập tự do, nhân dân ấm no hạnh phúc. Bao nhiêu lời trái tim nồng thắm, bao nhiêu khát vọng khối óc chảy bỏng.

Hạnh phúc ta có hôm nay nhớ ngày 22/12/1944 năm ấy. Biết ơn người ta thầm gọi “Nhân sinh”

[Lời bình trong tác phẩm]

2.2.1. Hình tượng người lính trong kịch bản văn học

Kịch bản kịch múa “Nhân sinh” được viết về đề tài chiến tranh cách mạng, lấy hình tượng người lính làm nhân vật trung tâm để thể hiện mọi nội dung, tư tưởng mà tác giả muốn truyền tải đến cho khán giả. Ra đời trong dịp kỉ niệm 60 năm thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, đây là lời tri ân sâu

sắc đến các thế hệ cha anh đã hy sinh thân mình cho độc lập tự do của tổ quốc. Kịch múa “Nhân sinh” đã khắc họa một cách chân thực về hình ảnh của ngày đầu kháng chiến trong hoàn cảnh khó khăn vất vả. Ban đầu chỉ với 34 chiến sĩ với sự đùm bọc yêu mến của đồng bào dân bản các anh đã từng bước giành được những thắng lợi to lớn trước những kẻ thù mạnh hơn chúng ta gấp nhiều lần và đó cũng là tiền đề cho những cuộc chiến thắng mang tính chất quyết định sau này để giành lại chủ quyền dân tộc.

Trong phần I “Ngày sinh”, ở cảnh đầu “Bác Hồ ánh sáng niềm tin” đã thể hiện một không gian trong màn đêm u tối, cuộc đời và số phận của nhân dân đồng bào đang trong cảnh lầm than nô lệ, họ muốn thoát khỏi cuộc sống cùng cực, bùn lầy đó nhưng với màn đêm tăm tối họ không thể tìm được đường đi cũng như tự giải thoát cho mình. Cho đến khi từ cuối chân trời xuất hiện những tia sáng đầu tiên rồi dần dần ánh sáng đó càng rõ ràng hơn. Ở đây ánh sáng không chỉ là của buổi bình minh, mà là ánh sáng của cách mạng, ánh sáng cho một chân lý: “Con người có quyền được sống quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc”. Và chân lý đó đã đi sâu vào trong lòng của mỗi người dân Việt Nam, họ tin vào Bác Hồ, tin vào Đảng, tin vào ngày chiến thắng. Cách mạng sẽ thành công, nhân dân sẽ được sống một cuộc sống tự do hạnh phúc, sẽ không còn chiến tranh, không còn sự mất mát hy sinh, mẹ không mất con, vợ không mất chồng, họ được quyền quyết định cuộc sống cũng như số phận của mình. Đây chính là tư tưởng mang đầy tính nhân văn cao cả cho không chỉ nhân dân Việt Nam, mà còn cho cả loài người trên trái đất.

Cảnh 1 Tụ Hội. Núi rừng chập trùng với cái lạnh mùa đông, nhưng cũng không xua tan được niềm phấn khởi của ngày tụ hội. Từ khắp bốn phương, những tốp du kích với giáo mác cùng súng kíp trong tay tập hợp về đây vui như một ngày hội. Hoà cùng niềm phấn khởi của họ là dân bản nhiều dân tộc cùng kéo tới. Cuộc sống còn rất nhiều lam lũ nhưng ai cũng cố chọn

bộ quần áo còn lành lặn nhất của mình để tới nơi họp mặt. Đặc biệt các cô gái, khăn áo của họ rực rỡ đầy màu sắc hoa văn các dân tộc. Đây là những bộ váy áo các cô đã ân cần may vá, thêu thùa trong nhiều năm chỉ để dành cho ngày vui nhất. Tất cả hình ảnh đó đã thể hiện một cách rõ nét, sâu sắc tinh thần đoàn kết dân tộc trước cảnh nước nhà lâm nguy, đây cũng là truyền thống, là sức mạnh của bốn nghìn năm xây dựng và bảo vệ tổ quốc. Và lịch sử đã chứng minh: Bằng tình yêu dân tộc, với sức mạnh đoàn kết trong nhân dân chúng ta đã chiến đấu, chiến thắng mọi kẻ xâm lược dù chúng là những cường quốc trên thế giới.

Cảnh 2 Ngày sinh: Đây là cảnh múa quan trọng trong toàn bộ nội dung, tư tưởng của tác phẩm. Giờ phút thiêng liêng nhất, giờ phút đó quyết định đến vận mệnh sống còn của dân tộc được thể hiện bằng lời thề:

Chúng tôi đội viên giải phóng quân Việt Nam xin lấy danh dự một người chiến sĩ mà thề dưới lá cờ đỏ sao vàng năm cánh:

Hy sinh tất cả vì Tổ quốc Việt Nam, chiến đấu đến giọt máu cuối cùng để chống quân xâm lược và bọn Việt gian phản quốc, để giải phóng cho toàn dân Việt Nam, làm cho nước Việt Nam trở thành một nước độc lập, dân chủ, tự do ngang hàng với các nước dân chủ trên thế giới.

[Lời bình trong tác phẩm]

Lời thề đó đã khẳng định một tinh thần dũng cảm, một ý chí quyết tâm sắt đá sẵn sàng hy sinh tất cả cho độc lập tự do của dân tộc, tinh thần đó là bản chất, là hình ảnh của người lính trong những tháng năm chiến đấu gian khổ trước quân thù.

Ở phần II cảnh 3, 4, 5 trận “Phay Khắt”, “Nà Ngần”, “Đồng Mu” càng thể hiện rõ hơn về hình tượng người lính trong cuộc chiến đầy cam go ác liệt, giữa sự sống và cái chết. Dù biết rằng ra đi là không hẹn ngày trở lại, các anh

bước vào trận đánh chỉ với một ước nguyện là giải phóng được cho dân tộc, giải phóng được cho đồng bào đang chịu bao nhiêu áp bức bóc lột của cuộc đời nô lệ. Và rồi bản chất của chiến tranh, hiện thực của cuộc chiến là sự hy sinh mất mát, là lớp lớp các chiến sĩ ngã xuống trên mảnh đất quê hương mình. Hình ảnh Xuân Trường chúng đàn, anh lão đảo quỳ xuống hai tay ôm ngực. Đồng đội tất cả quay về phía anh, kẻ đứng người quỳ bất động, thời gian như ngừng lại, tất cả như im lặng. Một tiếng đàn tính cất lên day dứt, xót thương, một giọng thứ hai an ủi, sâu nặng hoà cùng. Đây là đôi người nói lời yêu thương lần cuối. “Vĩnh biệt Xuân Trường, người liệt sĩ đầu tiên trở về yên nghỉ trong lòng đất mẹ”. Chúng tôi những người đồng chí, đồng đội của anh sẽ tiếp tục hành quân trên con đường thế kỷ đầy hy sinh, gian khổ để thực hiện trọn vẹn lời thề linh thiêng dưới bóng đa Tân Trào lịch sử.

Ở đây hình tượng về người lính đã trở thành biểu tượng cho một dân tộc vững chí bền gan, anh hùng bất khuất. Họ sống bằng lý tưởng, bằng tình yêu và cũng sẵn sàng chết vì lý tưởng tình yêu đó. Họ có thể hy sinh nhưng họ sẽ không bao giờ chết trong lòng dân tộc, Tổ quốc ghi công họ, nhân dân không quên họ, các anh đã trở thành những trang sử vẻ vang cho sự nghiệp bảo vệ đất nước, bảo vệ tự do cho đồng bào. Và rồi cách mạng cũng nối tiếp những thành công như một tất yếu của sự đấu tranh kiên cường không mệt mỏi của lớp lớp các thế hệ tuổi 20. Để có hoà bình hôm nay chúng ta không thể quên ngày 22 tháng 12 năm ấy. Tác phẩm không chỉ là những giá trị lịch sử, giá trị về truyền thống yêu nước, mà còn là những bài học về nhân cách, về đạo đức và phẩm chất cho thế hệ hôm nay và mai sau.

2.2.2. Hình tượng người lính trong hành động nhân vật và ngôn ngữ múa.

Nói đến hình tượng người lính trong tác phẩm kịch múa là nói đến con người được miêu tả bằng các phương tiện ngôn ngữ múa. Thông qua việc sáng tạo, tác giả biên đạo thể hiện nhận thức suy nghĩ của mình về cuộc chiến

tranh bảo vệ Tổ quốc trong thời kỳ chống Pháp và chống Mỹ. Đội ngũ tác giả đã xây dựng hình tượng người lính bằng nhiều cách như miêu tả ngoại hình, nội tâm, ngôn ngữ múa, tính hành động, thái độ... từ đó đã tạo ra hình tượng người lính một cách phong phú đa dạng. Bên cạnh đó việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật khác nhau cũng đã tái hiện hình tượng người lính một cách chân thực, sinh động, gần gũi và cũng góp phần làm nên phong cách tác giả.

Tác giả biên đạo đã sử dụng thủ pháp mang tính ước lệ để xây dựng ngôn ngữ múa dân gian dân tộc kết hợp với múa hiện đại. Hình ảnh trong ngày tụ hội, từng đoàn, từng tốp nhân dân các dân tộc đã xuất hiện với những tổ hợp động tác múa đặc trưng của mình. Ngôn ngữ múa đa dạng, đa sắc màu đã tạo nên một không khí vui tươi, rộn ràng trong ngày hội lớn, ba chàng trai dân tộc Tày đã sử dụng những kỹ thuật quay, nhảy của múa CĐCÁ kết hợp với những tổ hợp luật động của võ thuật để tạo nên những đoạn múa điêu luyện, uyển chuyển, nhưng đầy mạnh mẽ khỏe khoắn. Các tổ hợp múa linh hoạt, khi phức điệu, khi đồng điệu đã làm cho cả sân khấu hùng hực tinh thần thượng võ. Biên đạo đã dùng những thủ pháp nghệ thuật sân khấu ẩn dụ gần - xa, tính ước lệ không gian, thời gian để liên kết những bối cảnh khác nhau tạo thành sự liên hoàn của cảnh múa trong một kết cấu múa chặt chẽ, liền mạch với một tư duy gợi mở cho người xem. Sự liên kết đã hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng và hình thành ngôn ngữ múa trong tác phẩm.

Trong nhiều cảnh múa, những yếu tố sinh hoạt đời thường cũng được tác giả khai thác một cách khéo léo để trở thành những đoạn múa hay, mộc mạc gần gũi với các thế hệ khán giả Việt Nam. Ví dụ như ở chương hai cảnh đồng bào nhân dân cùng anh em trong đội vác chiếc chảo lớn chắt củi để nhóm lên ngọn lửa đoàn kết. Hình ảnh vừa vui tươi, vừa mộc mạc nhưng lại chứa đựng một nội dung, một triết lý sâu xa. Ngọn lửa ở đây không chỉ đơn

thuần là nấu cháo cho bộ đội, mà nó là ngọn lửa của tinh thần dân tộc, là ngọn lửa cách mạng được đồng bào nhân dân hun đúc nuôi dưỡng.

Trong tác phẩm cũng sử dụng nhiều hình thức múa như múa một người, hai người, múa ba người và múa đông người. Tùy vào nội dung yêu cầu của mỗi phân cảnh mà tác giả khéo léo đưa vào từng hình thức cụ thể nhằm thể hiện rõ nét nhất những tính cách, hay những đoạn độc thoại thể hiện nội tâm của nhân vật. Ví dụ hình ảnh bé Hồng xuất hiện trong cảnh hai “Lời thề” đoạn múa sôlô này biên đạo đã sử dụng ngôn ngữ múa CĐCÁ kết hợp với múa dân gian dân tộc để tạo ra ngôn ngữ mới là ngôn ngữ múa hiện đại. Với các kỹ thuật kỹ xảo như quay, nhảy trên không, các động tác liên tục nối tiếp nhau một cách linh hoạt, nhịp nhàng đã thể hiện rõ được tính cách của nhân vật là một cậu bé liên lạc, trẻ chung, với tâm hồn trong sáng. Trước hiểm nguy của kẻ thù nhưng cậu vẫn dũng cảm nhận những nhiệm vụ vô cùng khó khăn một cách hồn nhiên, nhưng đầy trách nhiệm. Ngoài thể hiện tính cách nhân vật thì đoạn múa đã phô diễn được tài năng của diễn viên trước khán giả. Như vậy việc sử dụng nhiều hình thức múa khác nhau cũng làm tăng giá trị thẩm mỹ cũng như nội dung tác phẩm.

Ở cảnh năm trận đánh “Đồng mu” mở đầu bằng một đoạn múa tập thể mô tả cho hình ảnh chiến đấu của đội tuyên truyền giải phóng quân. Khi thì tác giả sử dụng những tổ hợp đồng đều mạnh mẽ, khi thì sử dụng từng tốp, tầng tầng lớp lớp để tạo nên khí thế hùng hực của các chiến sĩ khi lao vào trận đánh. Trong cách sắp đặt hình tượng đông người bao giờ cũng có một nhân vật hay một nhóm nhân vật là trung tâm, mà ở đây nhân vật đó là chiến sĩ Xuân Trường. Đây là người mà qua họ tác giả muốn thể hiện nội dung chính của sự kiện, những nhân vật khác phụ họa làm nổi bật lên hành động của nhân vật trung tâm. Để từ đó sự hy sinh của Xuân Trường đã trở thành một biểu tượng cho lòng dũng cảm, ý chí sẵn sàng hy sinh thân mình cho lý tưởng giải

phóng dân tộc. Sau khi Xuân Trường hy sinh dòng chảy của tác phẩm được chuyển sang đoạn múa hai người, có lẽ đây là một điểm nhấn lớn trong toàn bộ vở diễn, nó đạt đến đỉnh cao về mặt nội tâm cũng như thẩm mỹ. Trên sân khấu chỉ còn hai nhân vật là Xuân Trường và cô gái, một luồng sáng trắng chiếu thẳng vào hai nhân vật, kết hợp cùng máy khói tạo một cảm giác lạnh lẽo, con người như rời khỏi trần gian để đi vào một cõi hư vô cực lạc. Tuy đoạn múa có hai người nhưng trên thực tế tác giả chỉ sử dụng ngôn ngữ múa CĐCÁ kết hợp với ngôn ngữ của nội tâm để thể hiện sự đau đớn xót xa đến tột cùng của cô gái trước sự hy sinh của người mình yêu. Âm thanh dừng lại, những động tác múa chậm tạo nên những tạo hình đẹp mắt nhưng vô cùng biểu cảm.

Trong vở kịch múa “Nhân sinh” tác giả đã sử dụng nhiều thể loại, hình thức múa khác nhau để tạo sự đa dạng về ngôn ngữ nhưng rất mộc mạc, gần gũi với khán giả. Tính cách của từng nhân vật được bộc lộ rõ nhưng không chùng lặt với nhau, kể cả những nhân vật phản diện như Simônô, qua các đoạn múa đã thể hiện sự ngạo nghễ, ngênh ngang của kẻ đi xâm lược, bộc lộ bản chất độc ác và bỉ ổi của một tên đồn trưởng Pháp.

Tác phẩm sáng tác về người lính với ngôn ngữ mang tính ước lệ, nhưng người ta thấy rõ hình tượng, tinh thần của người lính thông qua các tổ hợp động tác mạnh mẽ khỏe khoắn và dứt khoát, đối lập với những tổ hợp động tác của các cô gái hậu phương rất trữ tình, đầm thắm tạo nên sự tương phản lôi cuốn người xem.

Như bất cứ loại hình nghệ thuật nào, diễn viên luôn là trung tâm của sân khấu. Chỉ có thông qua nghệ thuật diễn xuất của diễn viên tác giả mới truyền đạt cho khán giả nội dung tư tưởng của tác phẩm, mới có thể hoàn thành được nhiệm vụ tác động vào hiện thực xã hội của mình.

Kịch múa “Nhân sinh” cũng không nằm ngoài quy luật đó, là một tác phẩm viết về đề tài chiến tranh cách mạng với những nhân vật lịch sử cụ thể, đặc biệt là những nhân vật anh hùng của dân tộc thì việc tuyển chọn những vai chính với khả năng diễn xuất tốt là điều vô cùng quan trọng và khó khăn. Ví dụ như hình ảnh Bác Hồ một vị lãnh tụ của dân tộc. Hình ảnh đó thông qua tư liệu, các tác phẩm văn học nghệ thuật đã đi sâu vào tâm chí của đồng bào dân tộc cả nước. Vì vậy khi tuyển chọn diễn viên cần rất nhiều tiêu chí cả về mặt ngoại hình, tính cách, nội tâm và đặc biệt quan trọng là khả năng diễn xuất. Vai diễn Hồ Chí Minh đã rất thành công trong tác phẩm, mặc dù ngôn ngữ múa thể hiện mang tính ước lệ, nhưng với lối diễn xuất đơn giản, dễ hiểu đã tạo cho người xem cảm nhận được diễn biến nội tâm của Người khi trở về đất nước sau bao năm bôn ba. Một tình yêu đất nước lớn lao, một tâm lòng sót xa trước cảnh đồng bào bị áp bức, bóc lột, nỗi đau nối tiếp nỗi đau để trở thành vũ khí là ý chí chiến đấu kiên cường, là sự hy sinh vô bờ bến và vũ khí đó được phát triển mạnh mẽ trong mọi thế hệ nhân dân Việt Nam.

Trong cảnh ba “Trận Phay Khắt” xuất hiện tên đồn trưởng Pháp Simônô. Ở đây hình ảnh ta thấy thông qua diễn xuất của diễn viên là một tên sĩ quan Pháp đầy ngạo nghễ, hãnh vô cùng gian manh độc ác, với một loạt các tổ hợp động tác, lối diễn xuất khôn khéo đã lột tả được bản chất xấu xa đê hèn của những kẻ thực dân cướp nước. Việc xây dựng hai luồng nhân vật đã tạo nên những mâu thuẫn đối kháng nối tiếp nhau đưa vở diễn đến với những xung đột, kịch tính tạo nên sự hấp dẫn cao trào lôi cuốn người xem.

Ngoài nhân vật chính thì khả năng diễn xuất của những vai quần chúng cũng vô cùng quan trọng, nó cùng làm sáng rõ chủ đề tư tưởng của vở diễn theo ý đồ tác giả đạo diễn. Trong kịch múa “Nhân sinh”, ở cảnh tụ hội với các đoàn người già trẻ, trai gái các dân tộc với trang phục sắc sỡ cùng nô lúc đổ về sân khấu, đã tái hiện lại hình ảnh lịch sử của ngày 22/12/1944 một cách

sinh động, nhiều màu sắc. Bên cạnh vai trò của những nhân vật phụ thì nó còn làm nổi bật hơn nội dung tư tưởng của những nhân vật chính. Thông qua diễn xuất của nhân vật phụ, người xem thấy được hình ảnh những người lính khỏe mạnh, dũng cảm ngày đêm chiến đấu ngoan cường, quyết tử vì tổ quốc Việt Nam.

2.2.3. Hình tượng người lính trong sự biểu cảm của âm nhạc

Âm nhạc trong kịch múa “Nhân sinh” có sự kết hợp đa dạng của nhiều loại hình như âm nhạc giao hưởng thính phòng, âm nhạc dân gian dân tộc kết hợp với cách hòa âm phối khí theo phong cách hiện đại. Ở màn mở đầu âm nhạc sử dụng hoàn toàn bằng dàn nhạc giao hưởng ở bè chậm, kết hợp với những câu ô can của cả giọng nam và nữ tạo nên một hình tượng đất nước bị nô lệ lầm than, nhân dân bị cảnh áp bức bóc lột, mỗi một câu ô can như một lời ai oán khóc than tạo điều kiện cho những tạo hình, động tác múa phát huy được tối đa nội dung tư tưởng mà tác giả biên đạo muốn truyền đạt. Khi hình ảnh Bác Hồ xuất hiện âm thanh trở nên trong sáng, kết hợp với ánh sáng từ cuối chân trời tạo một cảm giác màn đêm u tối bị đẩy lùi, thay vào đó là “vùng trời đông ánh hồng tươi sáng bừng lên”, nhân dân đã có Đảng, có Bác, có ánh sáng của con đường giải phóng dân tộc, giải phóng cho những con người đang trong màn đêm u tối của cuộc đời nô lệ.

Điểm nổi bật của âm nhạc trong tác phẩm là ở cảnh một “Hội tụ”. Đó là sự kết hợp khéo léo giữa âm nhạc giao hưởng và dân gian dân tộc. Với nền nhạc của cổ điển thính phòng hoà trộn cùng những giai điệu dẻo dặt lúc chậm, lúc bổng của tiếng sáo mông, tạo nên một thể loại âm nhạc mới đó là âm nhạc dân gian đương đại. Nổi tiếp là những âm thanh mộc mạc vui tươi trong sáng của những cây đàn tính đã tạo cảm hứng cho biên đạo và diễn viên thể hiện những tốp múa, tổ hợp múa một cách uyển chuyển đẹp mắt đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của khán giả.

Một hình thức xử lý âm nhạc đã tạo được điểm nhấn quan trọng nữa ở cảnh bốn là khi Xuân Trường hy sinh. Âm nhạc đang dồn dập với tiếng bom đạn dày xéo, lớp lớp các chiến sĩ nối tiếp nhau xông vào trận đánh, bỗng có một tiếng nổ lạnh lùng vang lên Xuân Trường chúng đạn. Cả sân khấu im lặng, trong giây phút đó cả không gian và thời gian như dừng lại trước sự hy sinh lớn lao đó. Vì nhiệm vụ chiến đấu các đồng đội của anh tiếp tục tiến lên, trên sân khấu lúc này chỉ còn anh với sự xuất hiện của cô gái, ở đoạn này tác giả và đạo diễn đã dùng thủ pháp mang tính ước lệ một cách khéo léo. Âm thanh dừng lại nhưng âm nhạc không tắt, trong giây phút yên lặng đó thì âm nhạc chính là nhịp đập trong trái tim của khán giả đồng cảm với số phận với sự mất mát hy sinh to lớn của cô gái. Các luật động, tạo hình được thể hiện ở tốc độ chậm, nhưng bên trong nội tâm của cô gái thì dằng xé, đau xót mà có lẽ không có ngôn từ nào có thể diễn tả được.

Trong tác phẩm, âm nhạc cùng với ngôn ngữ múa luôn hỗ trợ qua lại với nhau nhằm xây dựng lên hình tượng người lính một cách rõ nét nhất. Ví dụ như hình tượng về người lính thì âm nhạc phải mạnh mẽ hào hùng, thể hiện được sự khỏe khoắn anh dũng trước quân thù. Hay các cô gái nơi quê nhà trồng dâu, nuôi tằm, dệt vải, họ chịu thương chịu khó thì âm nhạc phải vui tươi trẻ trung linh hoạt.

Nhìn chung việc khai thác tính đa dạng của âm nhạc hiện đại đã được chú trọng sử dụng ở hầu hết các phân cảnh múa. Trong suốt chiều dài vở diễn, ngoài kỹ thuật múa điêu luyện của người nghệ sĩ, người xem còn được thưởng thức kỹ thuật hoà âm phối khí hoàn hảo của các loại nhạc cụ truyền thống, hiện đại viết trên nền nhạc giao hưởng. Âm nhạc sử dụng trong tổ hợp múa được thực hiện lúc căng lên, lúc chùng xuống, lúc dồn dập, hoặc chậm lại tạo nên những sắc thái biểu diễn khoáng đạt và hư ảo trong cảnh múa. Cùng với thủ pháp xây dựng tổ hợp múa, mang tính (dòng chảy liên tục), tác giả biên

đạo còn sử dụng âm nhạc để lấp đầy khoảng trống giữa các giai điệu múa, tạo nên hiệu ứng âm hưởng đa dạng, độc đáo, gây ấn tượng mạnh mẽ cho người xem.

2.2.4. Hình tượng người lính trong mối quan hệ với các thành tố nghệ thuật.

Ánh sáng là một trong những thành tố quan trọng để làm nên thành công của vở diễn. Kịch múa “Nhân sinh” dùng những màu sắc cơ bản như xanh, đỏ, vàng, trắng, tím... của các loại đèn trên sân khấu. Những giá trị nghệ thuật của thiết kế ánh sáng là sự pha trộn màu sắc, những mảng tối sáng, lúc thì đặc tả từng hành động tạo hình của nhân vật, khi thì làm mờ đi tạo một cảm giác mịt mù, xa xăm. Trong những cảnh chiến đấu với kẻ thù, kết hợp với âm thanh dồn dập, tiếng bom đạn cày xéo thì ánh sáng đã phát huy được tối đa tác dụng khi sử dụng các loại đèn chớp, đèn màu. Cả sân khấu như đang cháy rực, cộng với hiệu ứng phun khói làm cho không chỉ là cảm nhận thị giác, mà tư duy của khán giả được trở về không gian và thời gian diễn ra cuộc chiến đó, vì vậy đã tạo điều kiện cho diễn viên phát huy hết khả năng diễn xuất của mình, diễn viên có cơ hội được sống chọn vẹn cuộc sống của nhân vật. Hoặc những cảnh bộ đội băng rừng vượt suối trong đêm tối, cả sân khấu chỉ còn một luồng sáng mờ mờ ảo ảo từ cánh gà rơi vào, theo một tuyến đội hình nhất định, nhưng đủ để thấy rõ sự vất vả nguy hiểm của những chiến sĩ cách mạng không chỉ với quân thù mà còn đối với rắn rết, thú giữ có thể cướp đi sinh mạng họ bất cứ lúc nào. Ở hình ảnh hy sinh của chiến sĩ Xuân Trường, khi cô gái xuất hiện cả sân khấu tối đen chỉ còn một luồng sáng trắng từ trên trần rơi xuống đặc tả hai nhân vật. Cô gái trong sự đau đớn tột cùng khi mất đi người yêu, âm thanh dừng lại với làn khói nhẹ tạo một cảm giác lạnh lẽo, một sự chia ly giữa hai thế giới mà bất cứ ai xem cũng có một cảm giác ớn lạnh, xót thương cho số phận của họ. Xuyên suốt chiều dài của tác phẩm, kỹ thuật ánh sáng hiện đại đã tạo những bút phá trong cảnh múa, giúp người xem cảm nhận được những diễn biến tâm lý của từng nhân vật, cũng

như biến cố sự kiện lịch sử. Có thể nói kỹ thuật ánh sáng đã phát huy được tính chủ đạo trong việc nâng cao hiệu ứng nghệ thuật cho cảnh múa.

Trang phục của các tập chàng trai, cô gái được thiết kế theo truyền thống của từng dân tộc, nhưng được cách điệu hoá bằng màu sắc, những họa tiết tinh tế để tăng thêm tính thẩm mỹ trên sân khấu. Đối với các nhân vật mang tính lịch sử thì trang phục của họ phải phù hợp với giai đoạn lịch sử đó, để khán giả dễ dàng nhận biết các nhân vật cũng như từng thời điểm của sự kiện. Nhìn chung, thiết kế phục trang diễn viên vẫn giữ được những nét cơ bản, truyền thống dân tộc, phản ánh trung thực đời sống chiến đấu của một giai đoạn lịch sử của đất nước.

Đạo cụ trong tác phẩm được tác giả biên đạo sử dụng là những thứ rất gần gũi, mộc mạc mà nó luôn gắn liền với đời sống của đồng bào dân tộc. Từ những ống bương dài đựng nước của các cô gái dân bản, hay những con dao đi rừng của các chàng trai. Những tấm áo được may bằng niềm tin, sự nhớ nhung mong chờ của người vợ, người mẹ nơi quê nhà, hơn nữa nó còn là sự gửi gắm yêu thương của cả đồng bào dân tộc, những người đang chịu cảnh nô lệ lầm than, họ luôn hướng theo các anh và hy vọng về ngày chiến thắng.

Sân khấu kịch múa “Nhân sinh” được thiết kế khá đơn giản với cảnh tượng núi rừng Đông bắc làm chủ đạo. Với các tấm panô được vẽ hình đồi núi nối tiếp nhau, có cầu thang đằng sau để diễn viên có thể đi qua những quả núi đó tạo cảm giác hàng đoàn quân chèo đèo, lội suối tiến về phía trước để giải phóng dân tộc. Ở phía sau phông hậu cũng được thay đổi theo nội dung của từng cảnh, từng chương đã tạo được một không gian hiện thực giúp cho khán giả dễ hiểu, dễ hình dung về các sự kiện, cũng như thời gian xảy ra của nó. Ngoài ra còn có một số hệ thống dây rừng, được thiết kế trên nóc sân khấu, khi đến những cảnh chiến đấu, những trận đánh du kích sẽ được hạ xuống,

điều đó làm cho toàn bộ sân khấu thật hơn, thâm mỹ hơn, tạo điều kiện cho diễn viên có thêm đạo cụ để thể hiện rõ nội dung mà mình đang diễn tả.

Ví dụ như những cảnh vượt rừng của bộ đội, cùng với những sợi dây các đồng chí giúp đỡ nhau, hỗ trợ nhau vượt qua những khó khăn nơi hiểm trở nhất, từ đó đã tạo ra rất nhiều tạo hình đẹp mắt, hiệu quả về mặt nội dung, phù hợp với thâm mỹ của khán giả.

Nhìn chung trong vở kịch múa Nhân sinh đã được kết hợp với các thành tố nghệ thuật khác như âm thanh, ánh sáng, trang phục đạo cụ sân khấu... đây là những yếu tố quan trọng góp phần tôn vinh hình tượng người lính trong tác phẩm. Đặc biệt là hình tượng người lính gắn liền với không gian nhiều màu sắc của chiến tranh.

2.2.5. Hình tượng người lính qua các giá trị nội dung và nghệ thuật của tác phẩm.

** Giá trị nội dung tư tưởng*

Kịch múa “Nhân sinh” được sáng tác và dàn dựng để kỷ niệm ngày thành lập quân đội nhân dân Việt Nam tròn 60 năm (22/12/1944 - 22/12/2004). Trước hết đây là lời tri ân với các thế hệ cha ông đã hy sinh xương máu cho độc lập dân tộc, họ đã ngã xuống nhưng tổ quốc không quên họ, các thế hệ nhân dân Việt Nam không quên họ. Trong lịch sử xây dựng và bảo vệ tổ quốc thì hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ là một mốc son chói lọi cho lòng yêu nước nồng nàn. Lóp lóp các thế hệ ra đi mà phía trước là sự gian nan vất vả, là sự mong manh giữa sống và chết, nhưng các anh đã chiến thắng tất cả chỉ bằng ước mơ cháy bỏng là giải phóng được dân tộc, giải phóng được đồng bào đang chịu cảnh nô lệ. “Tất cả con người trên thế giới đều có quyền được sống và quyền tự do”, nhưng những kẻ xâm chiếm, đô hộ đã cướp đi quyền đó. Mặc dù phải đối mặt với kẻ thù lớn mạnh hơn chúng ta gấp nhiều lần, nhưng bằng tình yêu dân tộc, ý chí tự cường, tinh

thần đoàn kết chúng ta đã từng bước đánh bại tất cả để bảo vệ giang sơn đất nước, giải phóng cho nhân dân thoát khỏi cảnh lầm than áp bức.

Tác phẩm đã ca ngợi những phẩm chất cao đẹp của nhân dân Việt Nam, một tinh thần đoàn kết trước quân thù với ý chí tự cường của dân tộc. Chúng ta kháng chiến bắt đầu bằng tình yêu đất nước, với vũ khí thô sơ, trang bị nghèo nàn, quân số ban đầu chỉ có 34 đồng chí mà đã giành thắng lợi từ những ngày khai sinh. Để có được những chiến thắng đó không gì khác bằng lòng dũng cảm, ý chí chiến đấu kiên cường, không sợ gian nan vất vả, sẵn sàng hy sinh thân mình cho tổ quốc của anh bộ đội Cụ Hồ. Ngoài ra một yếu tố lớn mang tính chất quyết định đến chiến thắng là lòng dân, cuộc cách mạng là của nhân dân Việt Nam trước vận mệnh của đất nước. Sự đùm bọc, giúp đỡ cả về vật chất cũng như tinh thần đã là động lực mạnh mẽ để các chiến sĩ luôn vững tin tiến lên trên con đường giải phóng dân tộc.

Đặc biệt tác giả và biên đạo còn chú trọng đề cao đến những phẩm chất cao đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ, những mối quan hệ của người lính với Tổ quốc, với quê hương gia đình, giữa đồng đội và tình yêu đôi lứa, sự hy sinh vì độc lập tự do của đất nước...

Đây còn là những bài học về nhân cách, về lý tưởng sống, tình yêu dân tộc, ý chí quyết tâm, sự dũng cảm của người lính đối với thế hệ tuổi trẻ hôm nay và mai sau.

** Giá trị nghệ thuật của tác phẩm*

Hình tượng anh bộ đội cụ Hồ, họ xuất thân từ những người nông dân mặc áo lính mang trong mình lý tưởng cao đẹp, vì sự sống còn của Tổ quốc họ tạm biệt làng bản, để lại quê nhà người mẹ già, người vợ trẻ một nắng hai sương cày sâu quốc bẫm để lên đường đi chiến đấu. Các anh sẵn sàng ra đi với một quyết tâm lớn lao, là sẵn sàng hy sinh riêng mình vì lý tưởng cao đẹp, đó là lý tưởng giải phóng đất nước, giải phóng quê hương, giải phóng chính

cuộc đời mình khỏi lâm than nô lệ. Các anh là người có ý chí nghị lực phi thường, vượt lên trên mọi gian khổ, khó khăn trong cuộc chiến đấu. Kháng chiến bắt đầu từ những ngày gian nan vất vả, từ những củ khoai, củ sắn của người dân bản, vũ khí trang bị thiếu thốn, họ phải tận dụng cả những vật dụng đi rừng, làm rẫy như dao quắm, kiếm, giáo mác... làm vũ khí chiến đấu tiêu diệt kẻ thù.

Nhân vật Hồ Chí Minh: Người là vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc, là ngôi sao sáng dẫn đường cho sự nghiệp giải phóng của các nước thuộc địa. Người vĩ đại nhưng rất giản dị và gần gũi với nhân dân, Người hiện lên như một viên ngọc sáng lung linh về nhân cách, một người cộng sản mẫu mực về đạo đức, giản dị trong cách sống. Bằng những ngôn ngữ múa đơn giản, mộc mạc mang tính ước lệ cao trong vở kịch múa tác giả đã thể hiện một cách rõ nét các tính cách, tư tưởng tình cảm của nhân vật. Một người lãnh tụ sát xa trước cảnh nhân dân bị nô lệ lầm than, một dân tộc đang bị áp bức bóc lột, thì “không có gì quý hơn độc lập tự do”. Người sẵn sàng hy sinh tất cả bản thân để thực hiện thành công chân lý đó.

Nhân vật Anh Văn: (Võ Nguyên Giáp) là một người anh cả của QĐND Việt Nam, người lãnh đạo đầu tiên cho lực lượng vũ trang đã đánh thắng thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và chiến tranh biên giới. Với những tổ hợp động tác dứt khoát và lối diễn xuất linh hoạt khắc họa hình ảnh một vị chỉ huy thông minh lỗi lạc, rất mưu trí dũng cảm trước quân thù. Nhưng lại nhân hậu gần gũi với nhân dân. Một hình ảnh đã đi sâu vào trong lòng hàng triệu người dân Việt Nam.

Nhân vật Xuân Trường: Một người lính sinh ra từ những người nông dân lam lũ, nhưng trong anh chứa đựng một tình yêu nước cháy bỏng. Dù phải hy sinh tính mạng của mình, nhưng ý chí của anh, lòng dũng cảm của anh không bao giờ khuất phục trước kẻ thù hung bạo. Sự ra đi của anh đã trở

thành hình tượng cho sự gan dạ quật cường của một dân tộc đang chiến đấu vì độc lập tự do. Và hình tượng đó đã trở thành lý tưởng cho lớp lớp các thế hệ nhân dân Việt Nam tiếp tục lên đường theo tiếng gọi nước non.

Nhân vật cô gái: Là đại diện cho những thế hệ phụ nữ Việt Nam, là hậu phương vững chắc cho tiền tuyến xông lên đánh giặc. Các đoạn múa lao động hăng say, những tấm áo được may bằng lòng tin vào ngày chiến thắng cũng như sự đoàn tụ nơi quê nhà đã khắc họa được lòng chung thủy, sự hy sinh to lớn cho độc lập dân tộc, không có nỗi đau nào bằng nỗi đau mất chồng, mất con, tuổi xuân của họ là những ngày tháng đợi chờ mong nhớ. Thông qua những nỗi đau đó đã thể hiện hình ảnh một phụ nữ Việt Nam mạnh mẽ, kiên cường, chịu thương chịu khó sẵn sàng dâng hiến những thứ quý giá nhất cho đất nước cho đồng bào.

Nhân vật tên sĩ quan Simônô và tên đồn trưởng Pháp là hai nhân vật phản diện. Bằng những động tác múa thể hiện sự ngạo nghễ, ác ôn biên đạo và diễn viên đã bộc lộ rõ bản chất sâu xa của thực dân Pháp, chúng bóc lột, đàn áp nhân dân ta một cách giã man. Để đạt được những tham vọng của mình chúng không từ bất cứ một thủ đoạn nào kể cả giết hại những người dân vô tội.

Ngoài nhiệm vụ xây dựng hình tượng các nhân vật chính được chú trọng thì việc xây dựng các nhân vật phụ cũng được các tác giả rất quan tâm. Chính các nhân vật phụ sẽ tạo nên những không gian sân khấu khác nhau, nhằm làm nổi bật hơn, tạo điều kiện cho các nhân vật chính thể hiện những nội dung tư tưởng tình cảm của mình. Các nhân vật phụ cũng thể hiện một tinh thần đoàn kết dân tộc, sự gắn kết đùm bọc giữa quân dân, làm cho sân khấu trở nên đa dạng nhiều màu sắc.

Ở chương 2 hình ảnh người chiến sĩ của ta chiến đấu trực tiếp với quân thù, trước sự sống và cái chết, phẩm chất của người lính càng ngời sáng hơn,

dũng cảm và mưu trí hơn tạo một vẻ đẹp về hình tượng bất khuất cho tinh yêu dân tộc, yêu quê hương đất nước.

Việc xây dựng hình tượng người lính được tác giả đạo diễn đặc biệt quan tâm, lấy người lính làm trung tâm của vở diễn và thông qua đó để thể hiện tất cả nội dung tư tưởng mà tác giả muốn chuyển tải. Hình tượng người lính nổi lên trong không gian sân khấu biểu diễn là sự phối hợp giữa các thành tố nghệ thuật khác như âm thanh, ánh sáng, trang phục đạo cụ... đây cũng là những yếu tố quan trọng góp phần tôn vinh giá trị nghệ thuật, đó là không gian sân khấu biểu diễn.

Phải nói rằng trong kịch múa hiện đại không thể thiếu sự cộng hưởng của các thành tố nghệ thuật, nó tác động qua lại bổ trợ và nâng cao giá trị nghệ thuật của tác phẩm, đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của khán giả trong một xã hội mới.

2. 3. Một số vấn đề cần trao đổi qua hai vở kịch múa “Đất nước” và “Nhân sinh”

2.3.1. Hình tượng người lính qua tính xung đột trong hai tác phẩm.

Kịch múa là một vở diễn mang đậm yếu tố tính kịch. Với đặc trưng ngôn ngữ biểu đạt đó là lấy ngôn ngữ cơ thể để thể hiện nội dung tư tưởng của tác phẩm, phản ánh hiện thực đời sống. Đây là một thể loại thuận lợi trong việc phản ánh hiện thực chiến tranh cách mạng. Thể loại này rất phù hợp trong việc xây dựng hình tượng người lính xét từ góc độ nghệ thuật sáng tác và biểu diễn.

Một trong những đặc điểm quan trọng trong thể loại kịch múa là tính xung đột. Có câu nói “xung đột là động cơ đột trong của sự phát triển nội dung - đời sống nội tâm, ngoại hình, hoàn cảnh, tình cảm...” đó là điều kiện để sáng tạo ngôn ngữ hành động múa. Xét cả hai vở kịch múa đều thể hiện được tính xung đột khá quyết liệt. Xung đột giữa kẻ xâm lược và người bị xâm lược, giữa kẻ thống trị với kẻ bị trị. Trong hai vở kịch múa “Nhân sinh”

và “Đất nước” có những điểm chung như đều nói về cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mỹ của dân tộc ta, nói về sự hy sinh, sự gian nan vất vả trong chiến đấu của anh bộ đội Cụ Hồ. Nhưng bằng các thủ pháp nghệ thuật khác nhau, mỗi tác giả, tác phẩm đều có những cách thể hiện riêng biệt tạo nên sự mới lạ, hấp dẫn đến người xem.

Trong vở kịch múa “Nhân sinh” tác giả biên đạo xây dựng hai tuyến nhân vật một cách cụ thể. Một bên là những nhân vật chính diện - đại diện cho một dân tộc đang đứng lên chiến đấu để giành độc lập, giải phóng cho hàng triệu đồng bào đang chịu cảnh nô lệ lầm than, ví dụ như nhân vật anh bộ đội Cụ Hồ, nhân vật già bản, bé Hồng, dân làng, người vợ, người mẹ nơi quê nhà... Còn một bên là những nhân vật phản diện, đại diện cho chế độ thực dân Pháp. Tác giả đã phát triển hai luồng nhân vật song song với những mâu thuẫn nối tiếp nhau ngày càng gay gắt để dẫn đến bùng nổ những xung đột không thể hoà hoãn. Ví dụ trong cảnh 3, hình ảnh tên Simônô hành hạ, tra tấn các cô gái được lột tả một cách chân thực, hay cảnh đấu tranh giữa nhân dân và quân đội Pháp...

Đối với vở kịch múa “Đất nước” tác giả và đạo diễn PGS. TS, NSND. Ứng Duy Thịnh thì lại sử dụng những thủ pháp nghệ thuật khác. Cùng là những xung đột đó nhưng tác giả lại không đi vào xây dựng hai tuyến nhân vật đối kháng một cách trực tiếp mà chú trọng vào khai thác xây dựng một tuyến nhân vật chính diện như nhân vật chàng trai, (người cha - chiến sĩ Điện Biên), cô gái (người mẹ, người vợ chiến sĩ Điện Biên), người thanh niên (người con của chiến sĩ Điện Biên), cô gái (thanh niên xung phong). Thông qua tuyến nhân vật bằng hành động và ngôn ngữ múa tác giả đã dàn dựng những cảnh múa chiến đấu chống lại kẻ thù xâm lược, để từ đó gián tiếp khắc hoạ lên những nhân vật phản diện. Đây chính là cái tài của tác giả và đạo diễn đã biết khai thác, yếu tố đồng sáng tạo một cách khéo léo tài tình. Từ ý đồ của

biên đạo thông qua khả năng diễn xuất của diễn viên cho đến tư duy tưởng tượng của khán giả đã kết hợp, cộng hưởng tạo nên một hình ảnh của kẻ thù cũng đầy sinh động, chân thực trong con mắt của những người xem.

Từ hành động của các tuyến nhân vật đã đưa hai vở kịch múa đến với những mâu thuẫn xung đột khác nhau, tạo nên kịch tính, hấp dẫn người xem. Những tình huống đó tạo điều kiện cho ngôn ngữ múa hình thành phù hợp với nội dung của vở kịch múa. Mỗi một tác giả tác phẩm đều có những thủ pháp nghệ thuật riêng của mình nhưng đến cuối cùng đều nhằm một mục đích thể hiện những nội dung, tư tưởng mà tác giả muốn phản ánh.

Cùng khai thác về đề tài chiến tranh, tái hiện chiến tranh qua một lăng kính nhân văn sâu sắc, hai vở kịch múa “Nhân sinh” - “Đất nước” của tập thể biên đạo múa khóa 9 và PGS.TS. NSND. Ứng Duy Thịnh đã cho người xem thấu hiểu được phần lớn về chiến tranh cách mạng Việt Nam và hơn hết là những thông điệp chuyên tải giá trị của những khái niệm “chiến tranh” và “hòa bình” mà trách nhiệm của thế hệ chúng ta đang sống phải tôn trọng và bảo vệ.

Để có thể cảm nhận và dễ dàng chia sẻ thông qua ngôn ngữ múa có tính nghệ thuật cao cần lựa chọn một đề tài gần gũi với mọi tầng lớp nhân dân. Và sự thành công của hai vở kịch múa đã khẳng định được sự đúng đắn khi lựa chọn đề tài chiến tranh, một lần nữa làm sống lại lịch sử một cách chân thực có tác dụng giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống với những truyền thống các thế hệ đi trước đã trải nghiệm, hy sinh và sáng tạo ra.

2.3.2. Hình tượng người lính - sự tương đồng và khác biệt của hai vở kịch múa.

Hai vở kịch múa cũng có những điểm tương đồng về thủ pháp xây dựng tuyến nhân vật. Ở đó, hình tượng nhân vật lịch sử cụ thể và hình ảnh lờ mờ

quần chúng nhân dân lao động của cả đất nước là hai mảng nhân vật xuyên suốt trong tổng thể bố cục, nội dung tác phẩm.

Bằng các thủ pháp nghệ thuật khác nhau, các tác giả trong hai vở kịch múa đã tái hiện nên hình tượng nhân vật lịch sử một cách sinh động và gần gũi. Sử dụng ngôn ngữ múa diễn tả ngoại hình, nội tâm, tính hành động của nhân vật cụ thể gắn liền với những hình tượng cao đẹp của lịch sử dân tộc. Hình tượng Bác Hồ, hình tượng đại tướng Võ Nguyên Giáp, đồng chí Xuân Trường... trong vở kịch múa “Nhân sinh” hay hình tượng người chiến sĩ Điện Biên, chiến sĩ Trường Sơn chống Mỹ, hình tượng người phụ nữ Việt Nam qua hình ảnh người vợ của chiến sĩ Điện Biên... của tác phẩm kịch múa “Đất nước” - đây là những nhân vật điển hình mang tính biểu tượng cho những giá trị cốt lõi về phẩm chất và nhân cách của con người Việt Nam.

Lớp nhân vật quần chúng không chỉ điểm sáng thêm cho nhân vật chính mà còn góp phần vị tôn hình tượng nhân vật theo ý đồ của tác giả, phản ánh trung thực đời sống và cách nhìn chân thực đối với những hy sinh mất mát của dân tộc Việt Nam trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại.

Trong cả hai tác phẩm đều thể hiện một cách chân thực và sinh động lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần ý thức cộng đồng, gắn kết cá nhân - gia đình - làng xóm - tổ quốc. Lòng nhân ái khoan dung trọng nghĩa tình đạo lý, đức tính cần cù và sáng tạo trong lao động.

Trong cả hai vở kịch múa, “hình tượng người lính” là hình ảnh xuyên suốt nội dung hai tác phẩm. Các tác giả đã xây dựng nên hình tượng người lính như biểu tượng của lòng quả cảm, họ luôn ra trận với một tinh thần “quyết tử cho Tổ quốc quyết sinh”.

PGS.TS.NSND. Ứng Duy Thịnh là một tác giả đứng ở địa vị từng là một người lính, ông có một bề dày thực tế phong phú và chiêm nghiệm sâu sắc từ hiện thực chiến tranh. Ông không bằng lòng với những gì đã có, với

ông chiến tranh không chỉ là sự sống chết mà cao hơn là giá trị nhân văn, giá trị hiện thực. PGS.TS.NSND. Ứng Duy Thịnh bằng sự nhạy cảm của một tài năng nghệ thuật, bằng một sự trải nghiệm của một người lính trở về sau chiến tranh, ông đã xây dựng nên tác phẩm kịch múa “Đất nước” bằng tất cả tâm huyết và cảm nhận của một người trong cuộc. Tác phẩm không chỉ mang tính sử thi mà còn giàu chất thơ, có dáng dấp của một huyền thoại về con người Việt Nam trong suốt mấy cuộc chiến tranh gian khổ hy sinh.

Kịch múa “Nhân sinh” được xây dựng và sáng tác bởi thế hệ trẻ những người chưa từng nếm trải mùi vị chiến tranh, họ đã thổi hồn vào tác phẩm bằng niềm tự hào và tự tôn dân tộc, bằng tất cả niềm tin của tuổi trẻ, đã để lại một dấu ấn rất riêng tiêu biểu cho sự thành công của nghệ thuật múa Việt Nam.

Các tác giả dù là trực diện hay gián tiếp trải nghiệm về chiến tranh, họ đều đã cho khán giả thấy được tinh thần dân tộc, tình yêu đất nước nồng nàn của bao thế hệ đã chiến đấu, hy sinh quên mình vì độc lập, tự do của tổ quốc.

Hai tác phẩm có bối cảnh khác nhau, với thời gian, không gian và những con người tham gia trong cuộc chiến khác nhau đã cho người xem có được cái nhìn toàn cảnh và sâu sắc về những cuộc chiến 70 năm về trước. Kịch múa “Nhân sinh” là thời gian của những ngày đầu thành lập quân đội ta tại tỉnh Cao Bằng, đã mở ra một không gian của vùng núi phía Bắc với những đặc trưng riêng của đạo cụ và trang phục, của ngôn ngữ múa (các điệu múa dân tộc Thái, dân tộc Tày). Với thủ pháp sân khấu hóa bằng nghệ thuật múa các tác giả đã làm sống lại không khí sục sôi, quyết tâm đánh giặc của bộ đội ta trong những ngày đầu kháng chiến. Bối cảnh của tác phẩm “Đất nước” là những ngày chiến đấu ác liệt nhất kéo dài từ cuộc kháng chiến chống Pháp đến kháng chiến chống Mỹ, không gian chung là hình ảnh những vùng quê nghèo thanh bình bị cày xới bởi bom đạn của kẻ thù, với không gian sân khấu như vậy tác giả đã sử dụng những trang phục, đạo cụ khác nhau tái hiện lại

những đặc trưng của vùng đồng bằng Bắc Bộ (những chiếc áo tứ thân, những chiếc khung cửi ...)

Hai tác phẩm với cách xây dựng tuyến nhân vật khác nhau đã cho chúng ta thấy được sự phong phú, đa dạng của thủ pháp sáng tạo trong nghệ thuật múa. Tác phẩm kịch múa “Đất nước” của PGS.TS.NSND. Ứng Duy Thịnh với một tuyến nhân vật là quân và dân ta trong những năm tháng kháng chiến, tác giả đã tập trung vào việc xây dựng hình tượng với nhân sinh quan của những con người chính nghĩa xuyên suốt chiều dài tác phẩm. Trong tác phẩm kịch múa “Nhân sinh”, các tác giả lại xây dựng hình ảnh đối lập của nhân vật chính diện và phản diện, với cách xây dựng như vậy tạo nên thế tương phản đối chọi giữa hai tuyến nhân vật như hai lực lượng tiêu biểu cho chính nghĩa và phi nghĩa, sự tàn bạo và lòng nhân ái, sự hủy diệt và sự sống bất diệt, đẩy kịch tính của tác phẩm lên cao. Dù với hai thủ pháp xây dựng tác phẩm khác nhau nhưng cả hai tác phẩm đã để lại trong lòng người xem những hình ảnh đẹp, hình ảnh những con người Việt Nam kiên cường, bất khuất không bao giờ chịu khuất phục kẻ thù.

Tính hiện đại được thể hiện ở tư duy sáng tạo với cách hoà trộn giữa ngôn ngữ nghệ thuật múa dân gian Việt Nam với trường phái múa CDCÁ và múa hiện đại. Những kỹ thuật kỹ xảo trong ngôn ngữ múa của cả tác phẩm kịch múa, từ tổ hợp này nối tiếp đến tổ hợp khác, cường độ sắc thái tăng dần đã tạo hiệu quả cao trong thể hiện tính cách và hành động của nhân vật. Đặc biệt các mảng miếng khắc họa, tô đậm hình tượng người lính trong cả hai tác phẩm. Tính hiện đại trong cấu trúc, trong logic nội dung tác phẩm, trong xây dựng hình tượng người lính.

Tất cả những điều này đã tạo nên một bức tranh đa dạng, phong phú của tác phẩm kịch múa hiện nay. Với những thành tựu đã đạt được thì bên cạnh còn tồn tại một số vấn đề cần khắc phục trong việc khai thác hình tượng

người lính đối với kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng nhằm góp phần phát triển nghệ thuật kịch múa trên con đường hội nhập.

Về nội dung của tác phẩm kịch múa, tác giả biên đạo đã chủ động khai thác những yếu tố đương đại của tác phẩm để làm nổi bật những giá trị nhân văn sâu sắc. Bối cảnh và thời gian xảy ra những sự kiện lịch sử trong tác phẩm đã đi qua, nhưng nội dung tác phẩm vẫn toát lên được những vấn đề mang tính thời sự mà xã hội ngày nay đang quan tâm. Đó là sự hy sinh mất mát của những người cha, người mẹ, người vợ có chồng con ở ngoài mặt trận, đó là sự hy sinh cao cả của các thế hệ nam nữ thanh niên Việt Nam... những người con ưu tú của đất nước cầm súng lên đường đi đánh giặc. Đây là những tác phẩm có giá trị để giáo dục tinh thần yêu nước của thế hệ trẻ trong mọi thời đại.

Qua nghiên cứu nội dung hai vở kịch múa, chúng ta thấy sáng tác kịch múa đang diễn ra theo hai chiều hướng sau:

- Hướng xây dựng cái mới trên cơ sở tìm về bản sắc của múa dân gian dân tộc, lấy ngôn ngữ động tác, kỹ xảo sử dụng đạo cụ của những hình thức múa sinh hoạt làm cơ sở để phát triển xây dựng tác phẩm mang màu sắc thời đại.

- Hướng tiếp thu cái mới, trên cơ sở tiếp nhận các thủ pháp kết cấu, phong cách thể hiện múa hiện đại của nước ngoài, kể cả hệ thống động tác kỹ thuật múa đã được định hình, vận dụng vào xây dựng tác phẩm với một quan niệm tìm thị hiếu thẩm mỹ mới, hướng đến một “hình hài” mới của nền nghệ thuật múa đương đại để cùng hoà nhập với thế giới.

Kết cấu của hai tác phẩm kịch múa trên có bố cục chặt chẽ, mỗi màn được chia làm nhiều phân cảnh, mỗi cảnh được chia thành từng phân đoạn múa. Tất cả đều hợp lý, logic với nội dung và phát triển các tuyến nhân vật. Các tổ hợp múa được thể hiện trong một bố cục tổng thể đã tạo được cao trào của tác phẩm (coda), đồng thời bám sát và thể hiện được ý đồ, tình huống của

tác phẩm. Kết cấu của hai tác phẩm này tạo gợi mở về ý tưởng, sự mới lạ trong ngôn ngữ tổ hợp múa được phát huy mạnh mẽ tạo nên những giá trị thẩm mỹ mới. Đồng thời tác phẩm không nặng về kể chuyện mà mang tính khái quát cao, tập trung lược tả những tình tiết chính để dễ truyền đạt nội dung đến người xem. Tổ hợp múa của hai tác phẩm được xây dựng khoa học, linh hoạt, có phân đoạn, có cao trào, ngôn ngữ múa hiện đại được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa ngôn ngữ múa dân gian Việt Nam, và ngôn ngữ múa CDCÂ nhằm bù đắp những kỹ thuật quay, nhảy lớn mà nghệ thuật múa dân gian không có được tạo hiệu quả thẩm mỹ cao, gây được sự bất ngờ, thu hút được sự quan tâm của đông đảo công chúng yêu nghệ thuật múa.

Tác phẩm dựng theo quy luật thông thường của múa dân gian Việt Nam như quy luật đối xứng và không đối xứng, quy luật đối nghịch, đa tầng, đa diện trong múa CDCÂ. Đồng thời tính ngẫu hứng và cấu trúc mở trong múa hiện đại tạo nên tính thẩm mỹ mới mang hơi thở của thời đại.

Sự mới lạ trong kịch tính cũng được tác giả biên đạo chú trọng khai thác nhằm xây dựng về hình tượng người lính trong tác phẩm. Hình tượng người lính chúng ta cũng thường bắt gặp ở sau phần đầu cho đến kết thúc của vở kịch múa. Đó là những tạo hình tĩnh được kết cấu từ những tư thế, tạo hình múa chứa đựng đường nét nghệ thuật điêu khắc và mang sức biểu cảm cao ở trạng thái tĩnh lặng.

Sử dụng âm nhạc trong hai tác phẩm kịch múa đều là những tác phẩm hiện đại bởi các yếu tố đề tài, chủ đề tư tưởng, cấu trúc tác phẩm, ngôn ngữ múa và âm nhạc được kết hợp một cách nhuần nhuyễn, hữu cơ trong một tổng thể thống nhất mang hơi thở thời đại.

Âm nhạc viết cho kịch múa đáp ứng được yêu cầu phát triển ngôn ngữ múa. Hình tượng người lính càng trở nên ấn tượng hơn khi âm hưởng phối khí hiện đại nhưng vẫn mang đậm giai điệu, âm hưởng dân ca. Người lính

trong hai tác phẩm “Đất nước” và “Nhân sinh” không phải là người lính chung chung mà nó toát lên vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam - Người lính Việt Nam, người lính Cụ Hồ. Bộ cục đa dạng phong phú, tiết tấu linh hoạt và sinh động. Giai điệu múa dân gian được khai thác và phát triển tạo nên những tác phẩm âm nhạc mang phong cách dân tộc hiện đại được công chúng đón nhận. Nhiều tác phẩm âm nhạc đã thành công trong việc hoà trộn những nhạc cụ truyền thống với nhạc cụ của dàn nhạc giao hưởng và các nhạc cụ hiện đại khác, giúp tăng thêm tính hiệu quả cho tác phẩm kịch múa.

Tính hiện đại trong thiết kế sân khấu; Sân khấu của hai vở kịch múa đã được thiết kế quy mô, hiện đại, các hoạt cảnh được thiết kế công phu cho từng phân cảnh múa. Trên sân khấu là các mô hình đồi núi, nhà cửa, cây cối... phong nền đằng sau sân khấu (hoạt cảnh chính) được điều chỉnh bằng máy chiếu hình nền kết hợp với ánh sáng đèn điện tử đa sắc, hệ thống rờng rọc được điều chỉnh bằng mô tơ điện, cùng với máy tạo khói đã tạo nên hình ảnh 4D hoành tráng.

Phục trang của hai vở kịch múa được thiết kế đẹp mắt, với nhiều màu sắc đa dạng. Mặc dù thiết kế phục trang được cách tân để phù hợp với kỹ thuật múa hiện đại, nhưng vẫn giữ được nét truyền thống dân tộc và phù hợp với nhân vật, nội dung cảnh múa. Bên cạnh đó vấn đề thiết kế trang phục đẹp, tôn trọng yếu tố truyền thống không chỉ giúp cho diễn viên tự tin trong biểu diễn nghệ thuật mà còn làm nổi bật hình tượng nhân vật lịch sử, thể hiện tính nhận thức lịch sử, giúp người xem cảm nhận được yếu tố thẩm mỹ, chiều sâu của nhân vật trong tác phẩm.

Đạo cụ biểu diễn cũng được tác giả quan tâm khai thác một cách hiệu quả, phù hợp nội dung kịch bản. Từ những dụng cụ rất gần gũi với người dân Việt Nam như những chiếc khung cửi, những con dao rừng, chiếc khăn đỏ là niềm tin gửi gắm của cha mẹ cho chàng trai lên đường đi chiến đấu... Tất cả

những đạo cụ đó tạo nên một hình ảnh chân thực của một giai đoạn lịch sử trong hai tác phẩm kịch múa.

Yếu tố của diễn viên trong hai vở kịch múa: Những diễn viên chính được các tác giả chọn lựa một cách kỹ lưỡng cả về kỹ thuật kỹ xảo, khả năng diễn xuất, cũng như ngoại hình phải giống và phù hợp với những nhân vật lịch sử. Họ đã thể hiện từ tính cách đến nội tâm của những nhân vật mình đảm nhiệm một cách xuất sắc. Thế hệ những diễn viên hôm nay họ đã có những bước phát triển vượt bậc, từ trong nhà trường họ đã được trang bị những kiến thức về múa cổ điển Châu Âu, dân gian dân tộc, múa tính cách, múa hiện đại. Chính những kiến thức đó đã giúp cho các diễn viên có thể thực hiện được các tổ hợp động tác múa hiện đại, mới lạ một cách thuần thục, điêu luyện, đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ của những thế hệ khán giả hiện nay. Một đặc điểm rất đặc biệt nữa là những diễn viên thể hiện đều là những người chiến sĩ nghệ sĩ, họ được rèn rũa đào tạo và công tác trong môi trường Quân đội. Nên hơn ai hết họ hiểu và cảm nhận rất rõ về người lính, chính vì vậy cùng với tác giả họ đã đồng sáng tạo nên hình tượng của những người lính dũng cảm, kiên cường, có ý chí chiến đấu bất khuất, sẵn sàng hy sinh tất cả cho độc lập tự do của dân tộc. Nhưng chính những người đó cũng rất mộc mạc bình dị, họ có tâm hồn lãng mạn, lạc quan yêu đời. Nhìn chung tính hiện đại và sự mới lạ trong diễn xuất được thể hiện thông qua ngôn ngữ múa đã phản ánh được tính chân thực lịch sử của tác phẩm, phù hợp với giá trị văn hóa xã hội của từng thời kỳ nhất định.

Bên cạnh đó đội ngũ diễn viên phụ cũng chiếm một vị trí quan trọng trong tác phẩm kịch múa. Những cảnh như “Tụ hội” của vở kịch múa “Nhân sinh” đã thể hiện được một sự đoàn kết, thống nhất dân tộc, tất cả nhân dân đều một lòng theo cách mạng. Những nhân vật phụ cũng làm nổi bật hơn nội dung, tư tưởng của những nhân vật chính. Thông qua nhân vật phụ, người xem thấy được hình ảnh những người lính khỏe mạnh, dũng cảm ngày đêm chiến đấu ngoan cường, quyết tử vì Tổ quốc Việt Nam.

2.3.3. Một số mặt hạn chế trong hai tác phẩm kịch múa

Chủ đề sáng tạo kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng nói riêng vẫn còn khiêm tốn. Mặc dù lịch sử Việt Nam gắn liền với những cuộc chiến tranh vệ quốc, và đó cũng là nguồn cảm hứng sáng tạo vô tận cho tác giả của mọi thời đại, nhưng những năm gần đây thể loại kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng vẫn còn thiếu vắng và thưa thớt trên sân khấu chuyên nghiệp. Mặc dù thể loại kịch múa đã tiếp cận được hướng sáng tác mới, vừa xây dựng cái mới trên cơ sở vốn nghệ thuật dân gian truyền thống, vừa tiếp thu những cái mới trên cơ sở tiếp nhận các thủ pháp, kết cấu, phong cách thể hiện múa hiện đại. Tuy nhiên, tác phẩm phản ánh những giá trị hiện thực và chuẩn mực tạo nên giá trị thẩm mỹ mang tính biểu tượng cho sức sống thời đại chưa nhiều.

* Kết cấu, ngôn ngữ của tác phẩm kịch múa mặc dù được bố cục chặt chẽ và có logic, nhưng trong một số phân cảnh đôi lúc xuất hiện những tổ hợp động tác múa thiếu sự kết hợp nhuần nhuyễn giữa các ngôn ngữ, cấu tạo luật động chưa hợp lý.

* Âm nhạc là người bạn song hành cùng với nghệ thuật múa, là linh hồn của hai tác phẩm kịch múa được các nhạc sĩ sáng tác hiệu quả, tuy nhiên nếu các nhạc sĩ không quá lạm dụng âm thanh ảo. Âm thanh điện tử viết trên nền nhạc dân tộc, làm bất ổn định tính chất, sắc thái âm nhạc dân tộc.

* Thiết kế sân khấu của hai vở kịch múa hiện đại đẹp mắt, ứng dụng những công nghệ âm thanh ánh sáng tiên tiến, nhưng cũng không tránh khỏi một số thiếu sót như thiết kế một số đoạn khá đơn giản, lặp đi lặp lại nhiều lần, làm giảm hiệu quả của tác phẩm mà ta thường thấy, đặc biệt trong vở kịch múa “Nhân sinh”.

* Vấn đề cách tân phục trang diễn viên mặc dù vẫn giữ nguyên được nét truyền thống, nhưng xét khía cạnh thẩm mỹ vẫn còn nhiều vấn đề cần bàn. Có những thiết kế chưa bám sát nội dung và tính cách nhân vật.

* Lối diễn xuất của diễn viên đôi khi có sự cứng nhắc, bị động, theo một mô típ nhất định, thiếu sự sáng tạo trong một số tình huống diễn xuất trên sân khấu, do đó không chuyển tải được hết những cảm xúc nhân vật trong tác phẩm.

2.4. Thành tựu và những giải pháp trong việc xây dựng hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam đề tài chiến tranh cách mạng.

Trong hơn 60 năm hình thành và phát triển, kịch múa Việt Nam đã gặt hái được những thành công to lớn về cả số lượng và chất lượng. Các loại đề tài như chiến tranh cách mạng, đề tài lịch sử cũng như những đề tài về xã hội khác đã được các tác giả biên đạo khai thác một cách hiệu quả, đã đáp ứng được nhu cầu thẩm mỹ và thẩm mỹ đương đại của số đông khán giả Việt Nam giai đoạn hiện nay. Đặc biệt đối với đề tài chiến tranh cách mạng luôn là nguồn cảm hứng sáng tạo cho các tác giả ở mọi thế hệ. Đất nước Việt Nam luôn gắn liền với những cuộc chiến tranh vệ quốc, gần đây là cuộc chiến tranh chống Pháp, chống Mỹ, đuổi Nhật và chiến tranh biên giới. Tất cả đã đi qua, chúng ta đã giành được độc lập dân tộc, nhưng những vấn đề về chủ quyền vẫn đang diễn ra hết sức phức tạp. Ví dụ như những tranh chấp về chủ quyền biển đảo, về biên giới, về chiến tranh diễn biến hoà bình. Đây là đề tài nóng bỏng và rất cần thiết đối với các thế hệ tác giả biên đạo cần tiếp tục khai thác. Những vở kịch múa về đề tài chiến tranh cách mạng, những hình tượng về người lính trong hai cuộc chiến tranh chống Pháp và Mỹ, luôn chứa đựng những giá trị tư tưởng lớn lao, những bài học về nhân cách, về đạo đức, về lòng dũng cảm, đức hy sinh cho tổ quốc, cho đồng chí đồng đội, cho gia đình cho thế hệ hôm nay và mai sau.

** Một số những thành tựu mà kịch múa Việt Nam đã đạt được.*

- Các tác phẩm kịch múa đã bám sát hiện thực chiến tranh để mô tả. Hình tượng người lính được phản ánh một cách chân thực trong cuộc chiến đấu anh dũng, cam go quyết liệt để bảo vệ Tổ quốc.

- Các tác giả biên đạo, nhạc sĩ, nghệ sĩ biểu diễn... Đã lao động sáng tạo với những cảm xúc chân thành, trân trọng quá khứ lịch sử bằng những cảm xúc thẩm mỹ đương đại.

- Thể loại kịch múa được thể hiện một cách sinh động và đa dạng. Đội ngũ của thể loại này ngày một đông hơn và chất lượng hơn.

- Đã kế thừa những kinh nghiệm của quá khứ. Kịch múa về đề tài chiến tranh mang đậm bản sắc dân tộc và những yếu tố hiện đại.

Ngoài những thành tựu nghệ thuật trong thể loại kịch múa người viết còn cố gắng phân tích, chứng minh những bất cập cần tiếp tục khắc phục trong những bước phát triển tiếp theo.

**Một số giải pháp xây dựng kịch múa Việt Nam đề tài chiến tranh cách mạng.*

Trong hơn 4000 nghìn năm dựng nước, giữ nước, lịch sử Việt Nam gắn liền với các cuộc chiến tranh. Những giá trị lịch sử hào hùng, những chiến công, những phẩm chất của con người đã được cả dân tộc tôn vinh. Đó là mảng đề tài vô tận, là nguồn cảm hứng dồi dào đối với các tác giả biên đạo. Tuy nhiên vấn đề lựa chọn khai thác cái gì, khai thác như thế nào đang là vấn đề đặt ra.

Hình tượng người lính thường xuất hiện một cách chân thực nhất, sinh động nhất trong đề tài chiến tranh cách mạng. Hơn nữa lịch sử của dân tộc của đất nước Việt Nam gắn liền với các cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Hiện thực chiến tranh và người lính luôn là những bài học sâu sắc, có ý nghĩa giáo dục cao. Vì thế đây là mảng đề tài cần được chú trọng và quan tâm. Về đẹp của những phẩm chất người lính, phẩm chất anh bộ đội cụ Hồ thông qua

ngôn ngữ nghệ thuật múa cần được phát huy trong hiện thực đời sống hôm nay. Để có tác phẩm kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng có giá trị nghệ thuật cao và được toàn xã hội đón nhận, tác giả biên đạo khi chọn đề tài viết kịch bản cần tuân theo một số vấn đề sau:

Mở rộng hướng tiếp cận đề tài chiến tranh cách mạng, khai thác hình tượng người lính từ mọi góc độ, các mối quan hệ của người lính trong mọi hoàn cảnh khác nhau, chiều rộng và sâu của các giai đoạn lịch sử cách mạng.

Chọn đề tài viết kịch bản phải có sự hư cấu logic, không thể sao chép lịch sử một cách trần trụi như cách kể chuyện theo kiểu “có sao nói vậy”. Kịch bản phải dùng đặc trưng của nghệ thuật múa để tái tạo câu chuyện chiến tranh sao cho có tính ước lệ và khái quát cao, có chất thơ và chất thơ đó vốn là một trong những thành tố quan trọng cấu thành nghệ thuật múa.

Đề tài để viết kịch bản phải khai thác được những vấn đề độc đáo, phản ánh hiện thực cuộc sống của những người lính chiến đấu ngoài mặt trận cũng như hậu phương nơi quê nhà. Chủ đề tư tưởng của tác phẩm sâu sắc, chứa đựng những vấn đề mang ý nghĩa xã hội, tạo cơ hội cho biên đạo phát huy trí tưởng tượng tìm tòi, sáng tạo cấu trúc của tác phẩm và xây dựng được hình tượng người lính làm nổi bật chủ đề của tác phẩm.

Đề tài để viết kịch bản phải có đất diễn những tình huống đất có tính hành động, xung đột để xây dựng được tính cách đa dạng của nhân vật. Đồng thời nội dung vở diễn phải thuận lợi cho việc xây dựng ngôn ngữ kịch múa.

Chọn đề tài viết kịch bản phải có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, phục vụ có hiệu quả đối với mọi tầng lớp nhân dân và cán bộ chiến sĩ trong hai cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc cũng như trong công cuộc xây dựng đất nước, góp phần xây dựng nhân cách con người Việt Nam trong thời kỳ mới.

Sau khi tác giả biên đạo đã tiếp cận, nghiên cứu chọn đề tài chiến tranh cách mạng để xây dựng tác phẩm kịch múa của mình, thì vấn đề tiếp theo là

chọn sự kiện và nhân vật lịch sử để xây dựng kịch bản múa. Bởi vì chọn sự kiện và nhân vật là nhằm tái tạo lại những khoảnh khắc lịch sử, những chiến công của các anh hùng, liệt sĩ qua ngôn ngữ nghệ thuật múa trở nên sinh động và hấp dẫn hơn. Do đó, vấn đề chọn sự kiện và nhân vật lịch sử được coi là vấn đề cốt lõi của tác phẩm kịch múa với đề tài chiến tranh cách mạng.

Từ kịch bản múa phải mang tính thơ, tính khái quát cao và phải hư cấu sao cho có thể dùng ngôn ngữ múa để thể hiện. Có kịch bản, có âm nhạc hay, có dàn diễn viên giỏi sáng tạo và thể hiện thành công các nhân vật trong tác phẩm, cùng với yếu tố nghệ thuật khác như: Thiết kế mỹ thuật, trang trí sân khấu, trang phục, đạo cụ, hóa trang, điều khắc thậm trí cả nghệ thuật điện ảnh, múa rối...(nếu có) Và các yếu tố kỹ thuật như: Ánh sáng, tiếng động, dẫn chuyện, bình luận, thuyết minh... Cuối cùng là công việc của người biên đạo dàn dựng, tổng hợp, tổ chức tất cả những sáng tạo của tất cả các thành phần nghệ thuật và các yếu tố kỹ thuật nêu trên trong một tổng thể gắn kết hoàn chỉnh duy nhất trên một ý đồ tư tưởng và phong cách nghệ thuật nhất định. Tác phẩm kịch múa là công trình sáng tạo của một tập thể có định hướng về tư tưởng nghệ thuật, chứ không phải là sự cộng lại những sáng tạo của các cá nhân nghệ sĩ và những người làm kỹ thuật.

Nhìn chung, không gian biểu diễn của tác phẩm kịch múa hoàn toàn phụ thuộc vào nội dung, chủ đề tác phẩm. Trên cơ sở đó, tác giả biên đạo tiến hành xây dựng tác phẩm múa bao gồm các yếu tố. Kịch bản, âm nhạc, múa, thiết kế mỹ thuật và nghệ thuật biểu diễn của diễn viên trong một thể thống nhất.

Tiểu kết chương 2

Thông qua tìm hiểu, phân tích đánh giá hai tác phẩm kịch múa trên. Tôi nhận thấy hình tượng về người lính luôn là những nhân vật chung tâm, là những điểm sáng mà tác giả biên đạo quan tâm khai thác. Từ những hình tượng nhân vật cụ thể đã được tác giả nhân cách hóa để trở thành hình tượng

của cả một dân tộc với sự anh dũng kiên cường không chịu khuất phục trước kẻ thù, nhân dân Việt Nam đã chiến đấu, chiến thắng bất cứ kẻ xâm lược nào để giành độc lập tự do cho Tổ quốc.

Bằng những thủ pháp nghệ thuật khác nhau, với tư duy sáng tạo theo hướng hiện đại, hai vở kịch múa đã khắc họa lên hình ảnh của một giai đoạn chiến tranh ác liệt bằng sự tổng hòa, mới lạ của nhiều loại hình nghệ thuật. Đó là sự cộng hưởng tạo nên thành công của hai tác phẩm cả về tư tưởng nội dung cũng như thẩm mỹ nghệ thuật. Trong việc sử dụng ngôn ngữ múa cũng được các tác giả biên đạo sáng tạo khai thác một cách khéo léo, thông qua các tổ hợp động tác, tuyến đội hình ta thấy một hình thức múa đậm đà bản sắc dân tộc kết hợp với sự phóng khoáng của múa hiện đại cùng sự hỗ trợ tạo kỹ thuật điêu luyện của múa CĐCÁ.

Tuy nhiên trong thực tế sáng tác kịch múa Việt Nam cũng không có nhiều những tác phẩm đạt đến độ thành công như vậy. Có những tác phẩm về nội dung kịch bản mang tính thời đại, nhưng khi thể hiện ngôn ngữ thì lúng túng, sự kết hợp giữa các thể loại múa còn vụng về mang tính lắp ghép, nhìn chung giữa nội dung và hình thức chưa phù hợp với nhau.

Để tạo sức mạnh nội lực cho nền nghệ thuật múa Việt Nam nói chung, kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng nói riêng cần có những tác phẩm xuất sắc, chứa đựng những tư tưởng lớn và phù hợp với tinh thần thời đại. Đó là những tác phẩm làm nên giá trị Chân - Thiện - Mỹ. Những tác phẩm như vậy sẽ sâu sắc về nội dung, nhân văn về tư tưởng, phản ánh được tinh thần thời đại và hấp dẫn người xem. Sự thành công của tác phẩm sẽ tạo nên vị thế xứng đáng cho nền nghệ thuật kịch múa Việt Nam.

Luận văn xác định một số đề xuất cụ thể nhằm phát huy tính sáng tạo hiện đại trong xây dựng hình tượng người lính đề tài chiến tranh cách mạng, nhằm tạo nên những tác phẩm kịch múa xuất sắc. Để có những tác phẩm chất

lượng nghệ thuật cao, không thể không quan tâm tới công tác đào tạo đội ngũ diễn viên múa chuyên nghiệp tâm huyết với nghề. Bên cạnh đó cần đổi mới tư duy sáng tác để nội dung kịch bản, tác phẩm vừa mang hồn dân tộc, vừa đạt đến những triết lý sâu rộng của thời đại. Trong hình thức thể hiện cần có sự tìm tòi, sáng tạo về ngôn ngữ để xây dựng những tác phẩm nghệ thuật mới có sức sống mạnh mẽ, chuyên tải được những thông điệp mang hơi thở thời đại đến công chúng.

KẾT LUẬN

Đề tài “Hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam về đề tài chiến tranh cách mạng qua hai vở kịch múa Đất nước và Nhân sinh” được tiếp cận, phân tích một cách toàn diện các vấn đề từ góc độ nghệ thuật sáng tác và biểu diễn múa, thông qua thể loại kịch múa. Trước khi bước vào phân tích hình tượng người lính trong hai vở kịch múa, người viết đã đưa ra những vấn đề lý luận và thực tiễn của hình tượng người lính trong kịch múa Việt Nam. Làm rõ các khái niệm liên quan đến sự phân tích, chứng minh về hình tượng người lính trong thể loại kịch múa như: Khái niệm về hình tượng nghệ thuật; hình tượng nghệ thuật trong nghệ thuật múa; hình tượng người lính đối với đề tài chiến tranh cách mạng. Xây dựng hình tượng người lính trong việc xác định và lựa chọn đề tài. Đặc biệt thể loại kịch múa về khái niệm cần làm rõ nội hàm từ khâu kịch bản cho thể loại kịch múa đến ngôn ngữ múa, âm nhạc cho múa, diễn viên kịch múa và các yếu tố khác như thiết kế mỹ thuật, trang phục đạo cụ, âm thanh, ánh sáng. Hiện nay, trong giới sáng tác múa chuyên nghiệp khái niệm này vẫn còn nhiều quan niệm khác nhau. Vì vậy làm rõ khái niệm là một việc rất cần thiết để làm cơ sở lý luận phân tích hai vở kịch múa “Đất nước” và “Nhân sinh”. Với ý nghĩa đó toàn bộ nội dung chương 1 mục đích làm cơ sở lý luận để nghiên cứu và thực hiện nhiệm vụ của chương 2.

Hai vở kịch múa “Đất nước” và “Nhân sinh” là hai tác phẩm được giải thưởng cao, được giới chuyên ngành khẳng định về những giá trị của nó. Đặc biệt khán giả chấp nhận và đánh giá trong quá trình tiếp nhận và thưởng thức nghệ thuật. Cả hai tác phẩm với hướng tiếp cận, khai thác và xây dựng hình tượng người lính ở hai cách khác nhau, nhưng đều phản ánh hình tượng người lính một cách đậm đặc.

Người lính là hình ảnh quen thuộc trong các thể loại văn học nghệ thuật Việt Nam. Nói đến người lính là chúng ta liên tưởng đến sự gan dạ, ý chí quật

cường, sẵn sàng hy sinh cho lý tưởng giải phóng và bảo vệ Tổ quốc. Hình ảnh người lính luôn được gắn liền với hình ảnh của một dân tộc anh hùng với ý chí tự cường, không chịu khuất phục trước những kẻ xâm lược. Chiến tranh là kẻ thù của nhân loại, nhưng nhân loại cũng không thoát khỏi quy luật sinh tồn của tự nhiên. Chiến tranh đem đến cho con người một cuộc sống khổ đau cùng cực với bao khó khăn vất vả, sự hy sinh và mất mát, những cuộc chia ly âm dương cách trở. Đau đớn biết bao, xót xa biết bao những cảnh người vợ mất chồng, người mẹ mất con, những cuộc ra đi mà không hẹn ngày trở lại. Thời gian vẫn trôi, đề tài chiến tranh cách mạng và người lính mãi mãi là đề tài cần được quan tâm và tiếp tục khai thác.

Vì vậy, trong sáng tác văn học nghệ thuật thì đề tài chiến tranh cách mạng luôn là nguồn cảm hứng sáng tạo vô tận cho các tác giả và biên đạo, nó là những bài học về lý tưởng về nhân cách, truyền thống yêu nước của nhân dân. Tuy nhiên, việc chọn lựa đề tài phải có giá trị tư tưởng và nghệ thuật cao, phải giúp cho khán giả suy ngẫm, nhìn lại lịch sử với vẻ đẹp mới đầy tự hào. Lấy lịch sử để nhắc nhở con người ngày nay hãy noi gương cha ông, kế thừa những giá trị, thành quả tinh hoa của Đất nước. Với kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng thì ngôn ngữ phải thật phong phú đa dạng không trùng lặp nhưng phải đảm bảo tính lịch sử trên tầm cao mới của sự sáng tạo và thẩm mỹ hiện đại. Ngôn ngữ múa cùng những phương tiện nghệ thuật và kỹ thuật khác (âm nhạc, thiết kế mỹ thuật, ánh sáng, sân khấu...) phải trở thành một thể thống nhất về phong cách biểu hiện.

Nhân vật vở diễn kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng phải có những nét tính cách thật điển hình cùng với những trạng thái tâm lý thật ấn tượng. Để nền nghệ thuật múa Việt Nam nói chung phát triển trong thời kỳ mới, đòi hỏi cần xây dựng những tác phẩm có giá trị nghệ thuật cao. Đó là thể loại kịch múa phản ánh chân thực cuộc sống, mang tư tưởng nhân văn sâu sắc, khắc

hoạ hình ảnh những nhân vật, sự kiện hào hùng của dân tộc. Bên cạnh đó cần kết hợp hài hoà tính hiện đại và tính dân tộc trong sáng tạo tác phẩm và xây dựng ngôn ngữ nghệ thuật múa. Nếu chỉ quan tâm đến tính hiện đại mà bỏ qua tính dân tộc thì ngôn ngữ múa sẽ không thể hiện những yếu tố Chân - Thiện - Mỹ dẫn đến đánh mất bản sắc dân tộc, không có diện mạo riêng và không được công chúng thừa nhận. Ngược lại nếu chỉ quan tâm đến tính dân tộc mà bỏ qua tính hiện đại thì tác phẩm không phát huy được sáng tạo, không cập nhật được với thời đại, dẫn đến không đáp ứng được nhu cầu thưởng thức văn hóa nghệ thuật của xã hội, không thu hút được sự quan tâm của quần chúng khán giả.

Trong khuôn khổ nội dung và nhiệm vụ của đề tài, chúng tôi đã cố gắng tập trung phân tích các thủ pháp nghệ thuật, những nội dung tư tưởng, thẩm mỹ của hai tác phẩm kịch múa về đề tài chiến tranh cách mạng nhằm làm sáng tỏ hình tượng người lính trong chiến đấu, trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Trên cơ sở nghiên cứu, chúng tôi hy vọng luận văn sẽ là tài liệu nghiệp vụ phục vụ cho ngành múa, là tài liệu tham khảo cho đào tạo biên đạo, lý luận phê bình múa của các trường nghệ thuật chuyên nghiệp. Thông qua đề tài nghiên cứu, chúng tôi cũng đề xuất những giải pháp nhằm xây dựng nền nghệ thuật múa Việt Nam nói chung và kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng nói riêng “tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc”.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Bách khoa toàn thư Tuổi trẻ văn học nghệ thuật* (2002), phần II, Nxb Phụ nữ, Hà Nội.
2. Lê Ngọc Canh (1997), *Khái niệm nghệ thuật múa*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
3. Lê Ngọc Canh (2001), *100 điệu múa truyền thống Việt Nam*, Nxb Văn hóa thông tin, Hà Nội.
4. Lê Ngọc Canh (2008), *Lịch sử nghệ thuật múa Việt Nam*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
5. Lê Ngọc Canh (2013), *Nghệ thuật biểu diễn truyền thống các dân tộc thiểu số Việt Nam*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
6. Lê Ngọc Cường (1998), *Một vài suy nghĩ về chất lượng tác phẩm múa thời đại*, kỷ yếu hội thảo khoa học, Hội nghệ sĩ múa Việt Nam, Hà Nội
7. Trịnh Xuân Định (2015), *Sổ tay biên đạo*, Nxb Mỹ Thuật, Hà Nội.
8. Trương Lê Giáp (2002), *Lịch sử kịch múa Nga*, Nxb Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
9. Bài Thu Hồng (2012), *Tính dân tộc trong tác phẩm múa của Nghệ sĩ Nhân dân Thái Ly*, Nxb Văn học, Hà Nội.
10. Đặng Hùng (2005), *Phương pháp sáng tác múa*, Nxb Văn nghệ, Hồ Chí Minh.
11. Trần Văn Hải (2007), *Múa hiện đại Việt Nam và phương hướng phát triển*, Luận văn thạc sĩ, Nghệ thuật Sân khấu, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.
12. Hội nghệ sĩ múa Việt Nam (2012), *Tuyển tập những bài viết về nghệ thuật múa Việt Nam* (tập 1), Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
13. Hội nghệ sĩ múa Việt Nam (2013), *Tuyển tập những bài viết về nghệ thuật múa Việt Nam* (tập 2), Nxb Văn hóa thể thao, Hà Nội.
14. Lâm Tô Lộc (2011), *Tìm hiểu về nghệ thuật múa Việt Nam*, Nxb Văn

hóa Dân tộc, Hà Nội.

15. Trương Thị Mai Ly (2011), *Yếu tố múa hiện đại trong kịch múa Việt Nam qua một số tác phẩm tiêu biểu*, Luận văn thạc sĩ, Viện văn hóa dân gian, Hà Nội.
16. Nhiều tác giả (1980), *Kịch múa Xô Viết hiện đại*, Nxb Thế giới, Hà Nội.
17. Nhiều tác giả (1982), *Tính hiện đại trong nghệ thuật sân khấu*, Nxb Hội nghệ sĩ Sân khấu Việt Nam, Hà Nội.
18. Tất Thắng (2000), *Lý luận kịch*, Nxb Sân khấu, Hà Nội.
19. Ứng Duy Thịnh (2010), *Con đường của múa dân gian đến sáng tạo chuyên nghiệp*, Nxb Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
20. Hồ Thị Thanh Tâm (2014), *Tính hiện đại trong kịch múa Việt Nam đề tài lịch sử*, luận văn thạc sĩ Nghệ thuật Sân khấu - Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội. Hà Nội
21. Nguồn www.thivien.net, NTC 05/03/2016
22. Nguồn: tailieuvan.net, NTC 25/3/2016
23. Nguồn: poem.tkaraoke.com/tim.tho, NTC 25/3/2016
24. Nguồn: www.thivien.net, NTC 25/3/2016

PHỤ LỤC 1**Bảng kê thống kê loại hình hát múa, thơ múa, kịch múa**

Bảng 1. Loại hình hát múa, thơ múa

TT	Tên tác phẩm	Tác giả	Năm sáng tác
01.	Đi dân công	GS.TS.NSND. Lê Ngọc Canh	1950
02.	Tổ tam tam	NSƯT. Bùi Tòng	1954
03.	Anh Khương đánh tàu	NSND. Trần Minh	1954
04.	Bà mẹ nuôi	Trường sĩ quan lục quân	1954
05.	Phá xiềng	NSND. Thái Ly	1963
06.	Lau súng nhớ quê	Phạm Tuấn	1954-1964
07.	Bài ca hy vọng	NSND. Thái Ly	1965
08.	Đôi bờ	NSND. Thái Ly	1962
09.	Du kích Mèo	NSND. Đỗ Minh Tiến	1954-1964
10.	Trên Hạm tàu	NSƯT. Cao Hoàng Hà	1954-1964
11.	Chiến sĩ pháo binh	NSND. Đỗ Minh Tiến	1954-1964
12.	Bầu trời quê hương	NSND. Đỗ Minh Tiến	1965
13.	Quạt ngã thân sấm sét	NSND. Đỗ Minh Tiến	1965
14.	Tình đoàn kết chiến đấu ba nước Đông Dương	NSND. Đỗ Minh Tiến	1972
15.	Người mẹ thành đồng	NSƯT. Lê Kim Tiến	1968
16.	Hận thù Phú Xá	NSND. Trần Minh	1972
17.	Chặng đường biên giới	NSND. Trần Minh	1967
18.	Tay chài vai súng	NSND. Trần Minh	1965

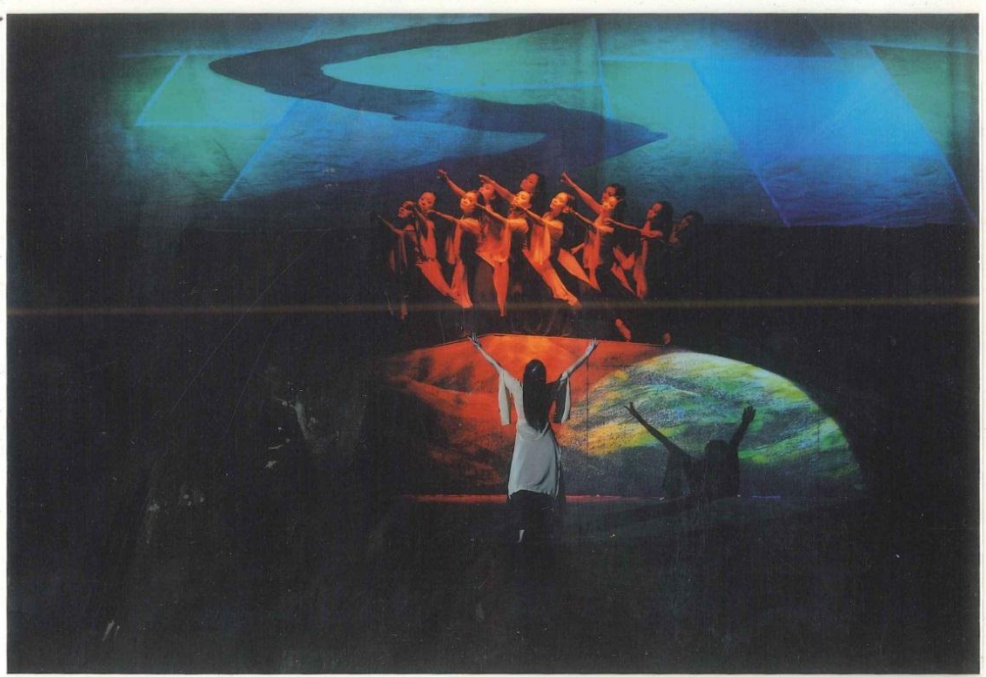
(Nguồn lịch sử nghệ thuật múa Việt Nam)

Bảng 2. Thể loại kịch múa đề tài chiến tranh cách mạng

TT	Tên tác phẩm	Tác giả	Năm sáng tác
01.	Ngọn lửa Nghệ Tĩnh	Tập thể lớp biên đạo múa Trường ĐH VHNT - QĐ	1961
02.	Bà má miền Nam	NSND. Thái Ly	1962
03.	Theo cờ giải phóng	NSND. Lê Ngọc Canh, NSƯT. Xuân Công, Đức Thuận	1962
04.	Anh hùng Bé Văn Đàn		1962
05.	Anh hùng Phan Đình Giót		1961
06.	Hoa nở trên đường kéo pháo	NSND. Lê Ngọc Canh	1958
07.	Vượt sóng cứu dân	Thế Dương	1962
08.	Những ngày bão táp	NSND. Thái Ly	
09.	Cây đèn biển	NSND. Trịnh Xuân Định	1970
10.	Người con gái đất đỏ	NSND. Thái Ly	
11.	Rừng thương núi nhớ	NSND. Trần Minh	1968
12.	Chị Sứ	NSND. Xuân Định	1972
13.	Bão lửa Thăng Long	NSND. Đỗ Minh Tiến	1972
14.	Mùa xuân bão táp	NSND. Đỗ Minh Tiến	1972-1975
15.	Ngọn lửa Ba Tơ	NSND. Lê Huân	1975
16.	Huyền tích Trường Sơn	NSƯT. Bằng Thịnh – Ngô Quốc Tính	1976-2008
17.	Huyền thoại mẹ	Bùi Đình Phiên, NSND. Công Nhạc	2002
18.	Nhân sinh	Tập thể lớp Biên đạo múa khóa 9, trường ĐH VHNT Quân đội	2004
19.	Ngọn lửa	NSND. Ứng Duy Thịnh, NSND. Ngọc Cường	2008
20.	Đất nước	NSND. Ứng Duy Thịnh	2008
21.	Chuyện tình non sông	NSND. Vũ Hoài, NSND. Việt Cường, Kim Quy	1976-2008
22.	Núi đôi	NSND. Trịnh Xuân Định	2008
23.	Bà ca người cộng sản	Tập thể lớp biên đạo múa trường ĐH VHNT Quân đội	2008
24.	Ngọn lửa Hà Thành	NSND. Công Nhạc, NSND. Kiều Lê, NSND. Hữu Từ	2011

(Nguồn lịch sử nghệ thuật múa Việt Nam)

PHỤ LỤC 2



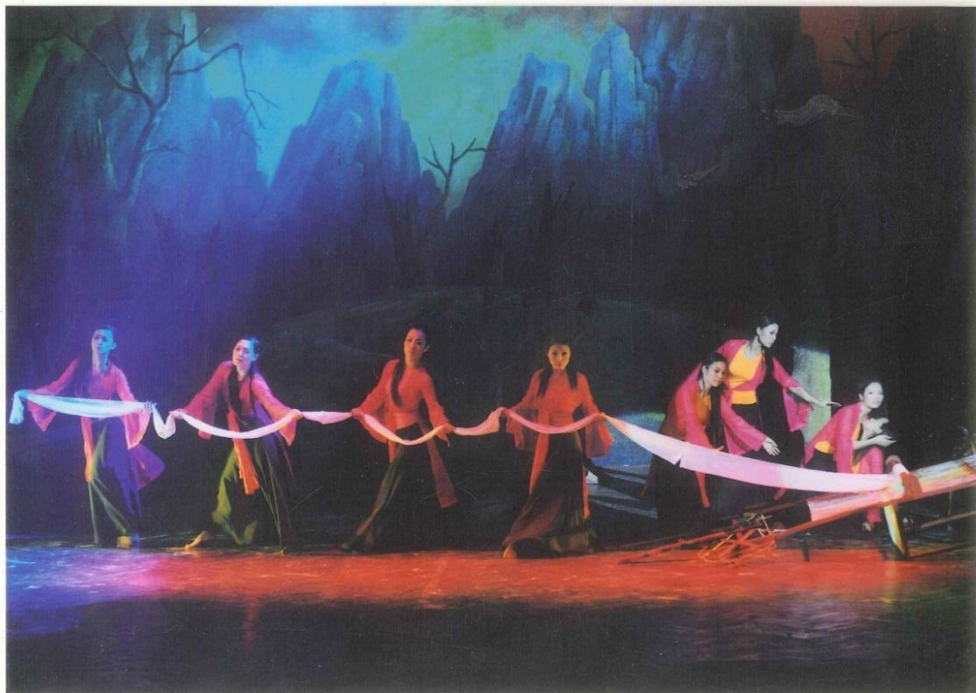
Hình 1: Kịch múa Đất nước. Cảnh 1: Miền quê thương nhớ
Ảnh An Thuyên.



Hình 2: Kịch múa Đất nước. Cảnh 1: Miền quê thương nhớ
Ảnh An Thuyên.



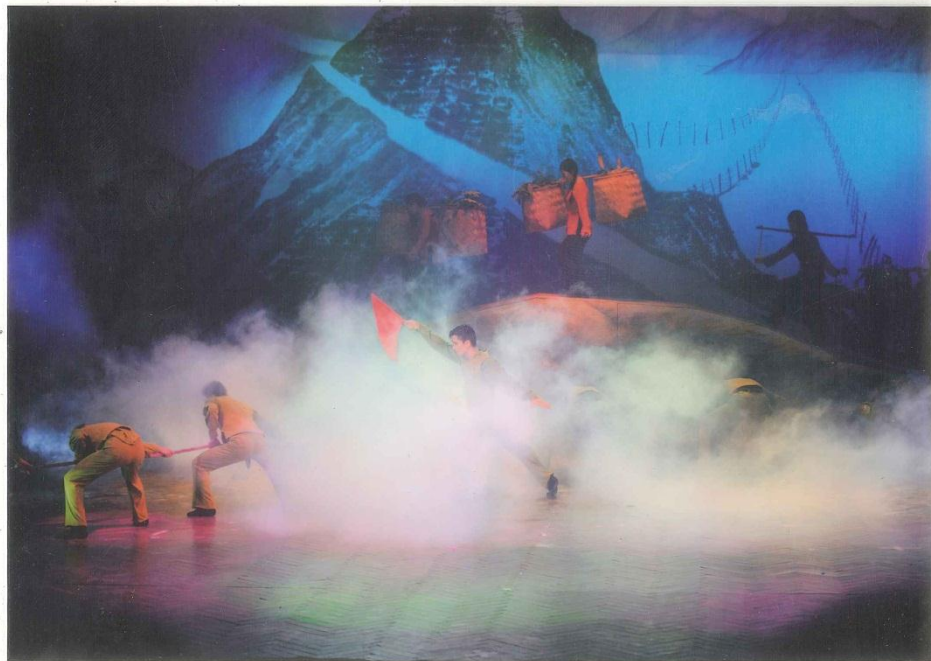
Hình 3: Kịch múa Đất nước. Cảnh 1: Miền quê thương nhớ
Ảnh An Thuyên.



Hình 4: Kịch múa Đất nước. Cảnh 4: Gia đình - Ảnh An Thuyên



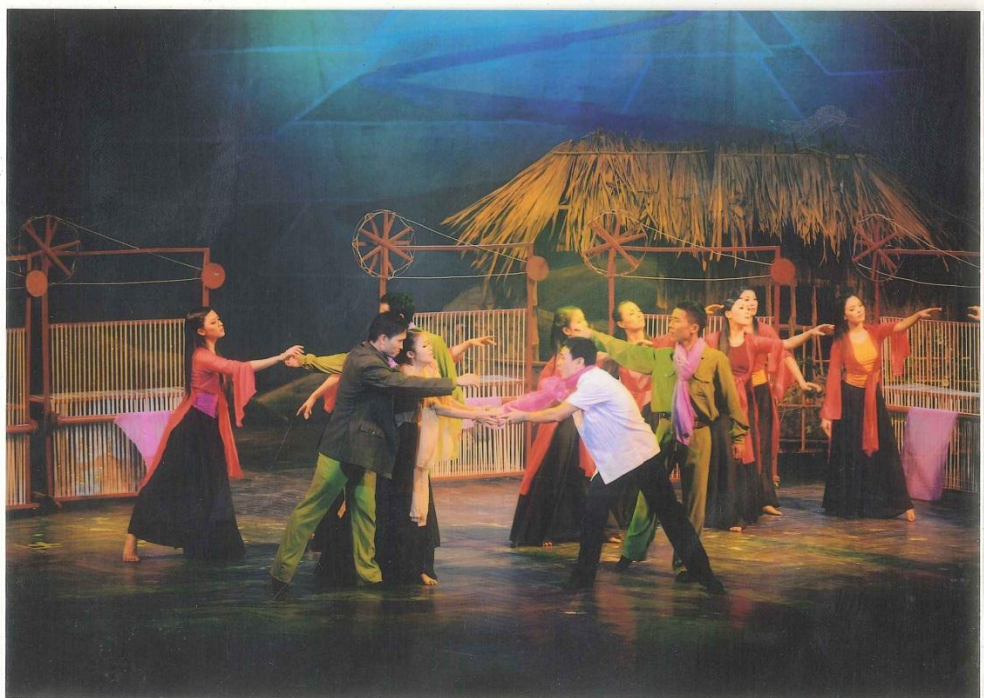
Hình 5: Kịch múa Đất nước. Cảnh 2: Tiên tuyến và hậu phương
Ảnh An Thuyên.



Hình 6: Kịch múa Đất nước. Cảnh 2: Tiên tuyến và hậu phương
Ảnh An Thuyên.



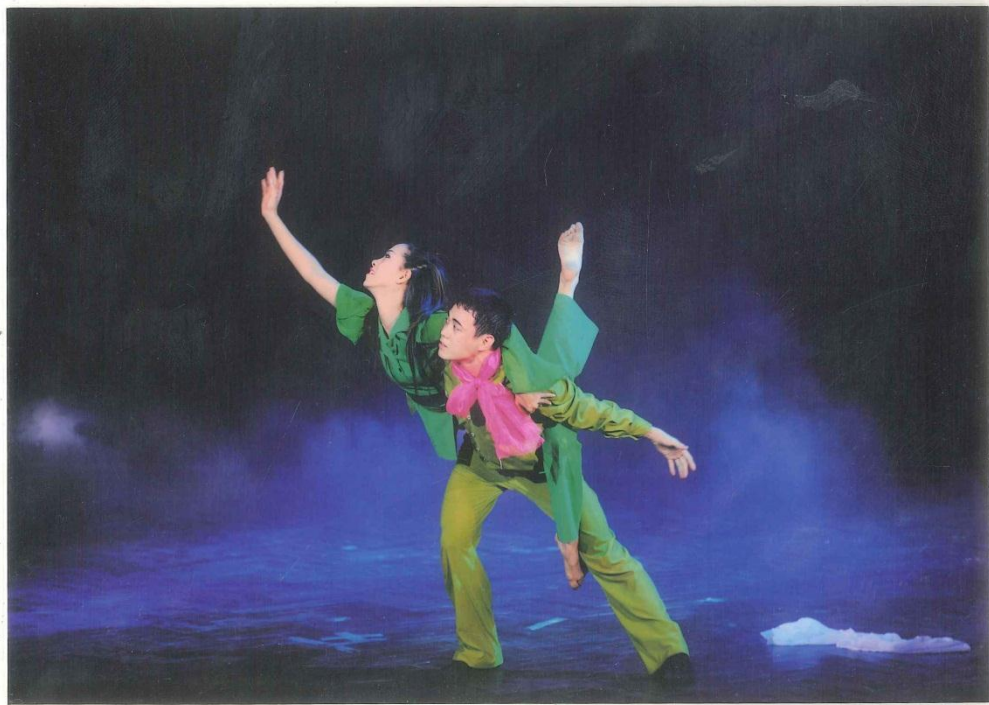
Hình 7: Kịch múa Đất nước. Cảnh 3: Ngày trở về - Ảnh An Thuyên.



Hình 8: Kịch múa Đất nước. Cảnh 4: Gia đình - Ảnh An Thuyên.



Hình 9: Kịch múa Đất nước. Cảnh 5: Quê hương trong trái tim người lính
Ảnh An Thuyên.



Hình 10: Kịch múa Đất nước. Cảnh 5: Quê hương trong trái tim người lính
Ảnh An Thuyên.



Hình 11: Kịch múa Đất nước. Cảnh 6: Ngày chiến thắng - Ảnh An Thuyên.



Hình 12: Kịch múa Đất nước. Cảnh 6: Ngày chiến thắng - Ảnh An Thuyên.



Hình 13: Kịch múa Nhân sinh. Mở màn Bác Hồ ánh sáng niềm tin
Ảnh từ đĩa hình.



Hình 14: Kịch múa Nhân sinh. Cảnh 2: Lời Thề (22/12/1944)
Ảnh từ đĩa hình



Hình 15: Kịch múa Nhân Sinh. Cảnh 1: Tụ Hội - Ảnh từ đĩa hình.



Hình 16: Kịch múa Nhân Sinh. Cảnh 1: Tụ Hội - Ảnh từ đĩa hình.



Hình 17: Kịch múa Nhân Sinh. Cảnh 2: Lờ Thê (22/12/1944)
Ảnh từ đĩa hình.



Hình 18: Kịch múa Nhân Sinh. Cảnh 3: Trận Phay Khắt (25/12/1944)
Ảnh từ đĩa hình.



Hình 19: Kịch múa Nhân Sinh. Cảnh 3: Trận Phay Khắt (25/12/1944)
Ảnh từ đĩa hình.



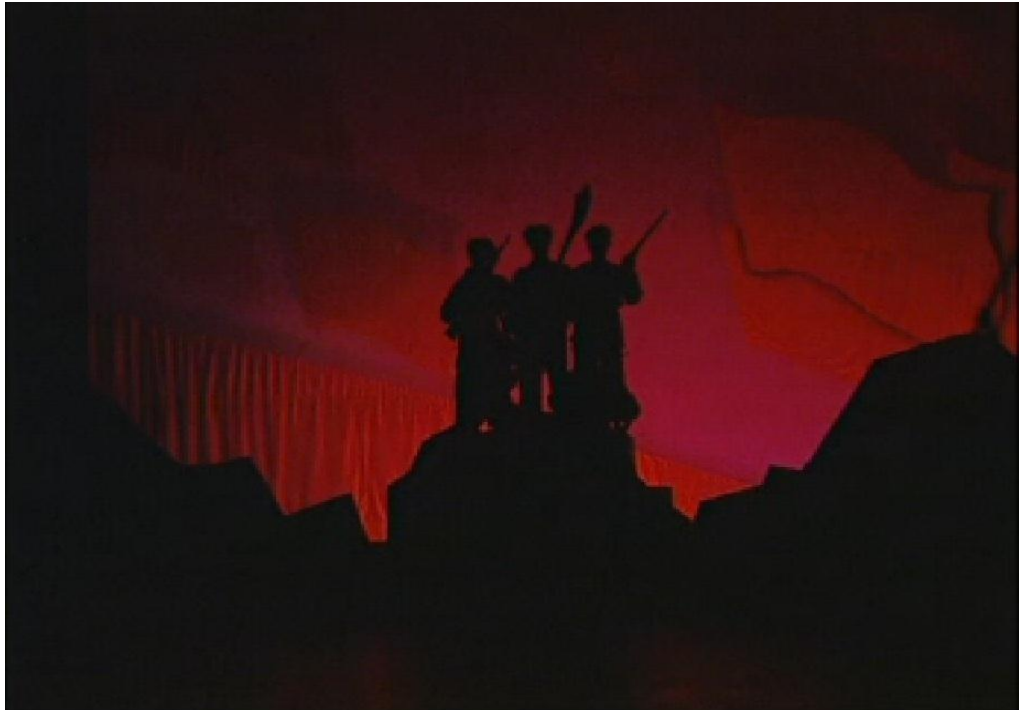
Hình 20: Kịch múa Nhân Sinh. Cảnh 3: Trận Phay Khắt (25/12/1944)
Ảnh từ đĩa hình.



Hình 21: Kịch múa Nhân Sinh. Cảnh 5: Trận Đồng Mu (Đêm ngày 14/2/1945) - Ảnh từ đĩa hình.



Hình 22: Kịch múa Nhân sinh. Cảnh 5: Trận Đồng Mu (Đêm ngày 14/2/1945) Ảnh từ đĩa hình.



Hình 23: Kịch múa Nhân sinh. Phần III: Vinh quang chiến sĩ Việt Nam
Ảnh từ đĩa hình.



Hình 24: Kịch múa Nhân sinh. Phần III: Vinh quang chiến sĩ Việt Nam
Ảnh từ đĩa hình.